

DOCUMENT RESUME

ED 066 997

48

FL 003 627

AUTHOR Quinn, Robert M.
TITLE An Intermediate Vietnamese Reader.
INSTITUTION Cornell Univ., Ithaca, N.Y. Southeast Asia Program.
SPONS AGENCY Office of Education (DHEW), Washington, D.C. Bureau of Research.
BUREAU NO BR-0-7705
PUB DATE 72
CONTRACT OEC-0-70-3658
NOTE 200p.; Final report copy

EDRS PRICE MF-\$0.65 HC-\$6.58
DESCRIPTORS Grammar; *Instructional Materials; *Intensive Language Courses; Modern Languages; Pattern Drills (Language); Phonetics; Pronunciation; *Reading Development; Reading Instruction; *Reading Materials; Textbooks; Uncommonly Taught Languages; *Vietnamese

ABSTRACT

This text is designed to follow "Introductory Vietnamese," and aims to develop the student's reading ability within the social sciences. The grammatical and lexical content assumes mastery of the content of the previous volume. Newly introduced lexical items are glossed as part of the lesson in which they first occur and also listed in the glossary. Lessons include: (1) dialogues, (2) vocabulary sections, (3) grammar notes, and (4) questions. A Vietnamese-English glossary is included. For the companion document see FL 003 628. (RL)

ED 066997

U.S. DEPARTMENT OF HEALTH, EDUCATION & WELFARE
OFFICE OF EDUCATION

THIS DOCUMENT HAS BEEN REPRODUCED EXACTLY AS RECEIVED FROM THE
PERSON OR ORGANIZATION ORIGINATING IT. POINTS OF VIEW OR OPINIONS
STATED DO NOT NECESSARILY REPRESENT OFFICIAL OFFICE OF EDUCATION
POSITION OR POLICY.

AN
INTERMEDIATE VIETNAMESE
READER

Robert M. Quinn

Southeast Asia Program
Cornell University
Ithaca, N. Y.
1972

FL 003 627

1 i/iii

The research reported herein was
performed pursuant to a contract with the
United States Department of Health, Education and Welfare
Office of Education
under PL 85-864, Title VI
Section 602, as amended.

Final Report Copy

ACKNOWLEDGMENTS

The author wishes to acknowledge the generous support of the Office of Education, U. S. Department of Health, Education and Welfare for the preparation of this text, and to recognize the assistance of Robert B. Jones, Jr. of Cornell University, whose draft manuscript formed the basis of some of the lessons presented here.

Gratitude must also be expressed for the assistance of the Vietnamese Information Service, whose press reports formed the basis for many of the news oriented lessons.

To Mrs. Duong Van-Mai Elliott and Mrs. Pham Thuy-Hoa Piper, whose numerous suggestions and patient collaboration made the preparation of this manuscript possible, sincere thanks are extended.

ROBERT M. QUINN

June, 1972

INTRODUCTION

I. GENERAL CONTENT AND OBJECTIVES

This text is designed to follow INTRODUCTORY VIETNAMESE, by the same author, but is intended to promote a reading ability within modern social science documents, for those American students whose goal is to be able to carry out research in this type of material. Thus the goal of this course is bridging the gap between an intermediate spoken knowledge of the Vietnamese language and the reading of general periodical literature.

For those students who may desire a more literary and historical vocabulary, together with a knowledge of general cultural information, the author suggests the alternative or parallel use of Laurence Thompson's A VIETNAMESE READER, in which the emphasis is more toward that type of reading. For those who desire to continue primary emphasis on the spoken language, similar use could be made of Nguyen Dinh Hoa's INTERMEDIATE VIETNAMESE.

The grammatical and lexical content of this text assumes the complete mastery of the content of the previous volume, and makes no attempt to reiterate grammatical explanations or give glosses for vocabulary items presented in the previous work. All lexical items introduced in this book are glossed as part of the lesson in which they first occur, and also are listed in the GLOSSARY at the end of this volume. Whenever a new grammatical element or construction is encountered, it is explained in the GRAMMAR NOTES section of the lesson.

INTRODUCTION

II. PEDAGOGICAL SUGGESTIONS

A. PRESENTATION AND PREPARATION

Each lesson should be introduced orally by a native speaker, or by means of a tape recording, in order to have new material introduced in actual context with natural pronunciation. The student should make an attempt to listen for new elements and identify them in context, before each one is examined individually in isolation.

After oral or recorded presentation, each new element should be repeated several times and put into the context of the sentence in which it occurs, but no attempt should be made to 'translate' either the individual sentences or the meaning of the passage as a whole at this stage.

Between class sessions, the students should fully prepare the selection by thoroughly learning all new words, and mastering the content of the selection as well as possible. The greatest impact of a new selection will occur, for most students, during the attempt to master the content outside of class. The effect of classroom explanation is usually greater when the student is more familiar with the context and the problem involved.

B. INSTRUCTION AND APPLICATION

After the students have prepared the selection, the instructor should devote some time to answering any remaining questions of usage or translation. This allows attention to be directed toward actual problems, and avoids needless waste of time on overall or unnecessary explanations in class. It will thus be necessary only to 'translate' new or unusual constructions or combinations.

INTRODUCTION

After all student initiated questions have been answered or grammar points have been more fully explained, the native speaker or a tape recording of the Questions section should elicit responses from the students. Such responses ought to be fully developed sentences, and should use as many new vocabulary items as are appropriate. This step should make any remaining confusion over grammatical or lexical content of the selection clear, and will allow the instructor to help in shaping acceptable responses to each question. Cyclical repetition of this procedure will ensure proper aural-oral mastery of the subject matter of each lesson.

TABLE OF CONTENTS

LESSON I

I. Dialogue: Đạo Quanh Thành-Phố	1
II. Vocabulary	2
III. Grammar Notes	3
IV. Questions	4

LESSON II

I. Dialogue: Ốm Đau	7
II. Vocabulary	8
III. Grammar Notes	9
IV. Questions	10

LESSON III

I. Narrative: Khi-Hậu Ở Việt-Nam	13
II. Vocabulary	14
III. Grammar Notes	15
IV. Questions	15

LESSON IV

I. Dialogue: Thu-Tín và Giao-Thông	17
II. Vocabulary	18
III. Grammar Notes	19
IV. Questions	19

LESSON V

I. Dialogue: Phương-Tiện Giao-Thông	21
II. Vocabulary	22
III. Grammar Notes	23
IV. Questions	23

LESSON VI

I. Narrative: Viết Thư Về Nhà	25
II. Vocabulary	26
III. Grammar Notes	27
IV. Questions	28

TABLE OF CONTENTS

LESSON VII		
I.	Dialogue: Danh-Lam Thang-Canh	29
II.	Vocabulary	30
III.	Grammar Notes	31
IV.	Questions	31
LESSON VIII		
I.	Dialogue: An Mừng Các Ngày Lễ Tết	33
II.	Vocabulary	35
III.	Grammar Notes	36
IV.	Questions	36
LESSON IX		
I.	Narrative: Tết Nguyên Đán	39
II.	Vocabulary	40
III.	Grammar Notes	42
IV.	Questions	43
LESSON X		
I.	Dialogue: Làm Ruộng: Gieo Mạ và Cây Lúa	45
II.	Vocabulary	47
III.	Grammar Notes	48
IV.	Questions	48
LESSON XI		
I.	Dialogue: Giáo-Dục Việt-Nam	51
II.	Vocabulary	53
III.	Grammar Notes	54
IV.	Questions	55
LESSON XII		
I.	Dialogue: Chính-Trị và Giáo-Dục	57
II.	Vocabulary	59
III.	Grammar Notes	60
IV.	Questions	61
LESSON XIII		
I.	Tin-Tức Ngắn	63
II.	Vocabulary	64
III.	Grammar Notes	66
IV.	Questions	68

TABLE OF CONTENTS

LESSON XIV

I.	Tin-Túc Chiến-Sự	71
II.	Vocabulary	72
III.	Grammar Notes	74
IV.	Questions	75

LESSON XV

I.	Tin-Túc Trong Nước	77
II.	Vocabulary	78
III.	Grammar Notes	81
IV.	Questions	82

LESSON XVI

I.	Tin-Túc Trong và Ngoài Nước	85
II.	Vocabulary	87
III.	Grammar Notes	89
IV.	Questions	90

LESSON XVII

I.	Tin-Túc Xã-Hội và Kinh-Tế	93
II.	Vocabulary	95
III.	Grammar Notes	97
IV.	Questions	98

LESSON XVIII

I.	Tin-Túc Xã-Hội	101
II.	Vocabulary	103
III.	Grammar Notes	105
IV.	Questions	105

LESSON XIX

I.	Viện-Trợ Kinh-Tế	107
II.	Vocabulary	110
III.	Grammar Notes	112
IV.	Questions	112

LESSON XX

I.	Tin-Túc Giáo-Dục và Y-Tế	115
II.	Vocabulary	118
III.	Grammar Notes	120
IV.	Questions	121

TABLE OF CONTENTS

LESSON XXI		
I.	Tin-Tức Chính-Trị	125
II.	Vocabulary	127
III.	Grammar Notes	130
IV.	Questions	131
LESSON XXII		
I.	Bình-Luận về Thời-Cuộc	133
II.	Vocabulary	135
III.	Grammar Notes	137
IV.	Questions	138
LESSON XXIII		
I.	Trích Lời Của Mao Chủ Tịch	141
II.	Vocabulary	143
III.	Grammar Notes	145
LESSON XXIV		
I.	Đấu Tranh Giai Cấp và Lễ Quốc Khánh Bô	147
II.	Vocabulary	149
III.	Grammar Notes	151
LESSON XXV		
I.	Dân Tộc Thuộc Địa	153
II.	Vocabulary	155
GLOSSARY		159

LESSON ONE

I. DIALOGUE

ĐẠO QUANH THÀNH-PHỐ

- Hai : Sáng nay giới mắt, tôi lại rủ anh đi dạo phố chụp ảnh. Anh có bận gì không?
- Lee : Dạ không. Tôi cũng định chụp một ít ảnh gửi về Mỹ cho gia-đình tôi từ lâu rồi, nhưng mỗi lần ra phố tôi lại quên không đem máy ảnh theo. 5
- Hai : Lần này anh đừng quên nhé! Tôi định hôm nay đưa anh đến chợ Bến-Thành, sở thú, viện bảo-tàng, và Lăng Ông ở Gia-Định chơi. Đến buổi trưa thì chúng mình ra cầu Bình-Lợi ăn một bữa cơm đặc-biệt Việt-Nam. 10
- Lee : Tối nay xin mời anh vào Chợ-Lớn ăn cơm Tàu, rồi chúng mình đi xem hát cải-lương, hay đi xem chiếu bóng.
- Hai : Thế thì còn gì bằng! Tối nay không có phim gì hay, nhưng đoàn Thanh-Nga diễn tuồng Hai Bà Trưng. 15
Chuyện này hay lắm, chúng ta nên đi xem. Chúng mình nên đến rạp hát sớm mua vé cho có chỗ ngồi tốt.
- Lee : Chúng mình gọi xe rích-lô xuống chợ Bến-Thành nhé!
- Hai : Thôi chúng mình đi bộ đi, vừa khỏe người lại vừa khỏi tốn tiền. 20

LESSON 1

Lee : Vàng, như vậy thì càng hay. Đi bộ thì mình có thể vừa hóng mát vừa ngắm cảnh, và nhìn người qua lại. Người ta làm gì mà đứng xung quanh cửa hàng kia đông quá thế?

Hai : Hình như là hai chị bán cá đang đánh nhau, chửi nhau, và những người đứng xem đang cổ can họ mà không được.

25

II. Vocabulary

rủ	to invite, to come along, to urge or ask	chiếu bóng	to show movies
đạc	to wander, stroll, take a walk	phim	films, movies
ảnh	photograph	đoàn	troupe, flock, detachment
chụp ảnh	to take a photograph	diễn	to perform, relate or explicate
gửi	to send, dispatch, remit	tuồng	a play
quên	to forget	rạp hát	a theater
máy ảnh	camera	vé	a ticket or coupon
sở thú	zoo	vừa	both... and ...
viện	classifier for institutions	tốn	to be costly (money, time, effort)
viện bảo tàng	museum	càng	to do increasingly, all the more...
lang	royal tomb	hóng	to enjoy, receive
lang Ông	tomb of Marshall Lê-Van-Duyệt	ngắm	to behold a view, to take aim at
cầu	bridge	cảnh	landscape, view, scenery
đặc-biệt	typical, special	nhìn	to look at or stare
hát	to sing or give a performance	xung quanh	all around
xem hát	to go to a play	cửa hàng	a shop
cải-lương	reformed Vietnamese opera	đánh	to fight, to strike or hit

LESSON 1

chửi to call names, to can to intervene
 insult

III. GRAMMAR NOTES

The numbers used for the grammar notes correspond to the number of the line in which the element involved occurs, as indicated in the right hand margin of the text.

14. The phrase 'còn gì bằng', functions as an exclamation and is generally equivalent to the English expression, 'what could be better than that'.

19. In this kind of parallel construction, the element 'vừa' relates the two actions involved as taking place or being possible at the same time, much as the English construction 'both... and...'. In some instances it may also resemble the notion of 'while doing... also doing...'. When this element functions as a particle, not in parallel construction, it has the same range of meaning and function as the pre-verbal auxiliary 'mới' (just..., then and only then).

21. The element 'càng', serves either to intensify the degree of the following stative verbal or to relate two actions in a 'the more... the more...' type relationship. The following examples are typical:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| a. Việc ấy thì càng hay hơn nữa. | That is even better. |
| b. Ông ấy càng nói tôi càng mệt. | The more he talks the more tired I get. |
| c. Người ta càng ngày càng nghèo. | People are getting poorer and poorer every day. |

LESSON J

23. This use of the particle 'mà' sets up a resumptive relationship between two clauses or verbal phrases, rather than the usual disjunctive function of 'mà' (as in sentence 26 following). This function can be outlined as a 'that' (of manner) or 'so as to...' in English, but can only be understood in context, as in:

- a. Ông làm gì mà chưa biết! What were you doing, that you don't know yet!
- b. Họ đi đâu mà đi mau thế? Where are they going, that they are going so quickly?

IV. QUESTIONS

1. Sáng hôm ấy giờ như thế nào?
2. Ông Hai lại nhà ông Lee để mời ông ấy làm gì?
3. Ông Lee định gửi gì về Mỹ?
4. Tại sao ông Lee chưa gửi ảnh về Mỹ?
5. Ông Hai định đưa ông Lee đi đâu chơi?
6. Trưa hôm ấy họ định đi đâu?
7. Họ định đi cầu Bình-Lợi làm gì?
8. Bao giờ họ định đi ăn cơm Tàu?
9. Tối hôm ấy ông Lee mời ông Hai vào Chợ-Lớn làm gì?
10. Sau khi ăn cơm tối xong họ định đi đâu?
11. Cái-lương và chiếu bóng khác nhau như thế nào?
12. Ông Lee và ông Hai định xem cái-lương hay chiếu bóng?
13. Đoàn Thanh-Nga hôm ấy diễn tuồng gì?
14. Ông Hai thấy chuyện ấy có hay không?
15. Tại sao ông Hai muốn đến rạp hát sớm?

LESSON 1

16. Ông Lee muốn đi đến Chợ Bến-Thành bằng gì?
17. Tại sao ông Hai muốn đi bộ đến đây?
18. Tại sao ông Hai bằng lòng đi bộ?
19. Ông Hai và ông Lee gặp chuyện gì xảy ra trên đường đi?
20. Khi hai ông ấy đến thì hai chị bán cá đang làm gì?
21. Những người đứng xem cố làm gì?

LESSON TWO

I. DIALOGUE

ỐM ĐAU

- Smith : Ông có biết bác-sĩ nào giỏi không?
- Phan : Ông không được khỏe à?
- Smith : Tôi chỉ hơi nhức đầu thôi. Tôi không cần phải đi bác-sĩ bây giờ, nhưng tôi muốn biết tên một bác-sĩ giỏi nhớ khi bị ốm thì đi. 5
- Phan : Tôi biết một ông bác-sĩ rất giỏi, để tôi biên tên và địa chỉ của ông ta cho ông. Ông này hiện đang chữa cho nhà tôi.
- Smith : Bà bị ốm à? Tôi mong là không có gì nặng.
- Phan : Nhà tôi bị đau ruột thừa, mới mốt hôm qua. 10
Bây giờ thì nhà tôi còn hơi mệt vì thuốc mê chưa tan hẳn.
- Smith : Thời buổi này đau ruột thừa là chuyện thường, không nguy hiểm như ngày trước, vì y-khoa đã tiến bộ nhiều rồi. 15
- Phan : Thưa ông, ông nói rất đúng. Ông nhức đầu như vậy đã uống thuốc gì chưa?
- Smith : Dạ, cảm ơn ông tôi đã uống một viên thuốc nhức đầu rồi. Nhà tôi bị đau rang, nên tiện thể xin ông cho tôi tên và địa-chỉ một nha-sĩ giỏi để 20
tôi đưa nhà tôi lại đây chữa.

LESSON 2

- Phan : Đây là địa-chỉ của một ông bác-sĩ và một ông nha-sĩ. Ông nên xin hẹn gặp nha-sĩ trước khi đưa bà lại.
- Smith : Vâng, tôi sẽ gọi điện-thoại lại xin hẹn. Tôi phải đưa nhà tôi lại nha-sĩ ngay để hàn răng xâu chú để lâu sợ phải nhổ. 25
- Phan : Nha-sĩ này có đủ dụng-cụ tân-tiến. Chắc bà lại đây chữa sẽ hài lòng lắm. Có một điều tôi muốn dặn ông bà là ông bà nên cẩn-thận kéo mác bệnh kiết và sốt rét. 30
- Smith : Thật ông lo cho chúng tôi quá! Hồi mới sang đây nhà tôi bị bệnh kiết phải nằm nhà thương mấy ngày. Chúng tôi bây giờ mỗi ngày đều uống thuốc giữa bệnh sốt rét. 35
- Phan : Hiện nay người ta có thuốc ký-ninh chữa bệnh sốt rét rất hiệu-nghiệm. Thuốc đắng nhưng tốt lắm.

II. VOCABULARY

đi bác-sĩ	to see a doctor	thuốc mê	an anesthetic
nhỡ	in case that	tan	to dissolve, to disperse
biên	to jot down or make a note	hẳn	completely, fully
hiện nay	at the present time	thời buổi này	these days
chữa	to cure, treat, to take care of	ngày trước	formely, before
mong	to expect, desire, hope that	tiến (bộ)	to make progress.
đau ruột thừa	appendicitis		move forward
mổ	to operate on, to cut open.	viên	tablet, pill
	dissect	rang	tooth
mệt	to be tired	đau rang	toothache

LESSON 2

tiện thể' for convenience's sake, while we're on the subject	đầy đủ to be well provided
hẹn to promise or agree an appointment or ultimatum	dụng-cụ equipment, tools
điện thoại telephone	hài lòng to be satisfied, happy, content
gọi điện-thoại to make a phone call	đạn to advise, instruct
hàn to fill a tooth, to weld, solder, to heal a wound	kiết dysentery
rang sâu decayed tooth	thật to be real or true, really, truly
nhổ to pull out, to uproot, to pluck	nằm to lie down or recline
đầy to be full, to have fully	nằm nhà thương to be in the hospital
	ngừa to prevent
	ký-ninh quinine
	hiệu-nghiệm to be effective
	đắng to be bitter

III. GRAMMAR NOTES

17. The use of the combination 'đã... chưa' as a question frame, results in a kind of choice question 'have... already or not?'. In the introductory text, this combination functioned with the expression 'bao giờ' in forming 'have you ever' type questions, as in:

- a. Ông đã bao giờ ăn thử bì bún chưa?
Have you ever tried 'bi bun'?

The choice question function as given here is more common than the combined function given previously.

20. This use of 'để' is typical of the resultative function of this element, which is usually translated as 'in order to' or 'so that'. Examine the function of 'để'

LESSON 2

in sentence 6 above, in order to distinguish the 'let' or 'allow' type of construction, which is never resultative (a following complement to the main verb of a sentence) but is generally an independent predicate of either a main or subordinate clause. This resultative function is much clearer in sentence 26 below.

32. The element 'quá: excessively' functions as a modifier of 'lo: to worry' in this sentence. This type of construction, where some kind of object or attributive phrase comes between a verb and an adverbial modifier is typical of both 'quá' and 'lắm', whenever they are an emphatic comment on the extent or comparison of the main verb.

32. The element 'hồi' functions here as an indefinite time expression 'when (in the past)', and the subject 'we' is understood. Thus the introductory nature of 'when (we) just arrived here', is that of a larger relative time expression.

IV. QUESTIONS

1. Ông Smith hỏi ông Phan về việc gì?
2. Ông Smith bị đau bụng, phải không?
3. Ông Smith có cần đi bác-sĩ không?
4. Ông Smith muốn biết tên một ông bác-sĩ để làm gì?
5. Ông bác-sĩ mà ông Phan giới thiệu cho ông Smith hiện đang chữa cho ai?
6. Vợ ông Phan bây giờ như thế nào?
7. Vợ ông Phan bị bệnh gì?
8. Vợ ông Phan bị mô' hồi nào?
9. Tại sao bà ấy còn hơi mệt?
10. Bây giờ đau ruột thừa có nguy-hiêm không?

LESSON 2

11. Thời buổi này ngành y-khoa như thế nào?
12. Ông Smith đã uống thuốc nhức đầu hay chưa?
13. Vợ Ông Smith bị bệnh gì?
14. Ông Phan còn cho Ông Smith địa chỉ và tên của ai nữa?
15. Ông này là một nha-sĩ như thế nào?
16. Trước khi Ông Smith đưa bà ấy đi nha-sĩ, Ông ấy phải làm gì?
17. Tại sao Ông Smith muốn đưa vợ đi nha-sĩ ngay?
18. Dụng-cụ ở phòng Ông nha-sĩ như thế nào?
19. Ông Phan dặn hai vợ chồng Ông Smith việc gì?
20. Tại sao vợ Ông Smith phải nằm nhà thương?
21. Bây giờ mỗi ngày vợ chồng Ông Smith uống thuốc gì?
22. Thuốc ký-ninh chữa bệnh gì?

LESSON THREE

I. NARRATIVE

KHÍ-HẬU Ở VIỆT-NAM

Khí-hậu ở Việt-Nam có một đặc tính chung là nóng và ẩm. Việt-Nam nằm vào miền gió mùa nên có mưa nhiều. Tuy nhiên khí-hậu miền Bắc khác khí-hậu miền Nam, khu bờ biển khác khu cao-nguyên.

Khí-hậu miền Bắc chia ra làm hai mùa rõ rệt: mùa hạ 5
và mùa đông. Mùa hạ bắt đầu từ tháng năm đến tháng chín.
Mùa hạ nóng và mưa nhiều. Tháng năm nhiệt-độ trung-bình
là 77 độ, tháng sáu và tháng bảy là 85 độ. Mùa đông kéo
dài từ tháng mười một đến tháng năm. Mùa này có nhiều
ngày lạnh và có gió bắc. Thường thường nhiệt-độ trung- 10
bình là 60 độ, có ngày lạnh đến 50 độ. Sau Tết Nguyên-
Đán, thường có mưa phùn, mưa phùn làm ruộng đất mềm, nên
nông-dân có thể bắt đầu mùa màng.

Khí-hậu miền Trung thì hơi khác khí-hậu miền Bắc một 15
tí. Ở Bắc Trung-Phần khí-hậu tương tự như khí-hậu miền
Bắc, nhưng mùa hạ thì nóng hơn. Miền Trung Trung-Phần
thường hay có mưa nhiều, và hay có bão. Còn miền Nam Trung-
Phần thì nóng quanh năm, nhưng miền cao-nguyên thì khí-hậu
mát và dễ chịu.

Khí-hậu miền Nam nóng quanh năm, khí-hậu có thể chia 20
ra làm ba mùa. Mùa mưa kéo dài từ tháng năm đến tháng mười.
Mùa này có gió nồm, thường ngày nào cũng có một cơn mưa lớn

LESSON 3

về buổi chiều, thỉnh-thoảng có hôm mưa vào buổi sáng. Trong mùa này ngày nóng đêm mát hơn. Mùa khô và mát kéo dài từ tháng mười một đến tháng hai. mùa này có gió bắc thổi, người trong Nam coi mùa này như mùa đông ngoài Bắc. Còn mùa khô và nóng thì bắt đầu vào tháng hai cho đến tháng tư hay tháng nam. Gió bắc vẫn thổi. nhiệt độ rất cao, có khi cả tháng không mưa giọt nào làm cho thời tiết rất khó chịu.

25

II. VOCABULARY

đặc-tính	special characteristic,	ruộng đất	land or fields
chung	to be common to, mutual(ly)	mềm	to be soft
ấm	to be humid or damp	nông-dân	peasant, farmer
nằm vào	to lie within	mùa màng	harvest season or
gió mùa	monsoon		cultivation season
tuy nhiên	however	tí	a little bit, to
khu	area, district, zone,		be tiny
	section	Trung-phần	Central Vietnam
bờ biển	sea-coast, sea-shore	tương-tự	to be similar to
cao-nguyên	highlands	gió nồm	the south wind
chia	to divide, separate,	cơn mưa	a squall of rain
	distribute	thỉnh-thoảng	from time to
chia ra làm	to divide into...		time, now and then
rõ-rệt	to be clear	đêm	night time
trung-bình	average, on the average	khô	to be dry
độ	degree (of angle or temper- ature)	coi	to look at, regard or consider as
gió bắc	the north wind	thổi	to blow (of wind), to play (a wind instrument)
tết	a feast or festival		
Tết Nguyên-Đán	New Year's festival	giọt	a drop (of water or blood)
phun	to be drizzling or misty		
ruộng	field or rice-field	thời-tiết	the weather or climate

III. GRAMMAR NOTES

17. In this sentence the combination 'thường hay' functions as a synonym compound, and thus is considered to form one syntactic word.

22. The element 'cơn' functions here as a verbal classifier. Its basic meaning 'an outburst, a rage, a fit' is applied to classify or describe an instance of rain, as in:

a. Tuần trước có vài cơn mưa nặng.

Last week we had several cloudbursts.

b. Mùa này đã có vài trận bão.

This season we have had several storms already.

26. The verbal element 'coi' has a more figurative meaning in this sentence. It combines with the element 'như' to form a discontinuous predicate 'coi...như...', and translates as 'to consider... to be like... '.

IV. QUESTIONS

1. Đặc tính chung của khí hậu Việt-Nam như thế nào?
2. Tại sao Việt-Nam có mưa nhiều?
3. Việt-Nam nằm vào miền gì?
4. Khí-hậu miền Bắc có giống khí-hậu miền Nam không?
5. Khu bờ biển và khu cao nguyên, khí-hậu có giống nhau không?
6. Miền Bắc có mấy mùa rõ rệt?
7. Mùa hạ ở miền Bắc bắt đầu từ tháng mấy đến tháng mấy?
8. Mùa hạ ở miền Bắc khí-hậu như thế nào?
9. Tháng nam ở miền Bắc, nhiệt-độ trung-bình là bao nhiêu?
10. Ở miền Bắc, tháng bẩy và tháng nam tháng nào nóng hơn?

LESSON 3

11. Ở ngoài Bắc mùa đông kéo dài từ tháng mấy đến tháng mấy?
12. Mùa đông ở ngoài Bắc có gió gì thổi?
13. Ở ngoài Bắc, mùa đông, nhiệt độ trung-bình là bao nhiêu?
14. Sau Tết Nguyên-Đán, thường có mưa gì?
15. Khí hậu miền Bắc Trung-Phần so với khí-hậu miền Nam Trung-Phần thì như thế nào?
16. Miền nào ở Trung-Phần hay có mưa nhiều?
17. Ở Trung-Phần chỗ nào mát và dễ chịu?
18. Miền Nam mát quanh năm, phải không?
19. Ở miền Nam khí-hậu có thể chia ra làm mấy mùa?
20. Ở trong Nam, mùa mưa kéo dài từ tháng mấy đến tháng mấy?
21. Mùa mưa ở trong Nam có gió gì thổi?
22. Ở trong Nam vào mùa mưa, thường mưa vào buổi sáng hay buổi chiều?
23. Mùa khô và nóng có gió gì thổi?

LESSON FOUR

I. DIALOGUE

THƯ-TÍN VÀ GIAO-THÔNG

- Long : Tôi muốn gửi gói này sang Phi-Luật-Tân. Ông thấy cần độ bao nhiêu tiền tem?
- Bình : Ông muốn gửi bằng máy bay hay tàu thủy?
- Long : Nếu không đắt quá, thì tôi gửi bằng máy bay.
- Bình : Thưa, gửi máy bay hơi đắt. Nếu ông không vội lắm, 5
tàu thủy đi chỉ mất hai tuần là cùng.
- Long : Thế thì tôi gửi bằng tàu thủy cho rẻ. Tôi không biết cái này cân nặng bao nhiêu, nhưng có vẻ nặng dưới nửa ký-lô thôi.
- Bình : Nếu ông gửi bằng tàu thủy thì chỉ tốn độ mười 10
đồng, chứ gửi tàu bay tốn ít ra gấp năm gấp sáu lần.
- Long : Tôi cũng muốn gửi một bức thư đi Nam-Vang. Thư nhẹ nên tôi sẽ gửi bằng máy bay. Mỗi ngày có mấy chuyến máy bay đi Nam-Vang? 15
- Bình : Dạ, hình như có ba chuyến mỗi ngày, nếu tôi không nhầm. Sáng, chiều, và tối, mỗi buổi đều có một chuyến.
- Long : Có nhiều chuyến đến thế kia à!

LESSON 4

- Bình : Thưa vâng. Vì đường đi Nam-Vang dạo này nguy hiểm lắm nên người ta ai cũng đi bằng máy bay. 20
- Long : Tàu-hỏa ra ngoài Trung bây giờ còn chạy không ông?
- Bình : Dạ còn, nhưng đường xe hỏa ra ngoài ấy hay bị phá lắm. Bây giờ đi đâu xa chỉ đáp máy bay là tiện nhất. Vé máy bay tuy đắt hơn vé tàu hỏa và xe đò nhiều, nhưng đi bằng máy bay vẫn an-ninh hơn. 25
- Long : Biết đâu, một ngày kia đường xá sẽ an-ninh trở lại, người ta không còn phải bắt buộc phải đáp máy bay mỗi khi đi đâu xa.

II. VOCABULARY

gói	package	thư	a letter
Phi-Luật-Tân	The Philippines	chuyến	trip, run, journey,
tem	a stamp (postage or tax)		voyage, flight
tiền tem	postage costs or stamp costs	nhầm	to be mistaken
vội	to be hasty, urgent, pressing	tàu hỏa	train
là cùng	at the most	đường xe hỏa	railway
cân nặng	to weigh, weight	phá	to destroy, demolish
kí-lô	a kilogram (2.2 lbs.)	đáp	to board (a ship, plane, train)
tàu bay	airplane	biết đâu	who knows...
ít ra	at the least	đường xá	roads
Nam-Vang	Phnom-Penh	bắt buộc	to force, compel, coerce
bức	(classifier for paintings letters, hangings, etc.)		

III. GRAMMAR NOTES

15. The element 'chuyến', while basically a nominal element, functions as a kind of counter or classifier for the activities of each kind of vehicle involved in transportation. Thus it will be variously translated as 'trip, flight, run, journey, etc.'.

25. The conditional nature of the construction introduced by 'tuy: even though', depends very strongly on the resumptive nature of the following 'nhưng... vẫn...'. and becomes a kind of 'even though... but... is still...'. In more typical constructions, 'tuy' is more closely followed by the resumptive 'vẫn'.

28. The repetition of the element 'phải' in this sentence is somewhat redundant, but serves to strengthen the emphasis of the statement.

IV. QUESTIONS

1. Ông Long muốn gửi gói đồ đi đâu?
2. Ông Long hỏi ông Bình về tiền tem như sao?
3. Ông Bình cho ông Long biết gì về gửi đồ đi Phi-Luật-Tân?
4. Người ta có thể gửi đồ sang Phi-Luật-Tân bằng gì?
5. Gửi đồ đi Phi-Luật-Tân bằng tàu thủy hay bằng máy bay rẻ hơn?
6. Gửi đồ bằng máy bay hay bằng tàu thủy nhanh hơn?
7. Gói đồ của ông Long nặng độ bao nhiêu?
8. Nếu ông Long gửi gói ấy bằng tàu thủy thì tốn bao nhiêu?
9. Nếu ông Long gửi bằng máy bay thì tốn bao nhiêu?
10. Gửi đồ bằng máy bay tốn gấp mấy lần tàu thủy?
11. Ông Long muốn gửi thư đi đâu?
12. Ông Long định gửi thư sang Nam-Vang bằng gì?
13. Mỗi ngày có mấy chuyến máy bay đi Nam-Vang?

LESSON 4

14. Đường đi Nam-Vang dạo này như thế nào?
15. Tại sao ai cũng đi Nam-Vang bằng máy bay?
16. Tàu hỏa ra miền Trung dạo này còn chạy không?
17. Đi tàu hỏa ra ngoài Trung bây giờ có an-ninh không?
18. Đi xe đò, đi tàu hỏa và đi máy bay, đi bằng gì an-ninh nhất?
19. Ông Long đã nói rằng đường xá một ngày kia sẽ như thế nào?
20. Ông Long gửi đề đi Phi-Luật-Tân bằng tàu thủy hay bằng máy bay?

LESSON FIVE

I. DIALOGUE

PHƯƠNG-TIỆN GIAO-THÔNG

- Lee : Xin ông cho tôi biết xuống Mỹ-Tho đi bằng cách nào tiện nhất?
- Tam : Dạ, ngày nào cũng có nhiều chuyến xe đò và tàu hỏa xuống dưới ấy. Có người thì cho rằng đi tàu hỏa tiện hơn, nhưng có người lại cho rằng đi xe đò tiện hơn. 5
- Lee : Có cần phải mua vé trước không ông?
- Tam : Nếu đi tàu hỏa thì không cần, vì nhiều toa nên luôn luôn thừa chỗ ngồi, nhưng đi xe đò thì thường đông hành khách lắm. Nếu ông đến bến xe muộn một tí, là có thể nhớ chuyển xe vì hết chỗ ngồi. 10
- Lee : Như thế thì để tôi đi tàu hỏa cho chắc chắn.
- Tam : Vâng, ông đi tàu hỏa là phải, vì tàu hỏa tiện hơn xe đò nhiều. Nếu ông muốn nhanh hơn thì ông có thể đáp máy bay xuống Lục-Tĩnh.
- Lee : Thế thì càng hay hơn nữa, nhưng chỉ có một điều là vé máy bay đắt gấp nam vé tàu hỏa, phải không ông? 15
- Tam : Dạ vâng. Ở Việt-Nam bây giờ chỉ có một công-ty hàng-không thôi, đó là hãng Hàng-Không Việt-Nam. Vì không có công-ty nào cạnh-tranh với họ nên họ không cần phải hạ giá vé để thu-hút hành-khách. 20

LESSON 5

- Lee : Ở bên Mỹ thì các hãng hàng-không càng ngày càng
cạnh-tranh với nhau, họ thi nhau hạ giá nên vé máy
bay so với vé tàu hỏa cũng không đắt hơn bao nhiêu.
- Tam : Sau này nếu Việt-Nam có nhiều công-ty hàng-không
cạnh-tranh với nhau, thì vé máy bay chắc chắn cũng 25
rẻ lắm. Biết đâu một ngày kia vé máy bay sẽ rẻ
đến nỗi ai cũng có thể đi máy bay xuống Lục-Tĩnh.
- Lee : Thưa, ông có biết chỗ nào tôi có thể hỏi về mấy
chuyến máy bay đi Mỹ-Tho không?
- Tam : Dạ, theo tôi thì ông nên hỏi ở khách-sạn. Thường 30
thường họ biết.

II. VOCABULARY

cách	manner, way, fashion	công-ty	company, firm,
cho rằng	to think that,		corporation
	believe that	hàng-không	aviation, airline
lại	conversely, on the	hãng	company, firm
	contrary, to act con-	cạnh-tranh	to compete,
	trary to expectation		competition
toa	railroad car	hạ	to lower, to bring
thừa	to have in excess, to		down, to land
	be left over	thu-hút	to attract
chỗ ngồi	seat, place to sit	thi nhau	to compete or race
hàng khách	passenger	so	to compare
bến xe	bus stop, bus station	sau này	later on, hereafter
	bus terminal		
nhỡ	to miss (a departure	đến nỗi	to the point that
	or opportunity)	theo tôi	according to my
chắc chắn	to be certain,		point of view
	firm, stable		
Lục-Tĩnh	the six original		
	provinces of South Vietnam		

III. GRAMMAR NOTES

4. This use of the element 'thì' is purely to mark an emphatic pause, in order to set off the preceding phrase. The same function is served in sentence 8.

10. The element 'là' does not function here in its usual role as an equative verb, but has a broader function as an emphatic conjunction. This function is much like that of 'thì' in conjoining causally related clauses, (in construction with 'nếu'), and they are generally interchangeable in this type of sentence.

12. The element 'phải' is used here in its most basic function, as a stative verbal (to be correct, true, or proper). The use of 'là' before 'phải' is an emphatic construction which can be used with any stative verbal in a properly contrastive or emphatic context.

IV. QUESTIONS

1. Ông Lee hỏi ông Tam điều gì?
2. Người ta có thể đi xuống Mỹ-Tho bằng gì?
3. Thường thường bao lâu lại có một chuyến xe đò hay tàu hỏa đi Mỹ-Tho?
4. Đi Mỹ-Tho bằng tàu hỏa hay bằng xe đò tiện hơn?
5. Đi tàu hỏa có cần phải mua vé trước không?
6. Tại sao đi tàu hỏa không cần phải mua vé trước?
7. Xe đò thường có đông hay ít khách?
8. Nếu bạn muốn đi xe đò, nhưng đến muộn một tí thì sao?
9. Ông Lee định đi tàu thủy hay đi xe đò?
10. Tại sao ông Lee định đi tàu hỏa?

LESSON 5

11. Đi Mỹ-Tho bằng cách nào nhanh nhất?
12. Vé máy bay đắt mấy lần vé tàu hỏa?
13. Ở Việt-Nam có mấy hãng hàng không?
14. Tại sao ở Việt-Nam vé máy bay rất đắt?
15. Tại sao vé máy bay ở bên Mỹ không đắt hơn vé tàu hỏa bao nhiêu?
16. Ở Mỹ có nhiều hay ít hãng hàng không?
17. Ông Tam mong là một ngày kia vé máy bay ở Việt-Nam sẽ như thế nào?
18. Ông Tam bảo ông Lee đi hỏi về vé máy bay ở đâu?
19. Vé máy bay so với vé tàu hỏa ở bên Mỹ có đắt không?
20. Hãng hàng-không phải làm gì để thu-hút hành-khách?

LESSON SIX

I. NARRATIVE

VIẾT THƯ VỀ NHÀ

Từ hôm sang Việt-Nam đến nay, tôi đã viết về nhà nhiều lần, tả cho gia-đình tôi biết về phong cảnh, đời sống dân chúng và tình-hình tại đây.

Ngày đầu tiên đến Sài-Gòn, vừa đặt chân xuống phi-trường Tân-Sơn-Nhất là tôi vội vàng đi đánh giầy thép về nhà báo tin rằng tôi đi đường bình-an và đã đến nơi đến chốn, để gia-đình tôi được yên lòng. Sau khi về đến khách-sạn, tôi viết thêm một bức thư dài thuật lại những gì đã xảy ra từ lúc tôi lên máy bay tại phi-trường Cựu-Kim-Sơn, chẳng hạn tôi đã đi tham những chỗ nào và làm những gì khi phi-cơ ghé Hạ-Uy-Di, Nhật-Bản, Phi-Luật-Tân, dọc đường Thái-Bình-Dương. Đây là lần đầu tiên tôi rời khỏi nước Mỹ, nên cái gì đối với tôi cũng xa lạ cả. Trước khi đi, tôi đã đọc nhiều về các nước Viễn-Đông, nhưng khi đặt chân lên các nước này tôi vẫn không khỏi cảm thấy bỡ ngỡ. Nhưng cùng lúc ấy tôi cũng cảm thấy thú-vị được nhìn tận mắt những điều mà tôi đã đọc từ trước đến nay ở trong các sách báo.

Viết thư xong, tôi dán tem ngoài phong bì, để địa-chỉ, rồi đi bỏ thư ngay cho kịp giờ người đưa thư đến lấy đi.

LESSON 6

II. VOCABULARY

tả	to describe, express or write	phi-cơ	airplane
phong-cảnh	landscape, view, scenery	ghé (lại)	to stop by
dân chúng	the people or native population	Hạ-Uy-Di	Hawaii
tình-hình	the situation or conditions	dọc	along, enroute, lengthwise
đầu tiên	the first, initial instance	Thái-Bình-Dương	The Pacific
đặt chân	to set foot	rời (khỏi)	to leave
phi-trường	airport or landing field	đối với	with respect to, concerning
vội vàng	to be in a hurry	xa-lạ	to be unfamiliar or strange
đánh giầy thép	to send a telegram	nước	a country
báo tin	to inform, announce	cảm thấy	to feel or be affected by
bình-an	to be safe, secure, peaceful	bỡ ngỡ	to be inexperienced or amazed
nơi	a place, location	thú-vị	to be pleasant, interesting
chỗ	a place, location	tận mắt	with one's own eyes
đến nơi đến chốn	to reach a destination	dán	to paste
yên-lòng	to be assured or unworried	phong bì	an envelope
thuật-lại	to relate, narrate, or report	đề	put down, inscribe
xảy ra (xay ra)	to occur, take place	bỏ thư	to mail a letter
Cụu-Kim-Sơn	San Francisco	kịp giờ	to be on time
chẳng-hạn	for instance, for example	người đưa thư	postman
		lấy đi	to take away

III. GRAMMAR NOTES

5. This use of the equative verb 'là' serves to connect two independent clauses in a mildly emphatic relationship. The construction would be the same without 'là' but its use establishes the following relationship between the two clauses:

'Given, the situation A (it is the case that) B'

This same position could be occupied by the particle 'thì', but the resulting construction would be simple chronological order, and would lack the point of emphasis.

10. This use of the plural demonstrative 'những' forms an indefinite plural much like the singular 'cái gì', and is an alternative to the more complete phrase 'những việc gì'.

13. The element 'cả' functions here in combination with the correlative 'cũng', in making the indefinite reference of 'gì' serve as inclusive. It also adds emphasis to the 'completely, entirely' nature of the inclusive function.

15. The use of 'cùng' before the indefinite time expression 'lúc ấy' results in a more emphatic and inclusive time phrase, which conveys the meaning of 'at that same time', rather than simply 'then' or 'at that time'. This element functions in this way with several other indefinite time expressions.

16. The preverbal auxiliary 'được' functions here in its secondary meaning of 'to be able to', and has a more emphatic function than usual, in that it also serves to connect the actions of the two parallel clauses.

LESSON 6

IV. QUESTIONS

1. Từ khi rời nước Mỹ ông ấy đã viết thư về nhà mấy lần?
2. Trong khi viết thư, ông ấy tả cho họ biết về việc gì?
3. Ngày đến Sài-Gòn, ông ấy xuống phi-cơ ở chỗ nào?
4. Tại sao ông ta muốn đánh giầy thép?
5. Tới phi-trường Tân-Sơn-Nhất. Ông ấy vội vàng đi đâu?
6. Trước khi rời nước Mỹ, ông ấy ở thành-phố nào?
7. Ông ấy viết thêm một bức thư để cho người ta biết gì?
8. Ông ấy rời khỏi nước Mỹ bằng gì?
9. Đọc đường Thái-Bình-Dương, ông ấy ghé lại đâu?
10. Ông ấy đã đi tham Nhật-Bản lần nào chưa?
11. Nước Phi-Luật-Tán cách Hạ-Uy-Di có xa không?
12. Ông ấy đã rời khỏi nước Mỹ mấy lần rồi?
13. Ông ấy lên máy bay rời nước Mỹ tại phi-trường nào?
14. Khi mới đến Việt-Nam, ông ấy vội vàng làm việc gì?
15. Tại sao cái gì đối với ông ta cũng xa lạ?
16. Trước khi sang Việt-Nam, ông ấy quen với nước ấy lắm, phải không?
17. Tuy đã đọc nhiều về các nước Viễn-Đông, ông ta vẫn cảm thấy như thế nào?
18. Ông ấy đã đọc gì để biết nhiều về Việt-Nam?
19. Làm thế nào mà chúng ta biết họ dùng tem để gửi thư ở Việt-Nam?
20. Tại sao ông ta phải bỏ thư ngay khi viết xong?
21. Khi được nhìn tận mắt những gì trong nước Viễn-Đông. Ông ấy có thích không?

LESSON SEVEN

I. DIALOGUE

DANH-LAM THẮNG-CẢNH

- Black: Tháng sau tôi được nghỉ vài tuần, muốn nhân cơ-hội đưa nhà tôi đi chơi đây đó, cho biết nhiều về nước Việt-Nam. Theo ông thì chúng tôi nên đi những đâu?
- Minh : Cái ấy thì tùy ông bà muốn làm gì? Nếu ông bà muốn đi tắm biển thì ra Vũng-Tàu, Long-Hải, Nha-Trang, hay xuống Hà-Tiên. Nếu ông bà muốn đi nghỉ mát và san bán thì lên Đà-Lạt hay Ban-Mê-Thuộc. 5
- Black: Lần nghỉ này tôi định đưa nhà tôi đi Ban-Mê-Thuộc, Đà-Lạt và Nha-Trang. Còn những chỗ khác thì đợi lần nghỉ sau. Ông có thể nói sơ qua về những chỗ trên cho tôi nghe không? 10
- Minh : Ban-Mê-Thuộc là một vùng san bán nổi tiếng miền Cao-Nguyên. Ở đấy rừng núi hoang-vu, có nhiều thú vật như: hổ, báo, nai, vên vên.... Vùng này có đông người Thượng. Ông bà có thể tham làng họ, và mua những đồ tiêu-công-nghệ do họ sản-xuất để làm kỷ-niệm. 15
- Black: Tôi nghe nói phong cảnh Đà-Lạt đẹp lắm, có đúng không ông?
- Minh : Vâng, Đà-Lạt có rừng thông và nhiều thác nước, tuy không hùng-vĩ như thác Niagara, nhưng có lẽ đẹp và thiên-nhiên hơn. Ở đấy ông bà có thể đi san bò rừng và nai. 20

LESSON 7

- Black: Thưa ông, ở Nha-Trang có gì lạ không?
- Minh : Bãi-biên Nha-Trang nổi tiếng đẹp vì bãi cát trắng 25
và nước trong xanh. Quanh vùng có những tháp Chăm
cổ kính.
- Black: Từ Đà-Lạt ra Nha-Trang chúng tôi nên đi bằng gì?
- Minh : Ông bà nên đi bằng xe hơi, vì dọc theo đường đi,
phong cảnh rất ngoạn-mục. Một bên thì núi cao 30
chót vót, một bên thì biển rộng bao la. Trên đường
đi, ông bà sẽ đi qua đèo Hải-Vân, đèo này nổi tiếng
là đẹp.
- Black: Nghe ông tả hay quá, tôi chỉ mong cho chóng đến ngày
nghỉ để đi chơi. 35

II. VOCABULARY

cơ-hội	opportunity	nai	a deer
nhân cơ-hội	to take advantage of the opportunity	người Thượng	Montagnards
đây đó	here and there	làng	a village
tùy	to depend on...	tiêu-công-nghệ	handicrafts
tắm	to bathe	do	to be done/caused by..., because of...
biển	sea, ocean	sản-xuất	to produce
san bắn	to hunt	kỷ-niệm	to commemorate, a remembrance
sơ qua	to be sketchy	thông	pine tree
nổi tiếng	to be famous, to become famous	thác nước	waterfall
rừng	forest, jungle, woods	hùng-vĩ	to be great, imposing
núi	a mountain	thiên-nhiên	Nature, to be natural
hoang vu	wild, overgrown, uncultivated	bò rừng	a wild ox
thú-vật	animals	lạ	to be strange or unusual
hồ	a tiger	bãi-biên	beach, sea-shore
báo	a panther		

LESSON 7

cát	sand	chót vót	to be very tall,
trong	to be pure, clear		lofty
tháp	tower	rộng	to be wide, spacious,
Chăm	the Champa nation		broad
cổ-kính	to be ancient	bao la	to be huge, immense
ngọan-mục	to be beautiful	đèo	a mountain pass
		chóng	to be fast, quick,
			rapid

III. GRAMMAR NOTES

3. This use of the element 'những' forms an indefinite plural which functions much like 'những gì' (see Lesson Six, line 10). In this sentence the indefinite plural combination also functions as the interrogative element. It is equivalent to the expression 'những chỗ nào' (see 'những chỗ khác' in line 9 below).

15. The combination 'người thượng' is the general Vietnamese term for all of the various aboriginal mountain peoples who live throughout the Central Highlands of Vietnam.

16. The element 'do' functions in constructions like this as a marker of a passive relationship, and is a somewhat more literary form than the elements 'được' and 'bị' which are generally used in colloquial language to mark this same relationship. In other constructions it may function like the element 'vì: because'.

IV. QUESTIONS

1. Chúng nào ông Black sẽ được nghỉ?
2. Ông ấy sẽ được nghỉ bao lâu?
3. Ông Black muốn nhân cơ-hội ấy làm gì?

LESSON 7

4. Nếu ông Black muốn đi tắm biển thì nên đi đâu?
5. Nếu họ muốn đi san bán thì họ có thể đi đâu?
6. Người ta có thể làm gì ở Đà-Lạt và Ban-Mê-Thuộc?
7. Vũng-Tàu, Long-Hải, Nha-Trang và Hà-Tiên có gì đặc biệt?
8. Lần này ông ấy định đưa vợ đi đâu?
9. Ban-Mê-Thuộc có những thú vật gì?
10. Ở Ban-Mê-Thuộc có người gì đặc-biệt?
11. Ông Minh bảo ông Black nên mua gì để làm kỷ-niệm?
12. Ông Black có thể đi tham gì ở Ban-Mê-Thuộc?
13. Đà-Lạt có những gì đặc-biệt?
14. Đà-Lạt ở miền nào Việt-Nam?
15. Thác rước ở Đà-Lạt có hùng-vĩ như thác Niagara không?
16. Những tháp Chăm ở Nha-Trang như thế nào?
17. Ông Black có thể đi san gì ở Đà-Lạt?
18. Ở Nha-Trang có gì cô kính?
19. Bãi biển ở Nha-Trang như thế nào?
20. Đường đi ra Nha-Trang phải đi qua đèo gì?
21. Dọc đường đi Nha-Trang phong cảnh có gì lạ?
22. Tại sao ông Black mong chóng đến ngày nghỉ để đi chơi?

LESSON EIGHT

I. DIALOGUE

AN MỪNG CÁC NGÀY LỄ TẾT

- Black: Thưa ông, hôm nay mấy tây?
- Hai : Thưa, hôm nay nam tây.
- Black: Thế thì chỉ còn hai mươi ngày nữa là tới ngày lễ Giáng-Sinh.
- Thưa ông, bên này người ta ăn lễ Giáng-Sinh có lớn không? 5
- Hai : Thưa ông, có nhiều người Việt theo đạo Thiên-Chúa, nên người ta ăn lễ Giáng-Sinh khá lớn.
- Black: Dạ, chắc phần đông người theo đạo Thiên-Chúa là người theo đạo Gia-Tô, phải không ông? 10
- Hai : Vâng. Ở Việt-Nam có tất cả chừng hai triệu tín đồ Gia-Tô Giáo.
- Cũng có một số ít người theo đạo Tin-Lành.
- Thưa ông, chắc hầu hết dân Mỹ theo đạo Tin-Lành, phải không? 15
- Black: Vâng. Tuy nhiên bên nước tôi, người đạo Công-Giáo vẫn là một thiểu số quan-trọng.
- Hai : Bên Mỹ đa-số dân chúng theo đạo Thiên-Chúa, thì lễ Sinh-Nhật chắc long trọng lắm.

LESSON 8

Black: Vâng, ngày lễ Sinh-Nhật là ngày lễ chính ở nước tôi. 20
Còn ở bên này người ta coi ngày lễ nào là ngày
quan-trọng nhất?

Hai : Dạ, Tết là một ngày lễ chính cho tất cả mọi người.

Black: Thưa ông, Tết là ngày lễ gì?

Hai : Dạ, Tết là ngày lễ an mừng năm mới. 25

Black: À! Tôi hiểu rồi.

Hai : Nói cho đúng, thì phải nói là Tết Nguyên-Đán, vì
Tết là tiếng chung cho nhiều ngày lễ.

Nhưng người ta gọi là Tết cho khỏi dài dòng.

Black: Thưa ông, người Việt an Tết vào lúc nào? 30

Hai : Dạ, chúng tôi an Tết theo âm-lịch.

Black: Xin lỗi ông, âm lịch nghĩa là gì?

Hai : Dạ, âm-lịch là lịch định theo mặt trăng. Trái với
dương-lịch là lịch định theo mặt trời.

Black: Thế thì người Việt an Tết nhằm ngày nào theo 35
dương-lịch?

Hai : Dạ, không có ngày nào nhất-định. Có khi vào cuối
tháng giêng, có khi nhằm đầu tháng hai theo dương-
lịch.

Nam nay Tết Nguyên-Đán nhằm ngày mười lăm, tháng 40
hai, dương-lịch. Nghĩa là ngày mồng một, tháng
giêng, âm-lịch.

LESSON 8

II. VOCABULARY

mấy tây	what day is it (by Western calendar)	chính	to be principle, main, or chief
lễ	a feast, festival, or ritual	an mừng	to celebrate an occasion
lễ Giáng-Sinh	Christmas	nam mới	the new year
an lễ	to celebrate a festival	tiếng chung	a common term
đạo	a doctrine, religion, or ethical system	dài giòng	to be lengthy or long
đạo Thiên-Chúa	Christianity	âm-lịch	lunar calendar, Chinese calendar
phần đông	the majority	mặt trăng	the moon
đạo Gia-Tô (Công-Giáo)	Cathol- icism	trái	to be contrary to, to be the reverse of
tín đồ	a follower or believer (religious)	duong-lịch	solar calendar, Western calendar
Tin-Lành	the Gospel, Protestant	mặt trời	the sun
hầu hết	almost all	nhằm	to occur on, to aim at
thiểu số	a minority	nhất định	to decide definitely
quan-trọng	to be important	cuối tháng	the end of the month
đa số	a majority	đầu tháng	the beginning of the month
sinh-nhật	a birthday (Christmas)	mồng	(prefix for first ten days of the month)
long-trọng	to be festive and solemn, to be formal		

LESSON 8

III. GRAMMAR NOTES

1. This form of the question and its corresponding answer are the most common way to refer to the day of the month. It is possible to stress the reference to the exact day, by way of wanting more specific information, as in line 35, by using 'ngày nào', but this form is much less frequently used in a general context. In either case, the contemporary reference is usually to the Western or solar calendar, as in:

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| a. Hôm nay mấy tây? | What day is today? |
| b. Hôm nay bảy tây. | Today is the seventh. |

3. This sentence is a good example of the use of the equative verb 'là' as an emphatic connective. If the particle 'thì' were used instead of 'là', the sentence would be much less emphatic and would lack the identificational inference of the second clause (see note 5. Lesson 6).

41. The element 'mồng' or 'mùng' may be used in reference to one of the first ten days of the month, as in:

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| a. Hôm nay mồng mấy? | What day is today? |
| b. Hôm nay mồng bảy. | Today is the seventh. |

IV. QUESTIONS

1. Ông Black và ông Hai đang nói chuyện với nhau vào hôm nào?
2. Còn mấy ngày nữa thì tới ngày lễ Giáng-Sinh?
3. Ở Việt-Nam người ta ăn lễ Giáng-Sinh có lớn không?
4. Tại sao ở Việt-Nam người ta ăn lễ Giáng-Sinh như thế?
5. Phần đông những người theo đạo Thiên-Chúa ở Việt-Nam theo đạo gì?
6. Ngày lễ Sinh-Nhật nhằm ngày nào?

LESSON 8

7. Ở Việt-Nam có bao nhiêu tín-đồ Gia-Tô giáo?
8. Ngoài đạo Gia-Tô ra, người Việt-Nam còn theo đạo gì cũng thuộc về Thiên-Chúa giáo?
9. Ở Việt-Nam đa số dân chúng theo Gia-Tô giáo. phải không?
10. Ở bên Mỹ đa-số dân-chúng theo đạo gì?
11. Ở bên Mỹ, ngày lễ nào là ngày lễ quan-trọng nhất trong năm?
12. Ở Việt-Nam ngày lễ nào là ngày lễ chính cho mọi người?
13. Tết nghĩa là gì?
14. Tên dài của 'nam mới' là gì?
15. Tại sao người ta gọi 'Tết' mà không gọi là 'Tết Nguyên-Đán'?
16. Theo âm-lịch, Tết nhằm vào ngày nào?
17. Âm-lịch và dương-lịch khác nhau như thế nào?
18. Nam nay Tết Nguyên-Đán nhằm ngày nào theo dương-lịch?
19. Dương-lịch là lịch gì?
20. Theo dương-lịch Tết có nhằm vào một ngày nào nhất định không?

LESSON NINE

I. NARRATIVE

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tết Nguyên-Đán là ngày lễ long-trọng nhất ở Việt-Nam. Ngày ấy là ngày đầu nam, theo âm-lịch. Thường thì vào cuối tháng giêng hay đầu tháng hai dương-lịch. Nam một nghìn chín trăm bảy mươi một là nam con lợn, qua ngày mười lam tháng hai tây, nam một nghìn chín trăm bảy mươi hai là nam con chuột. 5

Gọi là chính lễ, thì có ba ngày: mồng một, mồng hai, và mồng ba. Nhưng thật ra, thì người ta bắt đầu an Tết vào ngày hai mươi ba, tháng chạp. Vào ngày đó, người ta tiễn Táo-Quân về trời để tâu Thượng-Đế chuyện dương-gian. 10

Đêm giao-thừa, khi tất cả gia-đình sum họp đông đủ, trước bàn thờ tổ tiên, người lớn tuổi hơn hết, thay mặt mọi người cúng mời ông bà, về an Tết với con cháu. Trong ba ngày Tết, trên bàn thờ, được bày đầy hương đèn, hoa quả. Mỗi khi đến hai bữa cơm chính, con cháu cũng không quên bày lên bàn thờ hai mâm cơm cho ông bà. Khi khách đến chúc Tết, thì vái lạy bàn thờ trước, rồi mới mừng tuổi nhau sau. Họ chúc nhau ba chữ: phúc, lộc, thọ. 15

Ngày đầu nam là ngày người ta đi lễ chùa, đi nhà thờ hay đi tham bà con, bạn bè. Người ta dè-dặt, trong mọi việc làm, mọi lời nói, vì họ tin rằng, ngày ấy là tượng-trung cho cả một năm sắp đến. Vì vậy đến ngày ba mươi, tháng chạp là ai cũng cố quên hết những nỗi phiền muộn của 20

LESSON 9

nam vừa qua. Người thiếu nợ, thì cố trả cho hết nợ để bắt đầu một nam mới tốt đẹp, vui vẻ.

25

Các thầy bói, thì thừa dịp làm tiền. Họ ngồi ở ngoài cửa các đình chùa, để đón khách hàng. Nhiều người mê tín, kéo nhau tới xem bói, tốn nam mười đồng bạc để mua chút hy vọng về tương lai.

Dầu Tết Nguyên-Đán, không giống hẳn lễ Giáng-Sinh bên Âu-Mỹ, nhưng cũng có ý-nghĩa tương tự một phần nào. Chẳng hạn, về miền quê, có nhiều nhà dựng nêu, trước sân. Cây nêu là một cây tre cao, trên đầu có treo đèn hình con cá, ban đêm thắp sáng, lại có treo những mảnh vải đỏ và những cái chuông nhỏ để xua đuổi ma-quỷ tới phá nhà. Ở Việt-Nam thì như thế, nhưng không hiểu bên Âu-Mỹ người ta tin gì, mà dựng cây Giáng-Sinh. Hơn nữa, cũng như lễ Giáng-Sinh, Tết Nguyên-Đán, là một dịp cho gia-đình xum-hạp, và đối đãi tử-tế với tất cả mọi người.

30

35

II. VOCABULARY

lợn	a pig	thay mặt	to represent or
chuột	a rat or mouse		act on behalf of
tiễn	to see (someone) off, to say good-bye to	cúng	to offer sacrifices to, make offerings to
Táo-Quân	the kitchen God	ông bà	(here) ancestors
tâu	to report (to the king)	bầy	to display, set out
Thượng-Đế	God, the heavens	đầy	to be full, all over
dương-gian	the physical world	hương	incense sticks
đêm giao-thừa	New Year's Eve	đèn	candle, lamp, lantern
sum họp	to gather together (a family), to be united	hoa quả	flowers and fruits
đông đủ	to be complete, full	mâm	a tray
bàn thờ	an altar or shrine	chúc	to wish, congratulate or celebrate
tổ tiên	ancestors, forefathers	vái	to greet or pay respects to

LESSON 9

lạy	to greet, pray, or bow low	tương lai	to be in the future, the future
mừng tuổi	to wish Happy New Year	hẳn	(after a verb) com- pletely, thoroughly
phúc	good luck, happiness	Âu - Mỹ	Europe and America
lộc	prosperity	ý-nghĩa	meaning, significance
thọ	long life	tương-tự	to be similar (to each other)
bà con	relatives or relations	dựng	to erect or put up
bạn bè	a friend, or some friends	nêu	a New Year's pole
tin	to believe	sân	a courtyard, field. or court
tượng-trung	to symbolize or represent	cây	plant or tree. (classifier for stick-like objects)
vì vậy	because of this	tre	bamboo
nổi	a bad situation	treo	to hang, suspend or display
phiền muộn	to be sad or troublesome	hình	form, shape, image
thiếu nợ	to owe debts	ban đêm	night time
tốt đẹp	to be fine or good	thắp	to light (lamp, candle, etc.)
thừa (dịp)	to avail oneself of (an opportunity)	sáng	to be bright, well- lighted
thầy bói	fortune-teller	mảnh	fragments, torn or broken pieces (cloth or other materials)
đình	communal hall in a traditional village	chuông	a bell
khách-hàng	customers	xua đuổi	to drive away or chase away
mê-tín	to be suspicious	ma quỷ	ghosts and devils
kéo nhau	to go together	đối đãi	to behave toward
bạc	money or silver	tử-tế	to be kind, decent, or care for
chút	a little bit		
hy-vọng	to hope, hopes		

LESSON 9

III. GRAMMAR NOTES

4. In this usage, the element 'qua' has the meaning of 'to pass' or 'go by'. The usual meaning of this element concerns the crossing over or through some defineable limit, such as a river, ocean, mountain range, road, international border, etc.

14. The element 'được' marks a passive construction in this usage, and the phrase 'được bày' is thus the passive predicate 'are displayed (an abundance of...)', which relates to the following substantive elements.

21. The phrase 'tin rằng': to believe that', has the same attributive function that the phrase 'nói rằng: to say that...' has on a following clause. It serves to introduce an indirect quote or figurative attribution.

24. The element 'trả' functions in combination with the element 'cho', to form a compound predicate which has the meaning of 'to pay back', and the combination functions together with the resultative 'hết', to complete the meaning of 'to pay back completely'. This kind of compounding with 'cho' forms a large class of predicates which have a kind of attribution 'to' or 'for' someone or something.

31. The phrase 'một phần nào' functions here as an indefinite expression, and is roughly equivalent to the English 'somewhat' or 'in part'.

37. The conjunctive particle 'mà' has a resumptive function in this construction, and serves to relate the following clause to the previous comment in a 'cause-effect' relationship. It could be translated as 'when they' or 'in view of the fact that', but it should be remembered that it is still purely a relational element.

IV. QUESTIONS

1. Đối với người Việt-Nam Tết là một ngày như thế nào?
2. Thường Tết nhằm vào ngày nào theo dương-lịch?
3. Nam một nghìn, chín trăm, bảy mươi hai là nam con gì?
4. Nam một nghìn, chín trăm, bảy mươi mốt là nam con gì?
5. Gọi là chính lễ thì có mấy ngày?
6. Thật ra người ta bắt đầu ăn Tết vào ngày nào?
7. Ngày hai mươi ba tháng chạp, người ta làm gì?
8. Người ta tiễn Táo-Quân để làm gì?
9. Đêm giao-thừa là đêm gì?
10. Đêm giao-thừa, người Việt-Nam làm gì?
11. Trên bàn thờ người ta bày gì?
12. Đến hai bữa cơm chính, người ta làm gì?
13. Khi khách đến chúc tết thì họ làm gì trước?
14. Trong ba ngày Tết họ chúc nhau gì?
15. Thường Tết kéo dài trong bao lâu?
16. Tại sao người ta dè dặt trong mọi việc là trong ba ngày Tết.
17. Tại sao đến ngày ba mươi tháng chạp, mọi người cố quên hết những nỗi phiền muộn của năm vừa qua?
18. Người thiếu nợ cố làm gì để bắt đầu một năm mới tốt đẹp?
19. Các thầy bói ngồi ở đâu để đón khách?
20. Tại sao những người mê tin đi xem bói?
21. Tết Nguyên-Đán tương tự như lễ Giáng-Sinh ở chỗ nào?

LESSON 9

22. Trong dịp Tết Nguyên-Đán, người ta dựng cây nêu ở đâu?
23. Trên cây nêu, người ta treo gì?
24. Bên Âu-Mỹ, người ta dựng cây gì vào dịp lễ Giáng-Sinh?
25. Tết Nguyên-Đán và lễ Giáng-Sinh là dịp gia-đình làm gì?
26. Trong dịp này người ta đối đãi với nhau như thế nào?

LESSON TEN

I. DIALOGUE

LÀM RUỘNG: GIEO MẠ VÀ CÂY LÚA

Lee : Dám người đàn bà kia, đang khom lưng làm gì đấy ông?

Hai : Dạ, họ đang cấy lúa.

Lee : Thưa ông, tôi rất muốn biết về cách người ta trồng lúa.

Ông có thể cắt nghĩa sơ qua cho tôi biết không?

Hai : Dạ, tôi cũng không biết rõ về nghề làm ruộng lắm.

Nhưng tôi có thể cắt nghĩa cho ông biết lúa trồng như thế nào.

Lee : Như vậy thì tôi cảm ơn ông nhiều lắm.

Hai : Vào khoảng tháng nam, sau khi giới đã mưa khá nhiều, 10 người ta bắt đầu cấy ruộng, bừa ruộng cho đất xốp.

Lee : Người ta dùng con gì để kéo cấy, kéo bừa?

Hai : Dạ, người ta dùng trâu hay dùng bò.

Lee : Thường thường người ta cấy bừa ruộng độ mấy lần?

Hai : Dạ, người ta phải cấy ruộng nhiều lần lắm. 15

Sau khi ruộng cấy lần thứ nhất, cỏ thường mọc lên rất nhiều. Vì vậy người ta phải cấy nhiều lần cho hết cỏ dại, và cho đất thật xốp.

LESSON 10

- Lee : Sau khi cấy ruộng xong, người ta làm gì?
- Hai : Thưa sau đây người ta bón phân, rồi gieo mạ. 20
Vào khoảng tháng tám, tháng chín, sau khi mạ mọc cao độ bốn nam tấc, người ta nhổ mạ để cấy sang ruộng khác.
- Lee : Thưa ông, một tấc dài bao nhiêu?
- Hai : Dạ, một tấc là một phần mười của một thước hay 25
chừng bốn đốt.
- Lee : Cấy lúa có vẻ vất vả quá, thật tội-nghiệp cho mấy người đàn bà nhà quê kia.
- Hai : Dạ, đứng khom lưng ngoài nắng cả ngày, thì không có 30
gì sướng.
- Lee : Thưa ông, cấy lúa xong rồi, thì bây giờ chỉ còn chờ lúa chín chú gì?
- Hai : Dạ, không hẳn như thế. Lúa cần phải có nước mới 35
sống, nên người nhà quê phải luôn luôn coi chừng xem lúa có đủ nước hay không.
- Lee : Thưa ông, người nhà quê đem nước vào ruộng bằng cách nào?
- Ha' : Dạ, thường thường họ tát nước ao, nước lạch, vào 40
ruộng bằng gàu.
- Lee : Lúa chín rồi, thì người dân quê phải gặt lúa, 40
phải không ông?
- Hai : Dạ phải, họ dùng liềm gặt lúa từng lùm.
Rồi họ buộc lại thành từng bó, và gánh về sân đập lúa.

II. VOCABULARY

dám	a crowd or group	sướng	to be happy or gay
khom lưng	to bend over or stoop	chín	to become ripe
lúa	the rice plant	coi chừng	to watch out or be careful
cấy lúa	to transplant rice	tát	to drain or scoop (water)
trồng	to grow or cultivate	ao	a pond
ruộng	a ricefield	lạch	a canal or waterway
cày ruộng	to plow a field	gàu	a scoop or pail for drawing water
bừa ruộng	to harrow a field	gặt	to reap or harvest
đất	earth, soil, land	liềm	a sickle or scythe
xốp	to be loose or spongy (of soil)	tùng	quantity or amount, in groups of...
trâu	a water buffalo	lượm	to pick up, collect, a handful or bunch
cỏ	weeds, herbs, grasses	tùng lượm	by the handful or bunch
mọc	to grow	buộc (lại)	to bind, fasten or tie
cỏ dại	weeds	thành	to become...
bón	to fertilize	bó	to tie in a bundle, a bundle or bunch
phân	manure, fertilizer	gánh	to carry (on poles)
gieo	to sow	đập	to thresh
mạ	rice seedlings	sân đập	threshing area
tấc	a decimeter		
đốt	an inch		
vất vả	to be laborious		

LESSON 10

III. GRAMMAR NOTES

25. The phrase 'một phần mười' expresses a percentage ration 'one-tenth'. This is the most common way of expressing percentage and ratio in Vietnamese. The following examples outline the system:

một phần ba	one third
hai phần mười	two-tenth
nam phần trăm	5 per cent
sáu mươi lăm phần trăm	65 per cent

32. The use of both 'chứ' and 'gì' constitutes a kind of emphatic choice question, in which the speaker asserts a certain state of affairs (as with a 'chứ' question) and leaves an element of doubt or indefiniteness through the final 'gì'.

43. The element 'thành' is used here as a resultative verb, in which usage it usually serves to express a change of state. As a main verb (usually followed by 'ra') it expresses the notion of 'becoming' or 'changing into'. In this type construction, it is best translated as 'into'.

IV. QUESTIONS

1. Ông Lee trông thấy ai đang làm việc?
2. Những người này đang làm gì?
3. Ông Lee xin ông Hai cắt nghĩa gì?
4. Bao giờ người ta bắt đầu cấy và bừa ruộng?
5. Sau khi giới như thế nào thì người ta bắt đầu cấy và bừa ruộng?
6. Người nhà quê cấy và bừa ruộng như thế nào?

LESSON 10

7. Họ dùng con gì để kéo cây, kéo bừa?
8. Tại sao người ta phải cấy bừa ruộng nhiều lần?
9. Người ta bón phân vào lúc nào?
10. Khi nào người ta bắt đầu gieo mạ?
11. Tại sao người ta phải nhổ mạ khi mạ mọc cao?
12. Cây lúa xong rồi, người nhà quê phải làm gì?
13. Muốn cho cây lúa có đủ nước, người ta phải làm gì?
14. Cây lúa cần có gì mới sống được?
15. Người ta tát nước vào ruộng bằng gì?
16. Người ta tát nước ở đâu vào ruộng?
17. Lúa chín rồi, người nhà quê phải làm gì?
18. Họ dùng gì để gặt lúa?
19. Gặt lúa xong rồi, họ làm gì?
20. Họ làm gì để đem lúa vào sân?
21. Người ta đem lúa về đâu để đập?
22. Họ gặt lúa làm sao?
23. Để gánh lúa về sân, người nhà quê phải làm gì?

LESSON ELEVEN

I. GIÁO-DỤC VIỆT-NAM

- Black: Hệ-thống giáo-dục ở Việt-Nam không giống ở Mỹ, phải không?
- Hai : Dạ không. Hệ-thống trường-học của chúng tôi giống như hệ-thống của Pháp.
- Black: Xin ông cắt nghĩa cho tôi biết. 5
- Hai : Chúng tôi học nam nam trường tiểu-học, rồi bốn năm trường trung-học đệ-nhất-cấp, sau đó chúng tôi vào trường trung-học đệ-nhị-cấp ba năm.
- Black: Như vậy thì số năm học ở trường tiểu-học và trường trung-học ở nước ông cũng giống như ở nước tôi. 10
- Hai : Dạ phải, nhưng chúng tôi phải thi tất cả bốn lần. Lần thứ nhất sau nam nam tiểu-học; lần thứ nhì sau bốn năm trung-học đệ-nhất-cấp; lần thứ ba sau hai năm trung-học đệ-nhị-cấp. Kỳ thi lần này gọi là thi tú-tài phần thứ nhất hay tú-tài phần một. Còn 15 kỳ thi cuối cùng thì vào nam chót của trung-học đệ-nhị-cấp. Lần này gọi là thi tú-tài phần thứ nhì hay tú-tài phần hai.
- Black: Học trò phải thi nhiều lần như thế à! Nhưng các kỳ thi thế nào? Khó hay dễ? 20
- Hai : Dạ khó lắm. Thường chỉ độ một phần ba số thí-sinh đỗ. Chúng tôi phải thi viết trước, nếu đỗ mới được thi vấn-đáp.

LESSON 11

- Black: Thưa ông, người ta dạy gì ở trường trung-học?
- Hai : Trong bốn năm đầu, người ta dạy phổ-thông. Ba năm sau thì người ta chú trọng vào các môn chuyên-khoa như khoa-học, toán-học, triết-học, và văn chương... 25
- Black: Ông đã học ở trường đại-học ở đây chưa?
- Hai : Dạ chưa. Tôi mới có bằng tú-tài phần thứ nhất thôi. Tôi đã thi tú-tài phần thứ hai, nhưng chưa biết đỗ hay trượt. 30
- Black: Ông có định theo học trường đại-học ở đây không?
- Hai : Dạ, có lẽ. Nhưng tôi muốn xin học bổng để đi Mỹ học.
- Black: Ông muốn học ngành gì? 35
- Hai : Tôi chưa nhất định, nhưng có lẽ là kinh-tế-học hay chính-trị-học.
- Black: Có nhiều trường đại-học dạy môn đó khá. Ông muốn xin học bổng gì?
- Hai : Tôi sẽ nói chuyện với viện Giáo-Dục Quốc-Tế. Chị tôi được viện này cho học bổng. 40
- Black: Thưa ông, trường học ở Việt-Nam mở cho giai gái học chung, phải không?
- Hai : Thưa ông, phần đông những trường công thì giai gái học riêng, nhưng trường tư thì hay mở chung cho cả giai lẫn gái. 45
- Black: Có nhiều sinh-viên Việt-Nam đi du-học không?
- Hai : Dạ rất ít. Một số con nhà giàu được cha mẹ cho đi ngoại-quốc học. Tuy nhiên hàng năm chính-phủ Việt-Nam cũng cung-cấp một số học bổng cho các sinh-viên ưu-tú đi du-học. 50

II. VOCABULARY

hệ-thống	system	chuyên-khoa	specialized
giáo-dục	education		courses
đệ-nhất-cấp	first degree, first level	khoa-học	Science
đệ-nhị-cấp	second degree, second level	toán-học	Mathematics
thi	to take an exami- nation, an exam, contest, competition	triết-học	Philosophy
kỳ	a fixed time, session, number, term	bằng	diploma or degree
tú-tài	baccalaureate, high school diploma	trượt	to fail an exam
cuối cùng	in the end, finally, the very last	học-bổng	a scholarships
chót	to be the last in a series, the lowest ranking	kinh-tế-học	Economics
học-trò	pupil or student	chính-trị-học	Political Science
thí-sinh	degree candidates	quốc-tế	international
đỗ	to pass an exam	công	to be public, common
vấn-đáp	question and answer, an oral examination	tu	to be private, personal
phổ-thông	to be general, universal, popular, or common	lẫn	to be mixed together, confused, mixed up
chú-trọng	to pay special attention to, attach importance to	du-học	to study abroad
		hàng (năm)	every (year), through a series of (years)
		cung-cấp	to supply or provide
		ưu-tú	to be brilliant or outstanding

LESSON 11

III. GRAMMAR NOTES

7. The element 'đệ' which occurs in this sentence as part of the proper noun construction, serves as an ordinalizing prefix, and as such it may function in numerous other combinations of Sino-Vietnamese numerical elements. as in:

đệ-nhất (thứ nhất)	đệ-lục (thứ sáu)
đệ-nhị (thứ hai)	đệ-thất (thứ bảy)
đệ-tam (thứ ba)	đệ-bát (thứ tám)
đệ-tứ (thứ bốn)	đệ-cửu (thứ chín)
đệ-ngũ (thứ năm)	đệ-thập (thứ mười)

38. This use of the element 'đó' is typical of the southern dialect, in which it often functions in place of 'ấy' in indirect reference; and of 'kia' in demonstrative reference (that), but the alternation is not always consistent.

40. The modification pattern involved in the use of the element 'viện: institute, house, hall' varies from preposition to post-position, in that the Chinese pattern of modification (modifier + modified) is often substituted for the Vietnamese pattern (modified + modifier). The system is not always predictable, and varies with local usage, as in:

viện đại-học/đại-học viện	university
bảo-tàng viện	museum
viện khảo-cứu	research institute

43. This use of 'chung', as well as that of line 45 below, constitutes adverbial modification of the preceding verb, and refers to manner or means. In such cases, 'mutually, in common, together, etc.' represent the possible range of meaning.

IV. QUESTIONS

1. Hệ-thống giáo-dục Việt-Nam giống như hệ-thống giáo-dục nước nào?
2. Ông Black xin ông Hai cắt nghĩa cho ông ta biết về việc gì?
3. Ở Việt-Nam học-sinh phải học mấy năm ở trường tiểu-học?
4. Sau khi học xong ở trường tiểu-học, học sinh lên học trường nào?
5. Học-sinh trung-học học mấy năm ở trung-học đệ-nhị-cấp?
6. Học-sinh phải học bao lâu ở trung-học đệ-nhất-cấp?
7. Ở Việt-Nam sau khi học hết trung-học, học sinh phải thi tất cả mấy lần?
8. Khi nào học-sinh phải thi tú-tài phần một?
9. Tú-tài phần một còn gọi là gì?
10. Bao giờ học-sinh phải thi tú-tài phần hai?
11. Tú-tài phần hai còn gọi là gì?
12. Khi nào học-sinh Việt-Nam phải thi lần thứ nhất?
13. Còn kỳ thi cuối cùng thì sao?
14. Các kỳ thi ở Việt-Nam có khó không?
15. Thường thường mỗi kỳ thi bao nhiêu thí sinh đỗ?
16. Trước khi thi vấn đáp học-sinh phải thi gì?
17. Những học-sinh nào được thi vấn đáp?
18. Trong bốn nam đầu ở trường trung-học, người ta chú trọng về những gì?
19. Bao giờ thì học-sinh bắt đầu học chuyên khoa?
20. Các môn chuyên khoa là những môn gì?

LESSON 11

21. Ông Hai định xin học bổng để làm gì?
22. Ông Hai định học môn nào ở trường đại-học?
23. Những trường học nào ở Việt-Nam thì trai gái học chung?
24. Còn những trường nào thì trai gái học riêng?
25. Những gia-đình nào ở Việt-Nam hay cho con đi ngoại quốc học?
26. Chính-phủ Việt-Nam thường cung cấp học bổng cho những sinh-viên nào đi du-học?
27. Ông Hai mới thi bằng gì?
28. Ông ấy đỗ hay trượt?
29. Người ta dạy phổ-thông ở phần nào của hệ-thống giáo-dục?
30. Nếu một học-sinh muốn được học bổng để đi du-học thì học sinh ấy phải như thế nào?

LESSON TWELVE

I. CHÍNH-TRỊ VÀ GIÁO-DỤC

- Hai : Tối ngày kia ông thủ-tướng sẽ làm tiệc thết-đãi các đại-sứ. Tôi mới được thiệp của van-phòng thủ-tướng mời đi dự.
- Smith: Tôi cũng được thiệp mời lúc nãy, nhưng tôi sợ không đi được. 5
- Hai : Có dịp bắt tay các nhà tai mắt mà anh bỏ qua sao?
- Smith: Hôm qua tôi được dây thép gọi lên Nam-Vang. Tôi đã đánh dây thép cho hay rằng trưa ngày kia tôi sẽ có mặt ở trên ấy.
- Hai : Tôi thì vừa được thiệp mời, tôi gọi điện-thoại nhận lời ngay. Tôi nóng lòng muốn gặp mặt các nhân-viên trong nội-các mới thành lập. 10
- Smith: Có lẽ các ngài sẽ có đủ mặt tối hôm đó.
- Hai : Tôi sợ rằng ông bộ-trưởng canh-nông sẽ vắng mặt. Tôi nghe nói ông ta đi vắng đến cuối tháng mới về. 15
- Smith: Ông ta có chân trong đảng nào không anh?
- Hai : Ông ta cầm đầu đảng dân-chủ gần sáu năm. Ông ta đã làm chính-trị ngay từ lúc ông ấy mới ra trường. Ông ta đi đại-diện Việt-Nam tại hội nghị Liên-Á ở Ấn Độ. 20

LESSON 12

- Smith: Cuộc hội nghị đó hình như có tinh cách văn-hóa và kinh-tế hơn là chính-trị. Trong phiên họp hôm kia người ta thương-thuyết về việc trao-đổi sinh-viên giữa các nước Đông-Nam-Á.
- Hai : Tôi mong rằng cuộc thương-thuyết sẽ đem lại một sự thỏa-thuận. Sinh-viên Việt-Nam cần phải đi ra ngoại-quốc cho biết đó biết đây. 25
- Smith: Hình như hôm nay thì nhân-viên phái đoàn Nam-Dương và Miến-Điện đang nói về phương-pháp chống nạn mù chữ ở nước họ. 30
- Hai : Chính phủ Việt-Nam cũng đang để ý rất nhiều đến vấn đề quan-trọng ấy. Họ hy-vọng là không bao lâu nữa mọi người Việt đều biết đọc, biết viết quốc-ngữ. Bây giờ dân lao-động cũng ham đọc báo hàng ngày để biết tin tức trong nước và tin tức thế-giới. Đôi khi họ cũng lưu-tâm đến những bài bình-luận về chính-trị, xã-hội và kinh-tế. 35
- Smith: Thưa ông, các bài báo có được viết theo một thể-văn giản dị để cho thợ thuyền và nông-dân có thể hiểu được không? 40
- Hai : Thưa ông, có chứ. Nhờ đọc báo dân-chúng dần dần học tham-dự chính-trị, nghĩa là tham-gia vào việc công.

II. VOCABULARY

thủ-tướng	prime minister	có chân (trong)	to be a member of
tiệc	a banquet or dinner	đảng	clique, band, party (political)
thết-đãi	to entertain	cầm	to take hold of, retain
thiệp (mời)	a card (of invitation)	cầm đầu	to lead
dự	to participate in, to attend	dân-chủ	to be democratic, democracy
nãy	(time or occasion) just past	đại-diện	to represent, a representative
sợ	to fear or be afraid	cuộc	(classifier)
bắt tay	to shake hands	hội-nghị	to confer or meet, a conference or meeting
tai mắt	notable person	Liên-Á	Pan-Asian
dây thép	telegram, steel wire (also 'giây thép')	Ấn-Độ	India
hay	to know, be aware of	tính cách	character or nature
nhận lời	to accept or agree to	van-hóa	culture or education, educational or cultural
nóng	to be impatient, quick tempered, irascible	phiên-họp	a meeting
nóng lòng	to be impatient or anxious	thương-thuyết	to negotiate
nhân-viên	an employee, a member, personnel	trao-đổi	to exchange
nội-các	governmental cabinet	thỏa-thuận	to agree or consent
thành-lập	to form or set up	phái đoàn	a mission or delegation
ngài	he, she, they (3rd person, high status)	Nam-Dương	Indonesia
bộ-trưởng	minister/secretary	Miến-Điện	Burma
canh-nông	agriculture		
vắng (mặt)	to be absent or missing		

LESSON 12

phương-pháp	method or way	bình-luận	to comment,
chống	to oppose or resist		a commentary or
nạn	a difficulty, danger,		editorial
	disaster, or misfortune	xã-hội	society, social,
mù chữ	to be illiterate		socialist, social
nạn mù chữ	illiteracy		welfare
vấn đề	a problem, topic,	thê-van	literary form
	subject, or question		or style
quốc-ngữ	national writing	giản-dị	to be simple
	system (VN)		or easy
lao-dộng	to toil or labor,	thợ-thuyền	workers
	a laborer or worker	dần dần	little by
tin-tức	news		little
thế-giới	the world	tham-dự	to take part
lưu-tâm	to pay attention to		in
bài	text, lesson, or	tham-gia	to take part
	script (classifier		in
	for texts)		

III. GRAMMAR NOTES

6. The use of the conjunction 'mà' in this sentence has the effect of a disjunction 'but', however, it is somewhat stronger in this context. It would be best translated as 'and yet', in order to render the degree of emphasis present.

10. The element 'vừa' which occurs here, not being part of a parallel construction, has the same function as 'mới' would have in the same place. It has the preverbal modifier function which refers to the temporal occurrence of the action, and is translated by 'just, only, then and only then'.

13. The element 'ngài' has a pronominal function, and is used to refer to third person pronominal subjects of very

LESSON 12

high status. It is a somewhat archaic term, formerly used in second person direct address to high officials and now used only in referring to high status individuals.

19. The phrase 'đi đại-diện' does not function in the sense of a purpose construction as does 'đi bác-sĩ: to see a doctor', but in another sense of purpose which relates to the function of the position described. Thus it must be translated as 'to go as a representative'.

21. The element 'cuộc' functions here as a classifier for activities, meetings, games, etc.. In this phrase, it simply serves to introduce the construction 'that conference'. In line 25 below, it serves to form a substantive expression from the verbal compound 'thương-thuyết'. It often has the function of a verbal classifier as well as a substantive classifier.

38. The element 'được' is used here as a marker of a passive relation, making the main predicate the passive predicate 'to be written'.

41. The element 'nhờ' is used here in much the same sense as 'vì' but has the added implication of 'thanks to the fact that', in addition to the usual sense of 'because'.

IV. QUESTIONS

1. Ai làm tiệc thết các đại-sứ?
2. Bao giờ thủ-tướng làm tiệc thết các đại-sứ?
3. Ông Smith có được mời đi dự tiệc không?
4. Tại sao ông Smith không đi dự tiệc?
5. Ông Smith được dây thép đi đâu?
6. Chủng nào ông Smith định đi lên Nam-Vang?

LESSON 12

7. Ông Hai có định đi dự tiệc không?
8. Tại sao ông Hai gọi điện-thoại nhân lời ngay?
9. Ông Hai nóng lòng muốn gặp ai?
10. Ông Hai sợ rằng ai sẽ vắng mặt ở buổi tiệc?
11. Ông Bộ-trưởng Canh-Nông cầm đầu đảng gì?
12. Ông ta cầm đầu đảng Dân-Chủ bao lâu?
13. Ông Bộ-trưởng Canh-Nông bắt đầu làm chính-trị từ nam nào?
14. Khi nào ông Bộ-trưởng Canh-Nông đi vắng về?
15. Hội nghị Liên-Á có tính cách gì?
16. Trong phiên họp hôm kia người ta thương-thuyết về vấn-đề gì?
17. Ông Hai mong rằng cuộc thương-thuyết sẽ như thế nào?
18. Tại sao ông Hai cho rằng sinh-viên Việt-Nam nên đi ngoại quốc?
19. Hôm nay phái đoàn nào nói chuyện về phương pháp chống nạn mù chữ?
20. Chính-phủ Việt-Nam cũng lưu tâm về vấn đề gì?
21. Dân lao-động Việt-Nam bây giờ ham đọc báo để làm gì?
22. Nhờ đọc báo mà dân chúng có thể học làm gì?

LESSON THIRTEEN

I. TIN-TỨC NGÂN

	THIỆU TƯỚNG LÊ-VAN-VIÊN TỪ PHÁP VỀ SÀI-GÒN	cầu chúc tông-thống Tsiranana được an-khang hạnh-phúc và nhân dân Madagascar được phú- cường.	
5	Sài-Gòn- Nguồn tin thông thạo cho biết Thiệu-Tướng Lê-Van- Viên sẽ từ Pháp về nước trong một ngày gần đây.	TÂN THAM-MU TRƯỞNG QUÂN-LỰC VNCH VÀ TÂN TƯ-LỆNH QUÂN-ĐOÀN 3	35
10	Nguồn tin trên cũng cho biết bà Lê-Van-Viên đã cùng gia- quyền về Sài-Gòn từ may hôm trước.	Sài-Gòn- (SP) Trung-tướng Trần-Van-Minh vừa được bổ nhiệm làm Tham-Mu-Trưởng Quân-Lực VN để thay thế cho thiếu tướng Cao-Van-Viên có lẽ sẽ được bổ nhiệm làm Tư- Lệnh Quân-Đoàn 3.	40
	TÂN ĐẠI-SỨ TRUNG-HOÀ DÂN-QUỐC TẠI VIỆT-NAM	Chức vụ Tham-Mu-Trưởng cao hơn chức-vụ Tư-Lệnh Quân- Đoàn 3, nhưng chức-vụ Tư-Lệnh Quân-Đoàn 3 ở vùng Sài-Gòn quan-trọng hơn là công việc làm giấy, vì nó có thể góp phần quyết-định trong tương- hợp có biên cò.	45
15	Sài-Gòn 8-10.- Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã chấp-nhận việc chính-phủ Trung-Hoa Dân- Quốc cử Tướng Hồ-Liên giữ chức đại-sứ tại Việt-Nam, thay thế ông Viên-Tu-Kiến.	Thiếu-tướng Viên rất được sự tín-nhiệm của thu-tướng Nguyễn-Khanh.	50
20	DIỆN-VAN CHÚC MỪNG LỄ QUỐC-KHÁNH MADAGASCAR	BỘ-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO TRUNG-HOÀ XIN TỪ CHÚC	55
25	Sài-Gòn 13-10.- Trung-tướng Dương-Van-Minh, Chủ-Tịch Ban Lãnh-Đạo Lâm-Thời Quốc-Gia và Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, đã gửi điện-van chúc mừng ông Philivert Tsiranana, Tổng-Thống Cộng-Hoa Madagascar, nhân dịp lễ Quốc-Khánh của nước này, sẽ cứ hành ngày mai thứ tư 14-10.	Theo các giới cam-quyền ở Đài Loan thì ông Bộ-Trưởng Ngoại-Giao Trung-Hoa đã lại tỏ ý muốn từ chức. Hiện các nhà cam-quyền Quốc-Gia đang	60
30	Trung-tướng đã nòng nhiệt		

LESSON 13

- kiếm người ra thế chân ông.
Theo các giới hữu-quyền thì
65 có lẽ ông đại-biểu Trung-Hoa
ở Liên-Hiệp-Quốc, sẽ được cử
giữ chức Ngoại-Trưởng Trung-
Hoa. Hiện ở Đại-Loan người
ta đang chờ ông ta ở Mỹ về.
- TIẾP-KIỆN PHẢI-ĐOÀN
70 NGHỊ-SĨ PHI LUẬT-TÂN
- Sài-Gòn 7-10.- Hội 11g trưa
nay, Trung-Tướng Dương-Van-
Minh, Chủ-Tịch Ban Lãnh-Đạo
Lâm-Thời đã tiếp kiến phải-
75 đoàn Nghị-Sĩ Phi-Luật-Tân tại
Dinh Gia-Long.
Cuộc tiếp kiến kéo dài hơn
nửa giờ đồng-hồ. Sau đó, tại
một phòng khách ở tầng trên
80 của Dinh Gia-Long, phải đoàn
Nghị-Sĩ Phi-Luật-Tân đã được
ông Phan-Khắc-Suu, Chủ-Tịch
Thượng Hội-Đông Quốc-Gia và
các nhân-viên trong văn phòng
tiếp kiến.
- ĐẠI-HỘI GIÁO-DỤC TOÀN-QUỐC
- Sài-Gòn 5-10.- Đại-hội Giáo-
dục toàn-quốc năm 1972 sẽ khai
mạc vào lúc chín giờ sáng thứ
bảy 10-10-1972 tại nhà Văn-Hóa,
90 89 đường Lê-Văn-Duyệt Sài-Gòn,
để tiếp xúc với các đại-diện
địa-phương tham dự Hội-Nghị
Giáo-Dục Toàn-Quốc.
- ĐẠI-HỌC HUẾ KHAI-GIẢNG
95 SÁNG NGÀY 12-10
- Huế 5-10.- Viện Đại-Học Huế
vừa ra thông-cáo cho biết các
phần-khoa và trưởng thuộc viện
này sẽ chính-thức khai giảng
100 sáng thứ hai 12-10.
Các sinh-viên nên tiếp-xúc
với văn phòng các phần-khoa
hoặc trưởng để biết thêm chi-
tiết cần thiết. Ngoài ra sinh-
105 viên nào chưa ghi danh nhập học,
hãy ghi gáp cho đến ngày 10-10
là hết hạn.

II. VOCABULARY

thiếu-tướng	brigadier general	cử	to appoint or send
nguồn	source, origin or cause	giữ chức	to assume an office, position, or title
thông-thạo	to be expert or knowledgeable	điện-văn	a telegram
gia-quyển	family, relatives, or dependents	quốc-khánh	national holiday
tân	to be new, recent, or virgin	trung-tướng	major general
dân-quốc	a republic	chủ-tịch	chairman or pres- ident of a committee
cộng-hòa	a republic, republican	ban	committee, board, commission, depart- ment
chấp-nhận	to accept, admit or approve	lãnh-đạo	to lead, leadership

LESSON 13

lâm-thời	to be provisional or temporary	ngoại-giao	foreign relations, diplomacy
quân-lực	armed forces	từ-chức	to resign
tổng-thống	president or chief of state	giới	realm or circles
cử-hành	to celebrate, perform	giới cầm-quyền	leading circles, those in power, the authorities
nồng-nhiệt	to be warm, ardent, or intense	tò-ý	to make known an intention or opinion
cầu chúc	to wish or congratulate	kiểm	to look for
an-khang	to be in good health	hữu-quyền	to be in power, the authorities
hạnh-phúc	happiness	đại-biêu	to represent, a delegate or representative
phú-cường	to be a prosperous and powerful nation	Liên-Hiệp-Quốc	the United Nations
tham-mưu trưởng	chief of staff	ngoại-trưởng	foreign minister
tư-lệnh	to command, commander	đương	to be in the process of...
quân-đoàn	an army corps	tiếp-kiến	to receive or welcome (a high official)
bổ-nhiệm	to appoint or assign	nghị-sĩ	a senator
chức-vụ	a function or duty	tầng trên	the upper floor
công-việc	a task, job, or work	Thượng Hội-Đồng	the upper house of the legislature
làm giấy	to handle paper work	đại-hội	a congress, convention, or general assembly
góp phần	to do one's share		
quyết-định	to decide, to make decisions, a decision		
trường-hợp	circumstances or conditions		
biến-cố	an event or occurrence		
tín-nhiệm	to have confidence or trust, confidence		
sự tín-nhiệm	the confidence of		

LESSON 13

toàn-quốc	the whole nation, national	thuộc	to belong to
khai-mạc	to open or begin (a conference or meeting)	chính-thức	to be official or formal
tiếp-xúc	to make contact	hoặc	either... or...
địa-phương	local, locality, local region	chi-tiết	details
khai-giảng	to open or begin (a school or course)	cần-thiết	necessary
thông-cáo	a bulletin or announcement	ghi danh	to register one's name
phân khoa	a faculty or sub- division of a uni- versity	nhập học	to enter school
		hãy	to be sure to, ought to
		ghi gấp	to register in a hurry
		hạn	to limit or restrict, a limit or deadline

III. GRAMMAR NOTES

15. The element 'việc' is often used as a classifier for verbal expressions used as substantive phrases, the function of such classifiers is to subordinate all that follows them to the main predicate, thus causing them to function as dependent clauses. The most convenient way to translate the classifier, when the dependent clause is fairly long or complicated, is 'the matter of...'. .

23. The modification patterns involved in Vietnamese organizational titles does not always follow the order of successive subordination, which makes proper translation into English more difficult than usual. The build-up of the title in this line is as follows?

ban lãnh-đạo	leadership council
ban lãnh-đạo quốc-gia	national leadership council
chủ-tịch ban lãnh-đạo quốc-gia	chairman of the national leadership council

LESSON 13

chủ-tịch ban lãnh đạo chairman of the provisional
lâm-thời quốc-gia national leadership.....

53. The element 'sự' functions as a classifier/nominalizer in much the same way as do 'việc' and 'cuộc'. Thus the expression 'sự tin-nhiệm của...' refers to 'the confidence of...'

60. The element 'hiện', which often occurs with the element 'nay' when functioning as a time expression 'hiện nay: at present', often serves the same function as an introductory element without the second term. In such cases the meaning remains the same. In other contexts this form can have a quite different function and meaning.

61. The element 'nhà' is often used as a classifier for certain types of prestigious persons (officials, experts, etc.). As such it may refer to either substantive phrases which function as titles or to predicative phrases which thus function in the same way. The element 'giới', above and below, functions in the same way, but is usually taken as a collective plural with the same basic reference.

71. The abbreviation 'llg' stands for 'll giờ', and is a common abbreviation for time of day phrases.

77. The element 'hơn' often appears before quantitative expressions, expressing the relationship 'more than'.

81. The function of the element 'được' in this clause is to mark a passive construction. The length of the substantive 'personae' phrase should not obscure the fact that the relationship set up is 'đã được... tiếp kiến: were received by...'.

72

LESSON 13

IV. QUESTIONS

1. Ai báo tin rằng Thiếu-tướng Viên sẽ về Việt-Nam?
2. Thiếu-tướng sắp từ đâu về Việt-Nam?
3. Gia-quyển của Thiếu-tướng Viên có về nước không?
4. Báo chí cho biết bao giờ Thiếu-tướng đến Sài-Gòn?
5. Hồi trước ông Viên-Từ-Kiện làm gì ở Việt-Nam?
6. Chính-phủ Trung-Hoa Dân-Quốc cử ai thay ông Kiện?
7. Việt-Nam Cộng-Hòa đã làm gì về việc ông Liên giữ chức tại Việt-Nam?
8. Chủ-Tịch ban Lãnh-Đạo Lâm-thời Quốc-Gia là ai?
9. Trung-tướng Minh chúc mừng ông Tổng-Thống Tsiranana bằng gì?
10. Ông Chủ-tịch chúc mừng nhân-dân Madagascar nhân dịp lễ gì?
11. Khi nào Cộng-Hòa Madagascar cử hành lễ Quốc-Khánh?
12. Trung-tướng cầu chúc tổng-thống Tsiranana được như thế nào?
13. Trung-tướng Minh chúc ai được phú-cường?
14. Ai vừa được bổ-nhiệm làm tham-mưu-trưởng Quân-Lực Việt-Nam?
15. Thiếu-tướng Cao-Van-Viên đổi làm chức vụ gì?
16. Chức-vụ tham mưu-trưởng quân lực Việt-Nam so với chức vụ Tư-Lệnh quân đoàn 3 như thế nào?
17. Đặc-tính của chức-vụ tư-lệnh Quân-Đoàn 3 là gì?
18. Ai rất được sự tín-nhiệm của thủ-tướng Khánh?
19. Trong khi làm Tư-Lệnh Quân-Đoàn 3 Thiếu-tướng Viên sẽ được rảnh để góp phần làm việc gì cho chính-phủ Việt-Nam?
20. Người ta nói rằng chức-vụ ấy là công việc làm giấy thi chúng ta có thể cắt nghĩa như thế nào?

21. Trong chính-phủ Trung-Hoa dân-Quốc có ai xin từ chức?
22. Tại sao người ta biết ông bộ-trưởng muốn từ chức?
23. Hiện nay các nhà cầm quyền đang làm việc gì về chức vụ ấy?
24. Bây giờ người sắp được cử làm bộ-trưởng đương giữ chức vụ gì?
25. Ông sẽ thế chân ông bộ-trưởng ngoại giao sắp ở đâu về?
26. Trung-tướng Dương-Van-Minh đã tiếp kiến phái đoàn nghị-sĩ của nước nào?
27. Ông chủ-tịch ban Lãnh-Đạo tiếp kiến phái đoàn ấy ở đâu?
28. Cuộc tiếp kiến phái đoàn Phi-Luật-Tân-kéo dài từ mấy giờ tới mấy giờ?
29. Sau đó phái đoàn Phi-Luật-Tân đã được ai tiếp kiến?
30. Cuộc tiếp kiến thứ hai xảy ra ở đâu?
31. Đại-Hội Giáo-Dục Toàn-Quốc nam nay sẽ khai-mạc ở đâu?
32. Địa-chỉ của nha Văn-Hóa Sài-Gòn là gì?
33. Ai tham-dự Hội-Nghị Giáo-Dục Toàn-Quốc ở Sài-Gòn?
34. Cuộc tiếp kiến đại-diện Hội-Nghị Giáo-Dục khai mạc ngày nào và hồi mấy giờ?
35. Nam nay Đại-Học Huế sẽ khai-giang vào ngày thứ mấy?
36. Nếu có sinh-viên nào chưa ghi danh nhập học thì họ nên làm gì?
37. Các sinh-viên muốn biết thêm chi-tiết cần thiết, nên tiếp xúc với ai?
38. Đến ngày mấy tây thì hết hạn ghi danh nhập-học?

LESSON FOURTEEN

I. TIN-TỨC CHIẾN-SỰ

TIN-TỨC CHIẾN-SỰ ĐỊA-PHƯƠNG

5 Sai-Gòn.- Theo tin chiến-sự của Bộ Quân-Lực phổ biến hôm nay, sau đây là tình hình các vùng chiến-thuật trong mấy ngày vừa qua.

Tiểu-khu Kontum

10 Trong khuôn khổ hành-quân 'Bình-Trị 31' ngày 18-11-71, ta hoạt-động chạm địch tại 10 cây số Bắc Daksoy, bắn chết 3 Việt-Cộng tại chỗ, tịch-thu 1 tiểu liên Thompson và một số đạn dược.

15 Tiểu-khu Bình-Định

20 Lúc 1 giờ 20 ngày 16-11-71 Việt-Cộng đột nhập trụ-sở xa Tam-Quan, cách xa xã Hoài-Nhơn về phía Đông-Nam mười hai cây số, gây cho ta một tử thương, bốn mất tích, sáu súng cá nhân và hai máy truyền-tin bị mất.

Tiểu-khu Quảng-Đức

25 Lúc 4 giờ ngày 17-11-71 Việt-Cộng đột nhập ấp Tân-Sinh Kon-Hon, cách miền Đông-Bắc Gia-Nghĩa 13 cây số. Hay tin, lực-lượng tiếp-viện đã chạm súng với Việt-Cộng gần địa-điểm trên khiến địch rút lui. Về phía ta có một tử thương, một bị thương (thuộc lực-lượng tiếp-viện), mười một thất lạc, và chín súng cá nhân của ấp Tân-Sinh bị mất.

VIỆT-CỘNG LIỆNG LỰU-ĐẠN VÀO XE JEEP MỸ

Sai-Gòn (SP)- Một sĩ-quan lục-quân Mỹ đã bị giết và một viên chức USAID bị thương khi xe jeep của họ bị liệng lựu-đạn ở Bình-Dương hồi chiều hôm thứ sáu.

40 Hai người này đang ngồi trên xe jeep thì một quả lựu-đạn nổ trong xe họ.

45 Sĩ-quan lục-quân được đưa về Sai-Gòn trong khi viên chức USAID được điều trị tại bệnh-viện Tân-Sơn-Nhất.

XE CỔ VÁN MỸ BỊ Mìn

Tân-An (20-11)- Chiều 18-11 vừa qua, xe cổ ván Mỹ trên đường từ Mỹ-Tho về Sai-Gòn đã bị Việt-Cộng phục-kích giết 55 mìn trên quốc-lộ số bốn, cách Tân-An khoảng mười cây số về hướng Bắc. Kết quả xe của cổ ván này vô sự, chỉ một người 60 ngồi trên xe bị thương.

Cũng theo tin trên, ngay sau khi hay tin xe cổ ván bị mìn, lực-lượng an-ninh địa-phương liên bao vây truy-kích nhưng chưa rõ kết quả. Mặt khác Ty Công-Chánh Long-An liền lập 65 ngay lộ hàng do mìn gây ra để tránh trở ngại cho sự lưu-thông.

LESSON 14

- 70 ĐỒNG-BÀO LÁNH NẠN VIỆT-CỘNG
Ở KIẾN-HÒA
- Trúc-Giang (VTX) 29-1. Có trên 1,000 đồng bào tại tỉnh Kiến-Hòa đã lãnh nạn Việt-Cộng liên-tiếp trong ba ngày 26, 27, 28-1 vừa qua. Số đồng-bao này ở xã Thạnh-Phong thuộc khu rừng Thạnh-phủ (Kiến-Hòa) thường bị Việt-Cộng khủng-bố đã kéo nhau đến xin quân-đội bảo vệ và đưa họ đi lánh cư nơi khác.
- 75 Nhà cầm-quyền tỉnh Kiến-Hòa đang dự-tru một chương-trình định-cụ đại qui-mô cho số đồng bào nói trên tại vùng phụ-cận quận-ly Thạnh-Phủ. Trong thời gian chờ định cụ, số đồng-bao này đã được chính-quyền đưa đến tạm trú tại một nơi và trợ cấp lương-thực hàng ngày. Nhiều đại-diện các cơ-quan từ thiện đến uy-lạo họ để làm cho đời sống của họ được dễ chịu.
- 85
- 90

II. VOCABULARY

chiến-sự	war, warfare	đột-nhập	to break into
phổ-biến	to popularize or make generally known	trụ-sở	headquarters, main office
chiến-thuật	tactics, tactical (tactical zone)	xã	a village or commune
tiểu-khu	sub-sector	phía	direction, way, or side
khuôn-khố	framework, shape and size	gây	to bring about or cause
hành-quân	an operation or military action	tử thương	to die of a wound
bình-trị	peaceful rule (here, a codeword)	mất tích	to be missing
hoạt-động	to be active, activity or operations	súng	a rifle
chạm đích	to hit a target	súng cá nhân	an individual weapon (usually a rifle)
bắn	to shoot or fire (a gun)	truyền tin	communication
chết	to die, to be dead	máy truyền tin	radio transmitter
Việt-Cộng	Vietnamese Communists	mất	to be lost
tịch-thu	to confiscate or sieze	ấp	a hamlet
tiểu-liên	a submachine gun		
đạn dược	ammunition		

LESSON 14

ấp Tân-Sinh	a Newlife hamlet	phục-kích	to ambush, to lay an ambush
hay tin	to know (from news sources), to be informed	giật mìn	to explode a mine by hand detonation
lực-lượng	military forces	quốc-lộ	national highway
tiếp-viện	reinforcements	hướng	direction or way, to be directed toward
chạm súng	to engage or skirmish with, an engagement	kết-quả	the outcome or results
địa-điểm	a point or location, a site	vô-sự	to be all right
khiến	to cause or bring about	liền	to act immediately
địch	the enemy	bao vây	to surround or encircle
rút lui	to withdraw	truy-kích	to pursue and attack
thất lạc	to be lost or missing	mặt khác	on the other hand, at the same time
sĩ-quan	an officer	Ty Công-Chánh	Bureau of Public Works
lực-quân	the Army	lấp	to fill in (a hole)
giết	to kill	lỗ hổng	opening, hole, or cavity
viên chức	an official	tránh	to avoid
liệng	to throw or cast	trở-ngại	an obstacle
lựu-đạn	a grenade	sự	affair, event, matter (classifier denoting nominalized verbals)
nổ	to explode, burst, or rupture	lưu-thông	to communicate, movement of commerce, traffic
trúng	to hit, to be hit by, to be on target	đồng-bào	compatriots, country-men
điều trị	to give or receive medical treatment		
bệnh-viện	a medical clinic		
cố-vấn	an advisor or counselor		

LESSON 14

lánh	to flee, escape, avoid (same as 'tránh' above)	phụ-cận	to be neighboring
liên-tiếp	to be continuous, in succession, continuously	quận-ly	a district capital
khủng-bố	to terrorize, the terror	thời gian	a period of time
quân-đội	the army or troops	chính-quyền	political power, political authorities
bảo-vệ	to guard, defend, or preserve	tạm	to be provisional or temporary, temporarily
cư	to dwell, reside, or live	trú	to take shelter, to dwell, to stop or stay over
dự-trù	to provide for, put into effect	trợ-ấp	to give aid to or subsidize
chương-trình	a plan or program	lượng-thực	food supplies, subsistence rations
định-cư	to settle (refugees)	cơ-quan	agency, foundation, organization
đại	to be big or large	tù-thiện	to be benevolent or charitable
qui-mô	model, pattern, scale, standards, extent	ủy-lạo	to comfort or offer support

III. GRAMMAR NOTES

9. The phrase 'Bình-Trị 31' is used here as a code name for the military operation involved.

20. The combination 'gây cho' functions as a resultative compound which intensifies the action of 'bringing about or causing' and forms a strong active/transitive predicate which depicts the resultative notion of 'inflicting on...'. This same strongly active type of predicate is formed in line 65 below, in which 'ra' serves as the resultative element, and the compound 'gây ra' functions as an emphatic causative predicate 'brought about (by the mine)'.

79. In this sentence, the element 'kéo' is used in the sense of 'to move', and the adverbial complement 'nhau' serves only to indicate the joint nature of the action, which is further modified by the resultative element 'đến'. The resulting predicative phrase has the connotation of 'to move (as a crowd) to (someplace) to ask...'

IV. QUESTIONS

1. Thường thường ai phổ biến tin tức chiến-sự cho chính-phủ Việt-Nam ở Sài-Gòn?
2. Cuộc hành quân trong tiểu khu Kontum vào ngày 18 tháng 11 như thế nào?
3. Lực-lượng quân-đội Việt-Nam chạm địch cách Dakrut bao xa?
4. Trong cuộc chạm địch ấy có mấy Việt-Cộng bị giết?
5. Quân-đội Việt-Nam tịch thu những gì trong cuộc ấy?
6. Buổi sáng ngày 18 Việt-Cộng đột nhập trụ-sở hồi mấy giờ?
7. Trụ sở mà ta chạm địch ở xã nào?
8. Xã Tam-Quan ở phía nào của xã Hoài-Nhân?
9. Lúc ấy có mấy tử thương ở xã Tam-Quan?
10. Cũng trong cuộc chạm địch ấy có mấy người bị mất tích?
11. Ngoài mấy người ấy ra thì cũng có gì bị mất?
12. Có việc gì xảy ra ở ấp Tân-Sinh Kon-Hon vào ngày 16?
13. Khi quân-đội Việt-Nam hay tin thì họ làm gì để giúp đỡ ấp Kon-Hon?
14. Tại sao lực lượng Việt-cộng rút lui?
15. Cuối cùng có mấy người tử thương ; và bị thương về phía quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa?

LESSON 14

16. Sau khi địch rút lui thì có mấy súng cá nhân bị mất và mấy người bị thất lạc?
17. Xe gì bị Việt-Cộng liêng lựu-đạn ở Bình-Dương chiều thứ sáu?
18. Có ai ngồi trên xe khi Việt-Cộng liêng lựu đạn?
19. Cả hai người Mỹ ấy chết hết. phải không?
20. Viên-chức USAID được điều trị ở đâu?
21. Xe của cố vấn Mỹ bị giựt mìn hồi nào?
22. Xe ấy đi trên đường từ chỗ nào đến chỗ nào, khi bị Việt-Cộng giựt mìn?
23. Địa điểm bị phục kích xảy ra về phía nào của Tân-An và trên quốc lộ nào?
24. Kết quả xe cố vấn Mỹ như thế nào?
25. Sau khi hay tin xe cố-vấn Mỹ bị giựt mìn, lực lượng an-ninh địa phương làm gì?
26. Tại sao ty Công-Chánh Long-An lo về việc lấp lỗ họng do mìn gây ra?
27. Bao nhiêu đồng bào tại tỉnh Kiến Hòa đã lánh nạn Cộng-Sản?
28. Nhung đồng bào ấy lánh nạn Việt-Cộng trong bao lâu?
29. Số đồng bào này ở xã nào và thuộc khu nào?
30. Đây là lần thứ nhất người Thanh-Phong bị khủng bố, phải không?
31. Để khỏi bị khủng bố, người ta xin Quân-Đội Việt-Nam làm gì?
32. Nhà cầm-quyền Kiến-Hòa đang định làm gì cho họ?
33. Trong khi định-cư, đồng bào Kiến-Hòa được giới chính quyền trợ cấp gì?
34. Đại-diện các cơ-quan từ thiện làm gì cho các người lánh nạn?

LESSON FIFTEEN

I. TIN-TỨC TRONG NƯỚC

ĐẠI-SỨ HOA-KỶ VÀ PHU-NHÂN
VIẾNG THAM HUẾ

5 Huế 1-10.- Đại-sứ Hoa-Kỳ
Maxwell D. Taylor và phu-nhân
đã viếng tham Huế sáng hôm qua
30-9, bằng phi-cơ đặc-biệt.
10 Ra đôn Đại-Sứ tại phi-trưởng
Phủ-Bãi có thiếu-tướng Tôn-Thất-
Xung, Tư-Lệnh vùng I Chiến-Thuật,
15 Trung-Tá Võ-Hữu-Thu, Tỉnh-Trưởng
Thừa-Thiên kiêm Thị-Trưởng Huế,
đại-diện các nha sớ và các viên
chức Hoa-Kỳ tại Huế.
15 Tại phi-trưởng Phủ-Bãi, Đại-
Sứ Taylor đã dự-lễ chào Quốc-Kỳ
với các nhân-vật hiện-diện. Sau
đó, Đại-Sứ đến viếng bộ Tư-Lệnh
20 khu II Chiến-Thuật và dự một
buổi thuyết-trình do chuẩn-tướng
Nguyễn-Chánh-Thị trình-bày về
25 tình-hình quân-sự tại hai tỉnh
Quang-Trị và Thừa-Thiên và nghe
Trung-Tá tỉnh-trưởng Thừa-Thiên
trình-bày về tình-hình chung
trong tỉnh.
30 Buổi chiều Đại-Sứ đến tiếp-xúc
riêng với các viên-chức Hoa-Kỳ
ở Huế tại Câu-Lạc-Bộ Sĩ-Quan.

HỘI-ĐỒNG AN-NINH QUỐC-GIA
NHÓM HỌP LẦN THỨ NHÌ

30 Sài-Gòn (VTX) .- Quốc-Trưởng
Phan-Khắc-Sưu, Thủ-Tướng Trần-
Van-Hương và Trung-Tướng Nguyễn-
Khánh đã hội-họp sáng nay tại
35 dinh Gia-Long trong gan hai

tiếng đồng hồ.
Đây là phiên họp thứ nhì
của Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia
mà thành-phần gồm có Quốc-
40 Trưởng, Chủ-Tịch, Thủ-Tướng,
Phó Chủ-Tịch, Tổng-Trưởng
Quân-Lực, hội-Viên và Tổng
Tư-Lệnh Quân-Lực Việt-Nam Công-
Hòa.
45 Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia
nhóm phiên đầu tiên hôm 11-11-
1964.
Phiên họp sáng nay bắt đầu
hội chín giờ và kết-thúc vào
50 hồi gan 11 giờ.

ĐÍNH-CHÍNH CỦA ĐẠI-TƯỚNG
TRẦN-THIỆN-KHIÊM

Hương-Cảng (Reuter) 8-10.-
Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm,
cựu Tổng-trưởng bộ Quốc-Phong
55 và Tổng Tư-Lệnh Quân-Lực Việt-
Nam Cộng-Hòa, tối hôm qua đã
cải-chính tin đồn rằng ông
phải lưu-vong vì lý-do chính-
trị.
60 Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm
đã từ Sài-Gòn đến Hương-Cảng
bằng máy bay, trên đường đi
Âu-Châu để viếng-tham các nước
65 bạn đã viện-trợ cho Việt-Nam.
Đại-Tướng tuyên-bố rằng những
tìn đồn nói trên đều do Cộng-
San loan-truyện và do những kẻ
can-đự vào cuộc đảo-chính 13-
70 9 tung ra.
Theo ông, mục-đích của

LESSON 15

- những lời đồn-đại ấy là định
gây chia rẽ giữa các nhà lãnh-
đạo quân-lực Việt-Nam, nhất là
75 giữa các tướng-lãnh.
Đại-Tướng nói thêm: " Việt-
Nam đang ở vào một tình-thế
khó khăn trong công-cuộc chống
80 Cộng, nhưng chúng tôi nhất-định
sẽ chiến-thắng."
Đại-Tướng còn cho biết,
phương-pháp mau lẹ nhất để chiến-
thắng là tận-công ngay các đường
tiếp của Cộng-San Bắc-Việt vào
85 Nam và phá-hủy các căn-cứ của
địch nhằm xâm-lược Việt-Nam
Cộng-Hòa.
- VIỆT-NAM MUỐN THIẾT-LẬP
BANG-GIAO VỚI GAMBIA
- 90 Sài-Gòn 24-2.- Nhân dịp quốc-
gia Gambia vừa độc-lập, ông
Trần-Van-Đỗ, phó Thủ-Tướng
kiêm Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
đã gửi điện-van chúc mừng
95 ngoại-trưởng tân quốc-gia này.
Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-
Trưởng Ngoại-Giao đã cầu chúc
quốc-gia này được giàu mạnh
và nhân-dân quốc-gia này duy-
100 trì được nền độc-lập quý-báu
mà họ vừa dành được.
- Trong điện-van, phó Thủ-
tướng Trần-Van-Đỗ nhấn mạnh
rằng Việt-Nam Cộng-Hòa mong
muốn thiết-lập bang-giao với
tân quốc-gia Gambia 'để tiến
tới một cuộc hợp-tác hữu-ích
giữa Gambia và Việt-Nam, là
hai quốc-gia đều thiết tha
với hoa-bình và tự-do'. 105
110
- THANH-LỘC PHẦN TỬ PHÁ-HOẠI
TRONG PHẬT-GIAO
- Trong một thông cáo ra đêm
qua, Thượng-Tọa Thích Tâm-Châu
đã yêu-cầu các Phật-tử toàn
115 quốc hãy thanh-lộc ra ngoài
hàng-ngũ tôn-giáo 'các phần tử
phá-hoại và không trong sạch
bất kỳ họ thuộc đảng-phái
chính-trị nào.' 120
Thượng-Tọa Tâm-Châu còn nhấn
mạnh không nên dùng danh-tử
Phật-giáo vào các tổ-chức
chính-trị và cũng không nên dùng
125 các nơi thờ tự làm chỗ hoạt-
động chính-trị.
Thông cáo cũng kêu gọi các
Phật-tử toàn quốc nên đoạn-kết
với các tôn-giáo khác để thanh-
lập các ủy-ban liên-tôn hồng
100 giai-quyết các khác-biệt có thể
có trong các hoạt-động tôn-giáo.

II. VOCABULARY

Hoa-Kỳ	America, American	tỉnh-trưởng	province chief
phu-nhân	Mrs., wife (of an official)	kiêm	to cumulate titles (functions), con- currently serving as...
viếng	to pay a visit, to pay respects	thị-trưởng	mayor
trung-tá	lieutenant-colonel	nha sở	directorates and offices

LESSON 15

dự lễ	to participate in a ceremony	hội-viên	member (of an assembly, conference, or society)
Quốc-Kỳ	National Flag, colors, ensign	kết-thúc	to end
nhân-vật	official figures or persons	đính-chính	to deny, to rectify or correct
hiện-diện	to be present	đại-tướng	lieutenant general (VN four star)
thuyết-trình	to present a report of, give a paper	Hương-Cảng	Hong Kong
chuẩn-tướng	a one-star general, a sub-brigadier	cựu	old, the former...
trình-bày	to display, present, or make a presentation	quốc phòng	defense, national defense
quân-sự	military affairs	cải-chính	to deny or rectify
câu-lạc-bộ	a social club or social organization	tin đồn	a rumor
hội-đồng	a board, council, assembly or meeting	lưu-vong	to travel about, to go into exile
nhóm họp	to attend a meeting or session	lý-do	reasons
quốc-trưởng	chief of state	viện-trợ	to assist or aid, assistance
hội-họp	to convene or meet together	tuyên bố	to announce, declare, or state
thành-phần	a component, constituent, to be composed of	cộng-sản	communism, communist
gồm	to total up, to include, comprise or consist of	loan-truyền	to make known, communicate, or spread about
Phó	Vice-..., Deputy... Assistant	kẻ	(classifier for individuals), those who...
tổng-trưởng	Minister or Secretary of...	can-dự	to be involved in, to interfere with
		đảo chính	a coup d'etat
		tung	to throw, fling, or spread news

LESSON 15

mục-đích	goal or objective	hữu-ích	to be useful
đồn-đại	to spread a rumor	thiết	to care for, or have an interest in
chia rẽ	to divide or separate, a division or separation	thiết tha	to be ardent or earnest
tướng-lãnh	the commander	hòa-bình	peace
tình-thế	a condition or situation	tự-do	to be free, freedom
chống Cộng	anti-communist	thanh-lọc	to purge or purify
chiến-thắng	to be victorious in battle	phần-tử	an element or faction
mau lẹ	to be quick or rapid	phá-hoại	to destroy or sabo- tage, to be destructive
tấn-công	to attack	Phật-Giáo	Buddhism
đường tiếp	supply or communi- cation routes	thượng-tọa	Bonze, Reverend, the Venerable
phá-hủy	to destroy	yêu-cầu	to request, to urge or plead for
can-cứ	to base upon, the founda- tion or basis, a base	Phật-tử	Buddhist
xâm-lược	to invade	hàng-ngũ	ranks, lines, or membership roles
thiết-lập	to set up or establish	tôn-giáo	religion or faith
bang giao	international relations	trong sạch	to be pure or clean
độc-lập	to be independent, independence	bất kỳ	any, whoever, whenever, to be unexpected
nhân-dân	the people or popula- tion of a country	đảng-phái	clique, faction, or political party
duy-trì	to maintain or preserve	danh từ	noun, substantive term, terminology
nền	foundation or background (classifier for public or cultural institutions)	tổ-chức	to organize, an organization
quý-báu	to be precious or valuable	thờ tự	to worship
dành	to set aside, reserve, or save	đoàn kết	to unite, unity, or union
nhấn	to press, to urge, to stress or emphasize	ủy-ban	committee or commis- sion
hợp tác	to cooperate		

LESSON 15

liên-tôn	interdenominational,	giải-quyết	to solve (a
	inter-faith		problem or question)
hòng	to expect or look	khác-biệt	differences or
	toward		distinctions

III. GRAMMAR NOTES

11. The element 'kiêm' is used to indicate the concurrent holding of two titles or official functions by the same person. It is essentially verbal in nature 'to cumulate (functions)' and functions in many combinations which complement its basic meaning, but in this connective usage (between titles) it can be translated as either 'and' or 'concurrently'.

39. This use of 'mà' constitutes subordination of the preceding phrase in a relative clause construction. The entire preceding phrase is subordinated by the relative phrase 'the components of which (include)...'.

68. The use of the plural demonstrative 'những' and the classifier for persons 'kẻ' forms a phrase whose reference is combined into a 'those who' since the following complement is essentially verbal. The resulting construction forms the substantive subject of the passive predicate 'by... spread about'. A similar construction is formed by the plural marker 'các' and the classifier for persons 'nhà', in line 73 below. In this case the element 'lãnh-đạo' may be either substantive or predicative (according to usage) and the whole phrase simply functions as a combined plural 'the leaders'.

78. The combination of the elements 'công' and 'cuộc', both of which may function as classifiers of nominalized verbal elements, forms a substantive compound which functions freely as a noun 'task, work, job, or undertaking'. In this

LESSON 15

case, it is modified by the following compound which can be taken as a kind of adjectival 'anti-communist'. But this is a good example of the ambiguity of analysis and translation, since the whole phrase can also be taken as 'the task of resisting communism'.

90. As an introductory phrase, a slot usually occupied by time expressions, the phrase 'nhân dịp' may be interpreted as 'on the occasion of', since it is in this sense a time expression. In other contexts, not functioning as a time expression, it often seems to function much like the phrase 'trong khi: during the time that...'

101. This use of the element 'mà' constitutes a simple relative clause marker, and directly subordinates the preceding substantive phrase 'the precious independence which they...'

103. The element 'có' is used in this sentence in its secondary meaning of 'to exist' (even though this is its basic predicative meaning, it is not the most frequently used), and the combination with the phrase 'có thể' takes on the meaning of either 'which could exist' or 'which might be present'.

IV. QUESTIONS

1. Đại-sứ Hoa-Kỳ và phu-nhân viếng thăm Huế hồi nào?
2. Họ ra Huế bằng phi cơ của hãng Hàng Không Việt-Nam, phải không?
3. Trong cuộc tiếp đón ông Đại-Sứ tại phi-trường Phú-Bài gồm có ai?
4. Thiếu-Tướng Tôn-Thất-Xung là tư-lệnh vùng nào?
5. Trung-Tá Võ-Hữu-Thu giữ những chức vụ gì ở tỉnh Thừa-Thiên và thành-phố Huế?

LESSON 15

6. Ông Đại-Sứ đã dự lễ gì tại phi-trường Phú-Bài?
7. Sau lễ ấy, thì họ đi viếng Tu-Lệnh Khu II Chiền-Truật để làm gì?
8. Chuân-Tướng Nguyễn-Chánh-Thi trình bày về tình-hình gì?
9. Ngoài thuyết-trình của Chuân-Tướng Thi ra, ông Đại-Sứ còn nghe Trung-Tá Thu báo tin về việc gì nữa?
10. Trong buổi chiều hôm ấy, Đại-Sứ Hoa-Kỳ tiếp-xúc với ai?
11. Cuộc tiếp-xúc ấy xảy ra ở đâu?
12. Sáng nay những ai hội họp ở dinh Gia-Long?
13. Phiên-họp của Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia kéo dài độ bao lâu?
14. Đây là cuộc nhóm họp thứ mấy của Hội-Đồng An-Ninh?
15. Phiên nhóm đầu tiên của Hội-Đồng này xảy ra hồi nào?
16. Thành phần của Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia gồm có những ai?
17. Phiên họp sáng nay bắt đầu hồi nào và kết thúc vào lúc mấy giờ?
18. Ông Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm đã giữ những chức-vụ gì trong Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa?
19. Đại-Tướng Khiêm đã cải chính tin đồn về việc gì?
20. Đại-Tướng đã nói chuyện về việc ấy ở thành-phố nào?
21. Ông ta ghé lại đây trên đường đi tham những nước nào?
22. Theo ông Đại-Tướng thì tin đồn ấy do ai tung ra?
23. Tại sao họ muốn loan-truyền tin đồn Đại-Tướng Khiêm phải lưu-vong?
24. Đại-Tướng Khiêm cho rằng nước Việt-Nam đang ở trong tình-trạng thế nào?

LESSON 15

25. Phương - pháp mau lẹ để chiến-thắng công cuộc chống cộng là làm gì?
26. Cộng-Sản Bắc-Việt giữ các căn cứ trong miền Nam để làm gì?
27. Phó Thủ-Tướng Trần-Van-Đỗ gửi điện-van cho ai?
28. Điện-van ấy chúc mừng nhân dân Gambia vào dịp nào?
29. Quốc-Gia Gambia dành độc-lập được bao lâu rồi?
30. Trong điện van ông Trần-Van-Đỗ đã nhấn mạnh điều gì?
31. Tại sao Việt-Nam muốn thiết lập bang giao với Gambia?
32. Đêm vừa qua, Thích-Tâm-Châu phát hành thông cáo về việc gì?
33. Thông cáo ấy yêu cầu ai cố gắng thanh lọc các phần tử phá hoại trong hàng ngũ Phật-Giáo?
34. Tại sao Thích-Tâm-Châu khuyên các phật-tử như vậy?
35. Thượng-Tọa yêu cầu các Phật-tử không nên làm gì trong hoạt động chính-trị?
36. Thông cáo kêu gọi Phật-tử làm gì để thành-lập ủy ban liên tôn?
37. Mục-dịch sự thành-lập các ủy ban liên-tôn là gì?

LESSON SIXTEEN

I. TIN-TỨC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI CHỢ WAT-PHOU (AI-LAO)

Sài-Gòn 18-2.- Việt-Nam Cộng-Hòa vừa tham-dự Hội Chợ Wat-phou (Ai-Lao). Wat-Phou là một ngôi đền cổ, kiến-trúc theo lối các đền Angkor Thom và Angkor Wat. Đền Wat-Phou được xây cách đây hơn 2.500 năm, tại tỉnh Champassak thuộc miền Hạ Lào. 5

Hàng nam đến ngày hội, chính quyền sở tại và dân-chúng địa-phương họp nhau lại để làm lễ và tổ-chức triển-lãm. Nam nay, hội chợ Wat-Phou được tổ-chức từ ngày 13 đến ngày 16 tháng hai năm 1971, có các gian hàng của ngoại-quốc như gian hàng Việt-Nam Cộng-Hòa, gian hàng của Mỹ-Quốc và các gian hàng thuộc các tỉnh ở miền Nam Hạ Lào tham-dự. 10

Gian hàng Việt-Nam Cộng-Hòa do tòa Lãnh-Sự Việt-Nam tại Paksé tổ-chức, gồm có ba gian, Thông-Tin, Văn-Hóa Mỹ-Thuật và Công-Kỹ-Nghệ. Mỗi tối đều có chiếu điện ảnh. Đặc-biệt hai đêm 13 và 14 các thanh-niên và thanh-nữ Việt-Kiều ở Paksé đã trình-diễn ca-nhạc Việt-Nam, và được các giới hoan-ngênh nhiệt-liệt. Đây là lần đầu tiên Việt-Nam Cộng-Hòa tham-dự hội chợ. 15

TÌM THẤY MỘT MỎ SẮT Ở TỈNH QUẢNG-NGÃI 20

Sài-Gòn 16-4.- Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ cho hay, các chuyên viên vừa tìm thấy một mỏ quặng sắt quan-trọng, ước-chúng 40 triệu tấn tại xã Hoài-Đức, cách tỉnh-ly Quảng-Ngãi (Trung-Phần), 15 cây số về phía Tây-Nam.

LESSON 16

Loại quặng này có từ 62.5 đến 73.5 'oxyde de fer'. Mỏ sắt này là một mỏ lộ-thiên, chiếm một diện-tích chừng 170 mẫu, dọc theo quốc lộ số 1 xuyên Việt. Hiện nay công-tác tham dò đang được tiến-hành và người ta hy-vọng sẽ tìm thêm được các quặng khác. 25

Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ ước-lượng số 40 triệu tấn quặng sắt này trị giá độ 20 tỷ bạc. Công-tác tham dò đều hoàn-toàn do chuyên-viên Việt-Nam phụ trách. 30

ÔNG NGUYỄN-VAN-BA THAM-DỰ KHÓA HỘI-THẢO QUỐC-TẾ VỀ 'LỌC NƯỚC MẶN TẠI HOA-THỊNH-ĐỒN'

Sài Gòn 17-5.- Theo lời mời của chính-phủ Hoa-Kỳ, bộ Giao-Thông và Công-Chánh vừa cử ông Nguyễn-Van-Ba, Giám-Đốc Nha Cấp-Thủy, thay thế ông Trần-Ti-Chương, Giám-Đốc Thủy-Cục, tham-dự khóa 'Hội-Thảo Quốc-Tế kỳ một về lọc nước mặn' tổ-chức tại Hoa-Thịnh-Đồn từ ngày 3 đến 7-10-1971. 35

Hiện duyên hải Nam-Phần, với số dân-cư lên đến gần 3 triệu người, cứ đến mùa nắng thì nước mặn xâm-nhập, nước ở ao, hồ, sông, rạch, giếng đều mặn cả. Dân chúng có trữ nước mưa để uống, nhưng số lượng dự-trữ không đủ, nên nước ngọt phải đem từ các vùng khác đến với một giá rất đắt, có khi đến một tram hay hai tram đồng một thước khối. 40 45

Từ lâu nay chính-phủ đã cố gắng giải-quyết vấn-đề trên bằng cách đào giếng sâu 200 thước để lấy nước, hoặc đào kinh dẫn nước ngọt, nhưng vẫn chưa giải-quyết một cách đại qui-mô. Một vài nước trên thế-giới đã chú-ý nghiên-cứu từ lâu việc lọc nước mặn ra nước ngọt và đã được nhiều kết quả cụ-thể. 50

Như vậy, nếu kỹ-thuật lọc nước mặn ra nước ngọt khá tiến-bộ để hạ giá xuống, và nếu việc thiết-lập một nhà máy không quá đắt, thì Việt-Nam cũng có thể sẽ áp-dụng phương-pháp này để giải-quyết vấn-đề nước uống.

II. VOCABULARY

tham-dự	to participate or take part in	trình-diễn	to present or perform
hội chợ	a fair or exposition	ca nhạc	music and singing
ngôi	(classifier for graves, temples, etc.)	hoan-nghê:h	to welcome
đền	a temple	nhiệt-liệt	to be warm or enthusiastic
cổ	to be old or ancient	mỏ	a mine or quarry
kiến-trúc	architecture	sắt	iron
lối	path, way, manner, style	khoáng-chất	minerals
xây	to build, construct, or erect	hầm mỏ	mines and quarries
sở-tự	local (people or author- ities)	chuyên-viên	an expert or specialist
triển-lãm	exhibit or exhibition, to hold an exhibition	quặng	an ore deposit
gian hàng	stall, stand, exhibit booth	ước chừng	approximately
lãnh-sự	consul (diplomatic rank)	tấn	a metric ton
căn	an apartment or com- partment (classifier for booths etc.)	tỉnh-ly	a county seat, province capital, or chief town
thông-tin	to inform, informa- tion	lộ-thiên	to be in the open air
mỹ-thuật	fine arts, art, aesthetics	chiếm	to occupy, displace, or take up
kỹ-nghệ	industry, industrial	diện-tích	area, extent, coverage, or surface area
điện-ảnh	movies, cinematography	mẫu	a Vietnamese acre (3600 square meters)
thanh-niên	youth, or young men	xuyên	to go through or across, trans-.... inter-...
thanh-nữ	young girls		
Việt kiều	Vietnamese nationals resident overseas	công-tác	work, task, job

LESSON 16

tham dò	to inquire, investigate or examine	xâm nhập	to enter, infiltrate, or seep into
tiến hành	to carry out, accom- plish (duties or activ- ities)	hồ	a lake
ước lượng	to estimate	sông	a river
trị giá	to be worth...	rạch	a stream or canal
tỷ/tỉ	billion	giếng	a well
hoàn-trần	completely/perfectly	trữ	to save, keep aside, or hoard
phụ-trách	take charge of, or assume the respon- sibility for	lượng	capacity or quantity
khóa	a session, term, class, or ceremony	dự-trữ	to stock up, or accumulate
hội-thảo	drafting session, or consultative conference	ngọt	to be sweet, tasting
lọc	to filter, purify, or strain	thước khối	a cubic meter
mặn	to be salty, hearty of taste or feeling	cố gắng	to strive or make an effort
giao-thông	rail or road comm- erce, transportation/ communication	đào	to dig
công-chánh	public works	sâu	to be deep, sunken, or profound
cấp-thủy	water supply system	kinh	a large canal/waterway
thủy-cục	water bureau	đẫn	to lead, guide, or conduct, to cite or quote
duyên-hải	the sea coast	chú-ý	to pay attention to
dân-cư	population or inhab- itants	ngiên-cứu	to do research, study, or investigate
		cụ-thể	to be tangible or concrete
		kỹ-thuật	technique, technical, technology
		tiến-bộ	to make progress
		áp-dụng	to apply or use

III. GRAMMAR NOTES

8. This use of the element 'lại' constitutes a resultative extension of the action of 'hợp nhau', and serves to emphasize the cyclical or repetitive nature of the event. In many such cases, this element is not translated into English.

12. The phrase which begins with 'các tỉnh...' functions as a relative clause, in which both 'ở miền Nam Hạ Lào' and 'tham dự' modify 'tỉnh' in the same way. Two similar phrases could be:

- a. các tỉnh ở miền Nam Hạ Lào (provinces in Southern Laos)
- b. các tỉnh tham dự (provinces which took part)

The combination of the two modifications obviously functions in sequential modification of the topic.

41. The phrase 'cứ đến mùa nắng' functions here as a time expression on the order of, 'as we reach the sunny season'. Since both of the previous phrases are somewhat parenthetical, everything which precedes 'thì' is part of either a temporal or locational phrase. The clause 'nước mặn xâm nhập' is the main clause of the sentence, and is also independent of the clause (dependent) which follows it.

51. The function of the element 'ra', in the phrase 'lọc nước mặn ra nước ngọt', is resultative and serves to complete the meaning of 'lọc', as well as marking the result. The discontinuous nature of the frame 'lọc... ra...' indicates the process of 'purifying X to become Y', and the whole phrase modifies the substantive 'kỹ-thuật'.

LESSON 16

IV. QUESTIONS

1. Việt-Nam Cộng-Hòa vừa tham dự gì ở bên Ai-Lao?
2. Wat-Phou có gì đặc-biệt?
3. Kiến-trúc của Wat-Phou được xây theo lối gì?
4. Đền Wat-Phou được xây hồi nào?
5. Đền Wat-Phou thuộc tỉnh nào?
6. Mỗi nam chính quyền sở tại và dân chúng địa phương họp nhau làm gì?
7. Nam nay hội chợ được tổ-chức vào ngày nào?
8. Tham dự hội chợ gồm có gian hàng nào?
9. Ngoài những gian hàng ngoại quốc, còn có gian hàng ở miền nào tham-dự?
10. Gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà do ai tổ-chức?
11. Gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà gồm có mấy gian?
12. Mỗi tối gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà diễn gì?
13. Đêm 13, 14 ở gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà có gì lạ?
14. Kết quả của buổi ca nhạc này như thế nào?
15. Đây là lần thứ mấy Việt-Nam Cộng-Hoà tham dự hội chợ?
16. Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ vừa cho hay các chuyên viên vừa tìm thấy gì?
17. Mỏ quặng sắt này ước chừng độ bao nhiêu?
18. Loại quặng này có chừng bao nhiêu 'oxyde de fer'?
19. Mỏ này là mỏ lộ thiên hay nằm sâu dưới đất?
20. Mỏ này chiếm một diện tích chừng bao nhiêu?
21. Mỏ quặng này ở quốc lộ số mấy? Về phía nào?

LESSON 16

22. Hiện nay người ta hy-vọng làm gì nữa?
23. Nha Khoáng-Chất và Hàm-Mỏ ước lượng quặng này giá độ bao nhiêu?
24. Công tác tham dò quặng này do ai phụ trách?
25. Bộ Giao-Thông và Công-Chánh vừa cử ông Nguyễn-Van-Ba đi đâu?
26. Ông Nguyễn-Van-Ba là ai?
27. Hội-Thảo Quốc-Tế về lọc nước mặn do ai tổ chức?
28. Hội-thảo này được tổ chức vào ngày nào? Ở nước nào?
29. Cứ đến mùa nắng thì việc gì xảy ra ở miền duyên hải nam-phần?
30. Dân chúng phải làm gì để có đủ nước uống?
31. Số nước mưa dự trữ có đủ cho dân chúng uống không?
32. Làm sao người ta đem nước ngọt vào miền này được?
33. Giá nước ngọt có thể lên tới bao nhiêu tiền một thước khối?
34. Chính phủ giải quyết vấn đề này bằng cách nào?
35. Chính-phủ đã giải quyết được vấn đề trên chưa?
36. Việc lọc nước mặn ra nước ngọt được ai nghiên cứu?
37. Bao giờ thì Việt-Nam có thể áp dụng phương pháp lọc nước mặn ra nước ngọt?

LESSON SEVENTEEN

I. TIN-TỨC XÃ-HỘI VÀ KINH-TẾ

NHIỀU THỢ BÀN CHUYÊN-MÔN ĐÃ ĐƯỢC BỘ LAO-ĐỘNG ĐÀO-TẠO

Sài-Gòn 14-2.- Ông tổng-trưởng Lao-Động Nguyễn-Van-Chương đã cho biết rằng trong 10 năm qua, Bộ đã đào-tạo được 14.511 thợ bàn chuyên-môn, trong số đó có 3.427 người thuộc ngành cơ-khí. 5

Sau khi tốt nghiệp, phần đông học-viên cơ-khí đã tìm được việc làm tại các công tư sở. Về các học-viên thủ-công-nghệ nhu cắt may thì ước chừng 50 phần trăm đã tìm được việc làm tại các tiệm, số còn lại, phần đông là phụ-nữ ở nhà may vá cho chồng, con, hay nhận việc của người trong xóm để kiếm 10 thêm lợi tức cho gia-đình.

Các lớp huấn-nghệ của Bộ Lao-Động, bắt đầu bằng vài lớp dạy cắt may thu-hẹp trong phạm-vi Đô-Thành vào khoảng 1965, nay tổng-số đã có 48 lớp. Ngoài ra, còn những lớp khác như máy xe ô-tô, mộc, làm giấy dệp. Những lớp này 15 hoạt-động không những ở trung-tâm Sài-Gòn và vùng phụ-cận mà còn lan rộng đến các tỉnh như Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Tín, Bình-Định, Khánh-Hòa, Ninh-Thuận, Darlac, Định-Tường, Phong-Dinh, Vĩnh-Long.

Trong phạm-vi chính-sách lao-động, chính-phủ rất quan 20 tâm đến vấn-đề hướng nghiệp và dạy nghề. Một số trường huấn-nghệ được thiết-lập hồi 1965 với nhiệm-vụ hướng-nghiep cho thanh-niên nam nữ can-cú vào kết quả khảo-sát trắc-nghiệm,

LESSON 17

cùng tổ-chức và điều-hành các lớp dạy nghề cấp-tốc ngô-hầu giúp cho họ dễ-dàng tìm kế sinh-nhai. 25

NHIỀU QUÁN CƠM XÃ-HỘI ĐÃ ĐƯỢC KHAI-TRƯƠNG

Sài-Gòn 13-2.- Bản thông-cáo của Bộ Xã-Hội cho biết rằng với sự giúp đỡ của Bộ Xã-Hội, Hội Cựu-Quân-Nhân yêu nước sẽ mở một quán cơm xã-hội tại số 303 đường Trần-Quý-Cáp, Sài-Gòn. Quán cơm này sẽ giúp đồng bào nghèo trong khu có nơi an uống 30
rẻ tiền và sạch sẽ.

Nhiều quán cơm xã-hội đã được canh-tân và khai-trương. Quán cơm xã-hội đường Cộng-Hòa và quán cơm Khánh-Hội đã được khai trương cuối nam ngoái. Riêng quán cơm tại khu Đại-Thế-Giới cũng đã được sửa chữa gấp rút và sẽ được khai-trương 35
trong một ngày gần đây.

Trong nam vừa qua, 17 quán cơm xã-hội tại Đô-Thành đã cung cấp 1.311.234 xuất an mạn và chay cho các giới đồng bào nghèo. Cũng trong nam qua, các phòng thuốc xã-hội đã phát thuốc và trông nom sức khỏe cho 53.113 bệnh nhân tại các khu 40
xóm lao động. Các lớp học xã-hội đã khai tạm cho 700 trẻ em từ 5 tuổi trở xuống tại các trú khu bình-dân đông-đúc. Các nhà giữ trẻ ở Xóm Củi, Khánh-Hội và Trần-Bình-Trọng mỗi ngày giữ trung-bình 150 trẻ em giúp cho đồng bào lao-động an-tâm đi làm an. Dạ lữ-viện tại đường Cộng-Hòa cũng giúp cho 7.251 45
lữ-khách có nơi trú ngụ về đêm.

II. VOCABULARY

bán	to be half-, hemi-, semi-	tổng-số	total number
đào tạo	to train or form	không những...	not only... (followed by 'mà còn: but also')
cơ-khí	machinery, mechanical	trung-tâm	the center, central, an activity center
tốt-nghiệp	to graduate	lan rộng	to spread out or expand
học-viên	a student (usually an adult)	chính-sách	official policy, governmental policy
công	public	quan-tâm	to be concerned with (đến, tới)
tu	private	hướng-nghiệp	to be directed toward a profession or occupation
sở	an office, bureau, service, or department	đạy nghề	to teach a trade or an occupation
thủ-công nghệ	handicraft industries	nhiệm-vụ	responsibility or mission
cát may	to tailor clothes, a tailor shop	nam nữ	male and female
phụ-nữ	a woman, women (in the generic sense)	khảo sát	to examine or investigate
may	to sew, make clothes	trắc-nghiệm	to test or experiment
vá	to mend, to do needlework	điều hành	to manage, func- tion, or administer
may vá	to sew and mend	cấp-tốc	to be swift or urgent, to proceed quickly
nhận	to receive, accept, take in	ngõ-hầu	in order to...
xóm	hamlet, village, neigh- borhood	kế	a means of..., a scheme for...
lợi tức	income or revenue		
huấn-nghệ	technical/vocational education or training		
thu hẹp	to restrict, limit, or make narrow in scope		
phạm-vi	region, sphere, domain or competence		
đô-thành	a city or prefecture		

LESSON 17

sinh-nhai	to make a living	gấp rút	to be urgent
quán	an inn, restaurant, hall, or house	phòng thuốc	a pharmacy
quán-cơm xã-hội	a social welfare commissary	phát	to distribute, to emit, to break out or start out
khai-trương	to open up (a business or meeting)	trông nom	to look after, oversee, or supervise
quân-nhân	a serviceman	sức khỏe	health, healthy
cựu quân-nhân	a veteran	bệnh-nhân	a patient or conva- lescent
yêu nước	to be patriotic	khai tạm	to open temporarily
sạch sẽ	to be clean and neat	trở xuống	to proceed downward
xuất	to advance (money), to go out, issue forth (classifier for a meal or ration)	trú khu	living quarters
ăn mặn	to eat a meat diet, a normal balanced meal	bình-dân	the common people
chay	to fast, diet, or restrict food intake	đông đúc	to be dense (of popu- lation)
ăn chay	a vegetarian meal	nhà giữ trẻ	a child care center
canh tân	to modernize	an tâm	to be contented or re- assured, to have peace of mind
sửa	to repair, fix, mend, arrange, correct, or change	dạ lữ-viện	an inn, inexpensive hotel, or overnight quarters
		lữ-khách	a traveler
		trú-ngụ	to dwell or reside, to remain overnight

III. GRAMMAR NOTES

13. The phrase 'thu hẹp... Đô-Thành' modifies 'lớp huấn nghệ', and is independent of the preceding and following phrases. Whereas the following time phrase 'vào khoảng 1965' is the adverbial complement to the predicate 'bắt đầu'. By now it should be obvious that this kind of discontinuous modification is typical of the layered levels of modification used in the written style.

14. The element 'còn' functions as the main predicate in this sentence, rather than in its usual function of pre-verbal auxiliary. In this usage, it may be translated as 'there are also the...' as an extension of its basic meaning of 'to remain' or 'to have left over'.

23. This use of 'vào' constitutes a resultative relationship with the main predicate 'can cứ: to base (upon)', in which it serves to mark the attribution relation 'on, upon, or with respect to'. This usage is quite common, in connection with a small class of predicates which require such complementation. The elements 'về, đến, tới' also serve this same function for other members of the same verb class.

38. The element 'xuất' serves as the classifier for the nominal elements 'an mạn và (an) chay'. This element usually functions as a predicative element, and can even function as the main predicate of a sentence. Its use as a classifier is derived from its basic predicative meaning 'to hand over, to go out', and is rather rare.

LESSON 17

IV. QUESTIONS

1. Ông Bộ-trưởng Lao-Động đã tuyên bố gì về sự huấn nghệ?
2. Trong mười năm qua Bộ Lao-Động đã đào tạo được bao nhiêu thợ bán chuyên môn?
3. Trong số ấy gồm có bao nhiêu người thuộc ngành cơ-khí?
4. Sau khi tốt nghiệp, phần đông những thợ này đã tìm được việc ở đâu?
5. Nam mười phần trăm các thợ gì đã tìm được việc làm?
6. Những học-viên về cát may không tìm được việc tại các tiệm thì làm gì?
7. Các lớp huấn nghệ của bộ Lao-Động gồm những lớp gì?
8. Vào khoảng năm 1965 các lớp huấn-nghệ được thu hẹp trong phạm vi nào?
9. Những lớp huấn nghệ nào được lan rộng tới các tỉnh?
10. Tại sao chính phủ quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp?
11. Các trường huấn-nghệ can cứ vào đâu để hướng nghiệp các thanh niên nam nữ?
12. Bản thông-cáo của bộ Xã-Hội mới bao tin về việc gì?
13. Hội Cựu Quân-Nhân đã mở một quán cơm ở đâu?
14. Mục đích của quán cơm này là gì?
15. Nam ngoài những quán cơm nào đã được khai trương?
16. Quán cơm ở khu Đại Thế-Giới đang được làm gì?
17. Bao giờ thì quán cơm ở khu Đại Thế-Giới được khai trương?
18. Trong năm vừa qua có bao nhiêu quán cơm xã-hội ở Đô-Thành?
19. Những quán cơm này đã cung cấp bao nhiêu suất ăn.

LESSON 17

20. Ngoài việc mở các quán cơm xã-hội, bộ Xã-Hội còn làm gì?
21. Bộ Xã-Hội đã phát thuốc cho bao nhiêu bệnh nhân?
22. Các lớp học Xã-Hội đã được khai tạm ở đâu?
23. Mục đích của các nhà giữ trẻ là gì?
24. Các nhà giữ trẻ đã được mở ở đâu?
25. Bộ Xã-Hội có một dạ lữ viện ở đâu?

LESSON EIGHTEEN

I. TIN-TỨC XÃ-HỘI

NHIỀU CÔ-NHI-VIỆN LỚN NHẬN NUÔI DƯỠNG CÁC CÔ-NHI NẠN-NHÂN BẢO LỤT MIỀN TRUNG

Sài-Gòn 10-2.- Phát-ngôn viên của bộ Xã-Hội đã cho biết rằng trong công cuộc cứu-trợ nạn lụt miền Trung, ngoài sự giúp đỡ những người lớn tuổi, các cơ-quan chính-quyền còn hết sức quan-tâm đến số-phận của các trẻ em nạn-nhân. 5

Để các trẻ em này được nuôi-dưỡng tử-tế và học hành chu-đáo hầu trở nên những người công dân tốt, sở Bảo-trợ Phụ-Nữ và Nhi-Đồng thuộc Bộ Xã-Hội đã hoạch-định một chương-trình tiếp đón các trẻ em nạn-nhân đó. 10

Sở đã liên-lạc với các cô-nhi-viện tại Sài-Gòn và Nha đại-diện Bộ Xã-Hội vùng I cũng đã liên-lạc với các Tòa Tỉnh-trưởng các tỉnh bị bão lụt để lập danh sách những trẻ em mất mẹ hoặc mồ côi, cần gửi vào các viện giữ trẻ để phân phối theo khả-năng của mỗi cơ-quan. 15

Việc liên-lạc này đã đem lại kết quả khả-quan. Nhiều cô-nhi-viện lớn đã hưởng ứng, như cô-nhi-viện Dục-Anh tình-nguyện đón nhận thêm 100 em cô-nhi. Cô-nhi-viện Santa Maria cũng tình-nguyện đón nhận 100 em (ngoài số 47 cô-nhi do tỉnh Quảng-Nam gửi về). 20

Những con số trên đây tuy chưa được là bao, nhưng mới là đợt đầu và có thể còn tiếp-nhận thêm nhiều trẻ em nạn-nhân khác. Ngoài ra, đoàn Phụ-Nữ Thiện-Chí cũng đang chuẩn-

LESSON 18

bị sửa sang trụ-sở tại số 11 đường Nguyễn-Du, Sài-Gòn, để
tổ-chức một trung-tâm tiếp nhân cô-nhi nạn-nhân bão lụt miền 25
Trung. Ngay tại các tỉnh miền Trung bị nạn bão lụt vừa qua,
Bộ Xã-Hội đã cho sửa chữa lại tất cả những cơ sở xã-hội bị
hư hại, nhất là cô-nhi-viện, viên dục-anh, nhà giữ trẻ để các
cơ sở này có thể tái hoạt động ngay.

ĐẠI-HỘI KINH-TẾ TOÀN-QUỐC 30

Sài-Gòn 20-6.- "Chúng ta không nên bàn đến những vấn đề tổng-quát
kém thiết thực mà nên đặt trọng tâm vào việc bảo vệ các cơ-sở
sản-xuất và phương-pháp tiếp-tế, xét về tình trạng bão lụt và
những trận giao tranh lớn vừa qua."

Ông Lê-Duy-Lân, Tổng-trưởng Kinh-Tế, đã tuyên bố như trên 35
trong khi chủ-tọa lễ khai mạc Đại-Hội Kinh-Tế Toàn-Quốc nam
1970 khởi nhóm sáng nay tại Bộ Kinh-Tế và kéo dài trong hai
hôm.

Ông Tổng-Trưởng Kinh-Tế nói thêm rằng hoạt động khuếch
trương kinh-tế rất khó khăn trong giai-đoạn này, nhưng dầu sao 40
vấn phải được tiếp tục đề duy trì sự sinh hoạt xã-hội, vì nếu
sự sản-xuất và tiếp tế bị ngán trở thì sẽ ảnh hưởng nhiều đến
tình hình chính-trị.

Ông Tổng-trưởng khuyên-caó nên tích cực hoạt-động với tư-
cách cán bộ có nhiệm vụ thi hành các chương trình của chính- 45
phủ hơn là với tư-cách công chức. Cuối cùng ông Tổng-Trưởng
lưu-ý rằng công cuộc khuếch trương kinh-tế là công cuộc chung,
nên cần được thực hiện với tinh thần hợp tác, như thế mới chóng
được kết quả.

Tham-du Đại-Hội này có đủ các Trưởng-Ty Kinh-tế các tỉnh, 50
các thị xã, đại diện các vùng Chiến-Thuật và Thanh-Tra Kinh-
Tế các miền.

II. VOCABULARY

cô-nhì	an orphan	liên-lạc	to have contact, connection, or liaison, a contact
cô-nhì viện	an orphanage	Tòa Tỉnh-Trưởng	Office of the Province Chief
nạn	an accident, diffi- culty, disaster, or misfortune	danh sách	a list of names, a roster or roll
nạn-nhân	a victim of a disaster or tragedy	mồ côi	to be orphaned
nuôi-dưỡng	to nurture or care for	phân phối	to distribute
phát-ngôn	to speak (officially), to deliver a speech	khả-năng	to be able or capable
phát-ngôn-viên	a spokesman	khả-quan	to be good, favorable, or satisfactory
lụt	to flood or inundate, a flood	hưởng ứng	to respond to or answer
công-cuộc	task, work, job	tình-nguyện	to volunteer or be willing, voluntary
cứu-trợ	to help, aid, or assist	đợt	a wave, stage or segment
hết-sức	to be exhausted or to exhaust one's efforts	đợt đầu	the first wave or stage
số-phận	fate or destiny	tiếp-nhận	to accept, receive, or admit
học-hành	to study and practice	thiên-chí	good will
chu-đáo	to be thorough or well executed	chuẩn-bị	to prepare or get ready
hầu	in order to	sửa sang	to alter or improve, alterations
trở nên	to become or turn out to be	trụ-sở	headquarters or main office
công dân	a citizen	hư-hại	to be spoiled or damaged
bảo-trợ	to protect or safeguard		
nhi-đồng	a young child, children		
hoạch-định	to draw up, draft, or delineate		
tiếp đón	to receive, greet, or meet		

LESSON 18

dục-anh	to bring up children	giai-đoạn	a period, phase, or stage
hội/viện dục-anh	a children's home	dẫu sao (dù sao)	at any rate
cơ-sở	an installation, facility, or establishment, a basis or foundation	tiếp-tục	to continue or proceed
cơ-sở xã-hội	social institutions or social services	sinh-hoạt	to live or be alive, life or existence (the activities of existence)
tái...	re- (as a prefix)	sinh-hoạt xã-hội	social processes
tái hoạt-động	to be reactivated	ngăn-trở	to hinder, hamper, or prevent
bàn	to discuss or deliberate	ảnh-hưởng	to influence
tổng-quát	a general view	khuyên-cáo	to advise or inform
thiết-thực	to be realistic or practical	tích-cực	to be active or positive
kém thiết-thực	unrealistic or impractical	tu-cách	aptitude, qualifica- tions
trọng-tâm	the center of gravity, a focal point	với tu-cách	to be within one's capabilities
phương-tiện	means, way, or method	cán-bộ	cadres
tiếp-tế	to supply (food or munitions), logistical support	thi-hành	to carry out
xét	to consider, pass judge- ment on, to examine	công-chức	civil servant, government employee
giao-tranh	to fight, go into battle, a battle or an engagement	lưu-ý	to pay attention to, to call attention to
chủ-tọa	to preside over	thực-hiện	to realize, fulfill, or achieve
khai nhóm	to begin, to hold sessions	trình-thần	morale or spirit
khuếch-trương	to enlarge, develop, or expand	trưởng-ty	section chief, or bureau chief

LESSON 18

11. Đoàn phụ-nữ Thiện-Chí đang sửa sang gì?
12. Đoàn này sửa sang trụ sở để làm gì?
13. Trong việc sửa chữa lại tất cả những cơ sở xã-hội bị hư-hại, bộ Xã-Hội đặc biệt chú-ý đến những cơ sở gì?
14. Tại sao Bộ Xã-Hội lo sửa chữa cô-nhi-viện và viện dục-anh?
15. Ngoài số 47 cô-nhi do tỉnh Quảng-Nam gửi về, cô nhi-viện Santa Maria cũng còn làm gì?
16. Tòa Tỉnh-trưởng ở các tỉnh đã làm gì trong việc phân-phối trẻ em mồ côi?
17. Trong phiên họp Đại-Hội kinh-Tế Toàn-Quốc Ông Tổng-Trưởng khuyên không nên bàn đến những vấn đề gì?
18. Đại-Hội đó nhóm họp ở đâu và kéo dài bao lâu?
19. Hoạt động khuyến trương kinh tế trong giai đoạn này như thế nào?
20. Mục đích của hoạt-động khuyến-trương kinh-tế là gì?
21. Nếu việc sản xuất và tiếp tế bị ngăn trở thì sự gì sẽ xảy ra?
22. Ông Tổng trưởng khuyên các cán bộ nên có nhiệm vụ gì?
23. Các công-chức nên hoạt động với tư cách như thế nào?
24. Tổng-trưởng lưu-ý rằng công cuộc khuyến trương kinh tế là công cuộc gì?
25. Nếu công cuộc khuyến trương kinh tế được thực hiện với tinh thần hợp tác thì sao?
26. Tham dự đại-hội này gồm có các trưởng ty và đại diện ở đâu?

LESSON NINETEEN

I. VIỆN-TRỢ KINH-TẾ

HOA-KỲ CUNG-CẤP CHO VIỆT-NAM 25.000 TẤN GẠO VÀ 7.000 TẤN SỮA ĐẶC

Sài-Gòn 26-5.- Thủ-tướng Việt-Nam Cộng-Hòa đã ký một thỏa-hiệp nhập-cảng thực-phẩm Hoa-Kỳ trị giá vào khoảng 6.800.000 Mỹ kim trong một buổi lễ đơn giản tại Phủ Thủ-tướng vào hồi 10 giờ sáng nay. 5

Thỏa-hiệp này trừ liệu việc nhập cảng 25.000 tấn gạo trị giá 3.100.000 Mỹ-kim, và 7.000 tấn sữa đặc có đường trị giá 3.600.000 Mỹ kim. Những chuyến tàu đầu tiên chở những thực-phẩm này sẽ đến Việt-Nam trong vòng 6 tuần lễ. 10

Gạo và sữa sẽ được Hoa-Kỳ cung-cấp thế theo điều-khoản I của Đạo-luật số 480 về thực-phẩm Phụng-sự Hòa-Bình. Số gạo này sẽ dùng để trợ giúp những nông dân Việt-Nam đã bị Việt-Cộng ép buộc phải rời bỏ xóm làng và ruộng nương, và đồng thời để giải-quyết tình-trạng khan gạo ở một vài tỉnh Trung-phần bị nạn lụt vào cuối năm ngoái. Số sữa đặc sẽ được cung cấp trên toàn thị-trường Việt-Nam. 15

Số thực-phẩm được nhập cảng nói trên sẽ được bán với trị giá tổng cộng vào khoảng 495 triệu bạc Việt-Nam. Chính-phủ Việt-Nam sẽ sử dụng số bạc này trong nỗ-lực chiến-tranh chống Cộng cũng như trong việc phát-triển kinh-tế. 20

Hiện-diện tại buổi lễ ký-kết thỏa-ước nói trên có bác-sĩ Trần-Van-Đỗ, Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Ngoại-giao, ông Bùi-Diễm, Bộ-trưởng Phủ Thủ-tướng, và ông William Porter, Phó Đại-Sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam. 25

LESSON 19

195 TRIỆU MỸ-KIM ĐƯỢC DỰ-TRỪ VIỆC MỞ MANG LƯU-VỰC SÔNG CỬU-
LONG TẠI VIỆT-NAM

Sài-Gòn 14-5.- Nhằm xúc tiến việc khuếch-trương lưu-vực sông Cửu-Long, Ủy-ban Mekong của Liên-Hiệp-Quốc đã triệu tập tại Vọng-Các ngày 10 và 11-5-1965 một phiên họp bất thường dưới sự chủ tọa của ông Trịnh-Ngọc-Sanh, Trưởng Phái-đoàn Việt-Nam, Chủ-tịch Ủy-ban nam nay, và với sự hiện-diện của ông Narasimhan, Phó Tổng Thu-ký Liên-Hiệp-Quốc và đại-diện của bốn nước Cam-Bốt, Ai-Lao, Thái-Lan, và Việt-Nam cùng nhiều cơ-quan quốc-tế quan-trọng.

Một chương-trình ngũ niên đại qui-mô với ngân khoản dự-trừ là 650 triệu Mỹ kim đã được chấp-thuận để chuyển giao cho ông Narashimhan trình với Liên-Hiệp-Quốc tìm phương tiện kỹ-thuật và tài chánh quốc-tế để giúp đỡ việc mở mang lưu-vực sông Cửu-Long cùng một khuynh-hướng với lời tuyên-bố viện-trợ kinh-tế một tỷ Mỹ kim của Tổng-Thống Johnson tại Baltimore.

Riêng về phần Việt-Nam, ngân khoản dự-trừ cho chương-trình ngũ niên lên đến 195 triệu Mỹ-kim, tức là vào khoảng 34 phần trăm tổng-số ngân-khoản được chấp thuận cho bốn nước duyên hạ sông Cửu-Long.

Chương-trình khuếch-trương vận tải với ngân khoản 99 triệu Mỹ kim nhằm mục-đích cung cấp những hạ tầng cơ-sở kiểu-lộ (56,8 triệu Mỹ kim) và thủy vận (42,15 triệu Mỹ kim) gồm có các công tác đại qui-mô như công tác Mỹ-thuận (13,8 triệu Mỹ kim), cầu Cần-Thơ (10 triệu Mỹ kim) và nhiều giang cảng (26 triệu Mỹ kim) tại Nam-phần, và công-tác thương cảng Đà-Nẵng (16 triệu Mỹ kim) và xa lộ Đà-Nẵng--Huế (20 triệu Mỹ kim) tại Trung-Phần.

PHÁI-ĐOÀN THƯƠNG-MẠI XUẤT-NGOẠI ĐỂ NGHIÊN-CỨU THỊ-TRƯỜNG 55

Một phái đoàn thương mại Việt-Nam đã lên đường sáng thứ tu vừa qua để nghiên-cứu thị-trường nhằm mục-đích khuếch-trương xuất-cảng sản-phẩm trong xứ. Phần chánh của việc xuất ngoại này là cuộc viếng tham Đại-Hàn trong 15 hôm theo lời mời của nước này. Sau đó, phái đoàn sẽ tuần tự đi tham Nhật-Bản, Đài-Loan và Hương-Cảng. 60

Phái đoàn này do ông Đệ-Nhất Phó Chủ-Tịch phòng Thương-Mại Sài-Gòn hướng-dẫn và gồm có tám người, trong đó có bà Đệ-Nhị Phó Chủ-Tịch, ông Thủ-Quý và nam thương gia khác. Nên biết Việt-Nam đã nhập cảng của Đại-Hàn vào khoảng 470 triệu bạc hàng-hóa nam 1969 và lối 246 triệu bạc nam 1970. Nam 1969 Việt-Nam xuất-cảng sang Đại-Hàn vào khoảng 42 triệu bạc hàng-hóa, nhưng đến nam 1970 thì thống-kê không có ghi một trị-giá xuất cảng nào cả. Hiệp-ước hợp-tác kinh-tế Việt-Hàn vừa được ký-kết nhân cuộc viếng tham chính-thức của phái đoàn chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tại Đại-Hàn có thể chóng giúp cải-tiến tình-trạng giao-thương Hán-Việt. Về Nhật-Bản thì trong nam 1970, nước này đã chiếm hạng ba trong các nước cung-cấp cho Việt-Nam với trị giá 1, 181 triệu bạc và đồng thời đã mua của Việt-Nam vào khoảng 150 triệu bạc hàng hoá. Riêng Trung-Hoa Quốc-Gia thì đứng hạng nhì về nam 1970 trong số các nước cung cấp hàng hóa cho Việt-Nam với trị giá 1, 1339 triệu bạc, nhưng lại chỉ nhập cảng lối 25 triệu hàng hóa của Việt-Nam. Sau hết, Hương-Cảng là một tiêu-trường cảng ngày càng quan-trọng cho Việt-Nam, vì được xếp hạng nam trong số các nước khách hàng về nam 1970 với một trị-giá 83 triệu bạc trong khi chỉ cung cấp cho Việt-Nam chừng 58 triệu bạc hàng hoá. 70 75 80

LESSON 19

II. VOCABULARY

sữa đặc	condensed milk	tình-trạng	conditions, situa- tion, or state of a affairs
ký	to sign	khan	to be scarce or rare
thỏa-hiệp	to agree, an agreement	thị-trường	the economic market in general
nhập-cảng	to import	tổng-cộng	a grand total
thực-phẩm	foodstuffs, provisions	xử-dụng	to make use of
buổi lễ	a ceremony (classi- fier + noun)	nỗ-lực	to strive, endeavor, efforts or endeavors
đơn giản	to be simple or uncomplicated	chiến-tranh	war, warfare, hostilities
Phủ Thủ-Tướng	the Prime Ministry, Office of the Prime Minister	phát-triển	to develop or expand
trù-liệu	to plan	ký-kết	to sign or conclude (an agreement or treaty)
có đường	'with sugar added'	thỏa-ước	an agreement
chở	to transport	mở mang	to develop
thê theo	to take into consid- eration, to be in accord with	lưu-vực	a valley
điều khoản	terms, conditions, provisions or stipula- tions	xúc-tiến	to promote or push forward
đạo-luật	a legislative bill	hạ lưu	downstream area
phụng-sự	to serve or contrib- ute services	triệu-tập	to call (a meeting) or convene (an assem- bly)
thực-phẩm	Phụng-Sự Hòa-Bình the Food for Peace Program	bất thường	to be unusual or extraordinary
ép buộc	to force or compel	Phó Tổng Thư-ký	Deputy Secretary-General
ruộng nương	fields	ngũ niên	five year (plan)
đồng thời	at the same time		

LESSON 19

ngân-khoản	amount, budget, allotment, or allocation	xuất-ngoại	to go abroad
chấp-thuận	to approve	thương-mại	commerce, commercial
chuyên-giao	to hand over (authority or public office)	xuất-cảng	to export
trình	to report	sản-phẩm	products
tài-chánh	finances	tuần-tự	to be in order or sequence
khuynh-hướng	a tendency, to be in accord with..., a parallel	hướng dẫn	to guide, lead
tổng-thống	president	thủ-quỹ	cashier or treasurer
duyên	to be located along, the shore or bank	thương-gia	a businessman or trader
duyên hạ	to be located in the lower part of...	lỗi	approximately, about
vận tải	to transport, trans- portation	thống-kê	statistics
hạ tầng	lower echelon or stratum	ghi	to record or register
kiểu-lộ	bridges and roads	nhân	on the occasion of
thủy-vận	water transporta- tion	cải-tiến	to improve (by expansion or advan- cement)
giang cảng	a river port	giao-thương	trade, commerce, or communication
thương cảng	a commercial port	hạng	category, class, or rank
xa-lộ	a major road or highway	tiêu-trường	an outlet
		xếp	to set, arrange, or put in order
		khách hàng	a customer

LESSON 19

III. GRAMMAR NOTES

4. Since the Vietnamese system for marking decimal places differs from the American system in the writing of full numerical expressions, but not in the writing of fractional or percentage expressions, it would be well to observe the chief area of difference in the expressions below:

- a. 2.350,45 đồng is read as 2,350.44 Piasters
- b. 2.350.450,45 as 2,350,450.45
- c. 2,35 triệu đồng: 2.35 million Piasters

69. The lengthy modification of the grammatical subject of this sentence 'hiệp-ước' is typical of technical documents and literary exposition in Vietnamese. Everything which precedes 'có thể' and follows 'hiệp ước' is dependent on 'hiệp ước' and thus part of the grammatical subject of the sentence.

IV. QUESTIONS

1. Thủ-tướng Việt-Nam Cộng-Hòa đã ký một thỏa-ước nhập cảng gì?
2. Thỏa-hiệp mới ký kết với Hoa-Kỳ trị giá bao nhiêu?
3. Hoa-Kỳ sẽ cung cấp cho Việt-Nam bao nhiêu tấn gạo?
4. Thỏa-hiệp này trừ liệu nhập cảng bao nhiêu tấn gạo?
5. Buôi lễ ký kết thỏa hiệp này xảy ra ở đâu?
6. Số sữa đặc sẽ được cung cấp trị giá bao nhiêu Mỹ-kim?
7. Làm thế nào mà người ta chở số thực phẩm này đến Sài-Gòn?
8. Chính-phủ Việt-Nam định dùng số gạo này để trợ giúp ai?
9. Số gạo này sẽ giúp giải quyết tình trạng khan gạo ở đâu?
10. Gạo và sữa sẽ được Hoa-Kỳ cung cấp thế theo đạo luật gì?

11. Thực phẩm do Hoa-Kỳ cung cấp sẽ được phát cho dân chúng thế nào?
12. Tại sao đồng bào Trung-Phân bị khan gạo?
13. Số thực phẩm nhập cảng trên sẽ được bán trên thị trường với trị giá bao nhiêu triệu bạc Việt-Nam?
14. Chính-phủ Việt-Nam sẽ dùng số tiền này trong việc gì?
15. Hiện-diện tại buổi lễ ký kết thỏa-hiệp gồm có ai?
16. Nhằm xúc tiến việc khuếch trương khu vực sông Cửu-Long có ủy ban gì?
17. Ủy ban ấy mới triệu tập tại Vọng-Các để làm gì?
18. Phiên-họp bất thường của ủy ban triệu tập ngày nào?
19. Phiên họp này được đặt dưới quyền chủ-tọa của ai?
20. Trong phiên họp này có đại diện của bốn nước nào?
21. Chương-trình mở mang lưu-vực sông Cửu-Long sẽ kéo dài chừng bao nhiêu lâu?
22. Ngân khoản dự trù cho chương trình này là bao nhiêu?
23. Chương trình đại qui-mô này được chuyên giao cho ông Narashimhan để làm gì?
24. Chương-trình mở mang này cùng một khuynh hướng với lời tuyên bố gì?
25. Về phần Việt-Nam ngân khoản dự-trù cho chương trình ngũ-niên trị giá bao nhiêu Mỹ-Kim?
26. Ngân khoản dự-trù cho Việt-Nam so với ngân khoản cho cả bốn nước duyên hạ sông Cửu-Long trị giá bao nhiêu phần trăm?
27. Chương-trình khuếch trương vận tải trong nước Việt-Nam có mục đích gì?

LESSON 19

28. Trong cuộc khuech trương thủy vận gồm có các công tác gì?
29. Trong chương-trình này có hai công tác gì được chấp-thuận cho miền Trung và Đà-Nẵng?
30. Một phái đoàn thương mại Việt-Nam đã xuất ngoại để nghiên-cứu về vấn đề gì?
31. Phái đoàn thương mại ấy đã lên đường hồi nào?
32. Phần chánh của việc xuất ngoại này là gì?
33. Sau khi viếng tham nước Đại-Hàn thì phái đoàn ghé lại đâu?
34. Phái đoàn này do ai hướng dẫn và gồm có mấy người?
35. Nhân cuộc viếng tham nước Đại-Hàn, phái đoàn sẽ ký-kết một hiệp-ước gì?
36. Đến nam 1970 thì Việt-Nam xuất cảng sản phẩm sang Đại-Hàn trị giá bao nhiêu?
37. Hiệp-ước hợp tác kinh-tế Việt-Hàn có mục đích cải tiến việc gì giữa hai nước?
38. Trong nam 1970 Nhật-Bản chiếm hạng nào trong các nước cung cấp hàng hóa cho Việt-Nam?
39. Trung-Hoa Quốc-Gia cung cấp hàng hóa cho Việt-Nam với giá-trị lớn, nhưng về việc nhập cảng sản-phẩm Việt-Nam thì sao?
40. Trong số các nước khách hàng của Việt-Nam, Hương-Cảng có đặc tính gì?

LESSON TWENTY

I. TIN-TỨC GIÁO DỤC VÀ Y-TẾ

CÔNG CUỘC XÂY-DỰNG DÂN CHỦ VÀ VIỆC CẢI THIỆN GIÁO-DỤC

Trong một buổi tiếp xúc với các cấp chỉ-huy Bộ Giáo-Dục, Bác-Sĩ Nguyễn-Trọng, Quốc-Vụ-Khanh kiêm Tổng-Trưởng Giáo-dục, nhận định rằng công cuộc xây dựng dân-chủ phải đi liền với việc cải thiện nền giáo-dục.

5

Trong dịp này ông Tổng-Trưởng có nêu lên quan niệm về giáo-dục của ông trong thời-kỳ cách-mạng. Theo ông thì mục-đích của giáo-dục là đào tạo những công dân một nước dân-chủ theo ba nguyên-tắc căn bản là tự-do, bình-đẳng, và tiến-hóa. Về tiến-hóa, điều quan trọng nhất là làm sao theo kịp với trào lưu tiến-hóa của nhân loại. Thiếu nguyên tắc thứ ba, mọi công tác sẽ không thể coi là cách mạng được. Ông Tổng-Trưởng cũng nhắc đến những nguyên tắc giáo-dục đã nêu ra trong hai kỳ Đại-Hội Giáo-Dục 1968 và 1972 là 'Nhân-Bản, Dân-Tộc và Khai-Phóng', và nhận xét rằng đó cũng là những đặc tính cần thiết cho nền giáo-dục. Hội-Đồng Giáo-Dục này sẽ có dịp nhận-định lại và nếu cần sẽ bổ túc thêm.

10

15

Sau đó, ông Tổng-Trưởng đề-cập đến tình-trạng bất ổn của nước nhà đã ảnh hưởng khá nhiều đến nền giáo-dục. Để lấy lại uy-thể đã giảm-sút từ lâu, ông Tổng-Trưởng đề ra nhiều công tác như soạn thảo một chương-trình giáo-dục thích hợp với hoàn cảnh của đất nước, cải thiện việc học hành và thi cử, văn hồi uy tín giáo chức, khuyến-khích phụ huynh học sinh tăng-cường việc giáo-dục con em tại gia-đình.

20

LESSON 20

Bác-sĩ nói rằng muốn thế, mọi người phải tin-tưởng vào công-cuộc giáo-dục, tin ở chính mình và tin ở các cộng-sự viên của mình. Ngược lại, các cấp lãnh-đạo và cán bộ phải có ý-thức trách-nhiệm và phải cương-quyết gạt bỏ mọi thành kiến, mọi mặc-cảm địa-phương, tôn-giáo và tuôi-tác. 25

Sau hết, ông Tổng-trưởng kết-luận cần phải cách-mạng lề lối làm việc để có thể thực-hiện một cách hiệu quả công cuộc phát-triển nền van-hóa và giáo-dục nước nhà. 30

ÔNG TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ HỌP BÁO TRÌNH BÀY CHƯƠNG-TRÌNH HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ Y-TẾ

Sáng nay, trong một cuộc họp báo, Bác-sĩ Nguyễn-Hữu-Nam Tổng-trưởng Y-Tế, đã trình bày về chương-trình hoạt-động của bộ Y-Tế trước sự hiện-diện của số đông đại-diện báo-chỉ thủ-đô và ngoại quốc, tại phòng khánh-tiết của bộ, số 59 đường Hồng-Thập-Tự, Sài-Gòn. 35

Ông Tổng-trưởng giải-thích rằng y-tế gồm có hai phần, y-tế điều trị và y-tế phòng ngừa. Về phòng ngừa có nhiều khó khan và cần nhấn mạnh vai trò của báo-chí, phải làm sao cho sự phòng ngừa đi sâu vào tâm lý của dân chúng, làm sao cho đồng bào hiểu rõ điểm quan-trọng của sự phòng ngừa. 40

Về y-tế đô-thị và thị-xã, nhờ tài nguyên dồi dào, việc xây cất nhà thương dễ dàng. Trái lại ngành y-tế nông-thôn gặp nhiều khó khan và vì sự giao thông nên nhân-viên y-tế phải đến với bệnh nhân. Ở các quận còn tương đối dễ dàng chú ở các làng xa xôi, giao thông bất tiện lại còn phải tốn nhiều thì giờ. 45

Hiện nay bộ Y-tế đặt trọng tâm ở nông-thôn, và chương-trình này đã bắt đầu hoạt động từ một nam nay. Sau này sẽ giao công tác thường xuyên lại cho những cơ-sở cố định, để tiếp tục chương trình dài hạn. 50

LESSON 20

Khó khăn thứ ba là sự giao-tế dân-sự trong ngành y-tế. 55
 Trong sự liên-lạc giữa đồng-bào và chính-quyền còn nhiều thủ-tục tập-quán. Bộ y-tế cố gắng cải thiện giao tế giữa bệnh-nhân và nhân viên y-tế. Về mặt này cũng nhờ báo-chí giải-thích cho đồng-bào thông-cảm.

Về cán-bộ xã-hội, ông Tổng-trưởng cũng nhờ báo-chí cô- 60
 động cho các giới phụ-nữ tham-gia các công tác xã-hội, phát quà và ủy-lạo, an-ủi bệnh-nhân. Bộ cố gắng cải-tổ bệnh-viện. Việc này những người đi trước đã làm và đạt nền móng, Bộ chỉ tiếp-tục làm cho các thủ-tục giản-dị hơn.

Tiếp theo, ông Tổng-trưởng nói đến việc đào tạo y-sĩ. 65
 Nhân-viên y-tế các cấp đều là chuyên-viên, từ bác-sĩ, y-tá, lao-công là một nhóm người của một guồng máy chuyên môn, nếu có một bánh xe không an khớp thì máy không chạy đều được. Nhân viên mọi ngành y-tế đều phải hành nghề vài ba năm mới thông thạo và sự kinh-nghiệm của nhân-viên giúp ích cho 70
 bệnh-nhân rất nhiều.

Ông Tổng-trưởng kết-luận: " Nếu có điều khuyết điểm, xin 75
 đồng-bào thông-cảm và tha-thứ, và xin báo-chí thẳng thắn nêu ra với ý-kiến xây-dựng, chúng tôi sẽ mỗi ngày sửa đổi thêm một ít, hầu cải-tiến và cải-thiện y-tế. Phải có sự tô-chức cố gắng và lâu dài mới tiến được."

LESSON 20

II. VOCABULARY

cải-thiện	to improve or rectify, (in correcting faults)	nhấc	to lift or raise to promote or bring up
cấp	level, rank, degree, or grade	nhân-bản	humanism
chỉ-huy	to command or control, the commander	dân-tộc	the people (as a nation), national polity
quốc-vụ	national affairs, affairs of the state	khai-phóng	to emancipate or set free
quốc-vụ khanh	Minister of State	nhận-xét	to observe or look at carefully
nhận-định	to formulate correctly	bổ-túc	to complement or supplement
nêu (lên)	to bring up (a topic/ subject), to display ostentatiously	đề-cập	to mention, put forth or touch upon
quan-niệm	concept, conception, or viewpoint	bất-ổn	to be unsettled or unstable
cách-mạng	to revolutionize, revolution, revolutionary	nước nhà	home country
nguyên-tắc	a principle or primary rule/cause	uy-thế	prestige
căn-bản	to be basic, or fundamental, the basis or fundamentals	giảm sút	to decline
bình-đẳng	to be equal, on the same level, equality	soạn thảo	to draft (a document)
theo kịp	to be in accord (with)	hoàn-cảnh	environment, milieu, or context
trào-lưu	a current of thought, an intellectual trend	đất nước	country, nation, or native land
tiến-hóa	to develop gradually, to evolve, evolution	thi-cử	examinations
nhân loại	mankind	vãn hồi	to return, restore order, save a situation
		uy-tín	prestige

LESSON 20

giáo-chức	teacher	phòng khánh-tiết	a ballroom
khuyến-khích	to encourage or stimulate	giải-thích	to explain or interpret
phụ-huynh	father and elder brother	phòng ngừa	to prevent
tang-cường	to strengthen or reinforce	vai trò	role or part
tin-tưởng	to trust or have confidence in	tâm-lý	psychology, psychological
chính mình	one's self	điểm	a dot, point, detail or feature
ý-thức	to conceive of, a con- cept, consciousness	đô-thị	city
cương-quyết	to be determined, with resolution	tài-nguyên	resources
gạt bỏ	to cross out or eliminate	dồi dào	to be plentiful or abundant
thành-kiến	a prejudice or preconceived notion	nông-thôn	village or countryside
mặc cảm	a complex	quận	a county or district
tuôi tác	to be very old	tương-đối	to be relative, mutually corres- ponding
kết-luận	to conclude, the conclusion	xa xôi	to be far away or distant
lễ lối	a manner, method, or procedure	giao	to entrust to or deliver to
hiệu-quả	an effect or result	thường xuyên	to be permanent or regular
họp báo	a news conference	cố-định	to be fixed, firm, stationary, permanent
y-tế	public health, medi- cine	dài hạn	long range (of programs or policies)
báo-chí	newspapers and maga- zines, the press	giao-tế	public relations
thủ-đô	capital city	dân-sự	civilian, civil
khánh-tiết	festival, enter- tainment	thủ-tục	a procedure
		tập quán	a habit, to be habitual

LESSON 20

thông cảm	to understand	hành nghề	to practice a profession
cô-động	to propagandize	kinh-nghiệm	to experience, to be experienced, experience
quà	snacks, presents or gifts	giúp ích	to be of service to, to be of use to
ủy-lạo	to offer solace	khuyết điểm	a shortcoming or defect
an-ủi	to comfort	tha thứ	to forgive or pardon
cải-tô	to reorganize or reshuffle	thẳng-thắn	to be upright or righteous
nền móng	a foundation	ý-kiến	opinion or viewpoint
y-sĩ	a physician	cải-tiến	to improve or advance (in making progress)
lao-công	labor or work		
nhóm	a group, to gather, unite, or meet		
guồng máy	machinery or apparatus		
bánh xe	a wheel		
an khớp	to be well fitted or adapted		

III. GRAMMAR NOTES

4. In the phrase 'đi liền (với)', the element 'liền' is used in the sense of 'to be contiguous or adjoining', and the whole phrase (with 'với' functioning as a resultative complement) is best treated as a single predicate which may be translated as 'to accompany'.

11. The introductory clause 'thiếu nguyên tác thứ ba' functions here as a conditional correlative, and should be translated as though set off by the elements 'nếu... thì', with the following clause functioning to complete the conditional relationship 'if... then...'

42. In this sentence, the two clauses which begin with

LESSON 20

'phải làm sao cho...' and 'làm sao cho...' have 'báo chí' as an understood subject, and 'làm sao cho' as a predicate. In each parallel clause, the predicative phrase 'làm sao cho' is followed by a dependent clause complement which is the resultative complement of the attributive 'cho'. This use of the attributive predicate is somewhat more emphatic and indefinite than the phrase 'làm cho' which is roughly equivalent in function and meaning. This increased level of indefiniteness and emphasis changes the translation in the following way:

- a. phải làm cho... must make...
- b. phải làm sao cho... must somehow make...

Each resultative clause which follows this attributive phrase thus becomes the effect of the actions of the press.

IV. QUESTIONS

1. Bác-sĩ Tổng-Trưởng Giáo-Dục nhận định gì về việc cải thiện giáo-dục Việt-Nam?
2. Tổng-Trưởng tiếp-xúc với những ai?
3. Ông Tổng-Trưởng nêu lên quan-niệm gì trong buổi tiếp xúc?
4. Theo ông Tổng-Trưởng thì mục đích giáo-dục là gì?
5. Ba nguyên-tắc căn bản để đào tạo công dân một nước dân chủ là gì?
6. Nếu thiếu nguyên tắc thứ ba thì mọi công-tác sẽ coi như thế nào?
7. Về tiến-hóa thì điều quan-trọng nhất là gì?
8. Đại-Hội Giáo-Dục Việt-Nam đã nêu ra nguyên-tắc gì về đặc-tính cần-thiết cho nền giáo-dục?

LESSON 20

9. Để lấy lại uy-thể của nền giáo-dục, ông Tổng-Trưởng đã đề ra những công-tác gì?
10. Theo ông Tổng-Trưởng thì tình-trạng gì đã ảnh-hưởng đến nền giáo-dục Việt-Nam?
11. Về việc giáo-dục tại gia-đình, ông Tổng-Trưởng đã khuyên gì?
12. Ngoài sự tin-tưởng vào công cuộc giáo-dục ra, ông Tổng-Trưởng khuyên mọi người phải làm thế nào?
13. Bác-sĩ khuyên ai phải có ý-thức trách-nhiệm?
14. Tổng-Trưởng khuyên các cấp lãnh đạo và cán bộ phải gạt bỏ những gì?
15. Để thực-hiện một cách hiệu quả việc phát triển nền giáo-dục thì các cấp lãnh đạo phải làm thế nào?
16. Ông Tổng-trưởng Y-Tế họp báo để trình bày việc gì?
17. Hiện diện trong cuộc họp báo ấy gồm có những ai?
18. Cuộc họp báo này đã xảy ra ở chỗ nào?
19. Ông Tổng-Trưởng Y-Tế giải thích rằng nền Y-Tế gồm có mấy phần?
20. Vai trò của báo chí về y-tế phòng-ngừa như thế nào?
21. Theo ông Tổng-Trưởng thì y-tế đô-thị và thị-xã như sao?
22. Trái lại ngành y-tế nào gặp nhiều khó khan?
23. Trong các khu nông-thôn nhân viên y-tế phải làm gì?
24. Ở các làng xa-xôi thì sự giao-thông ra sao?
25. Hiện nay Bộ Y-Tế đặt trọng tâm ở đâu?
26. Tại sao việc giao-tế dân-sự trong ngành y-tế khó khan?
27. Bộ Y-Tế cố gắng cải thiện việc giao-tế giữa ai và ai?

LESSON 20

28. Ông Tổng-Trưởng Y-Tế nhờ báo chí cô-động về cán-bộ xã-hội trong các giới nào?
29. Những người đi trước trong nền y-tế đã đạt nền móng trong việc gì?
30. Nhóm người của guồng máy y-tế gồm có những ai?
31. Trước khi có thể giúp ích cho bệnh-nhân rất nhiều, thì nhân-viên mọi ngành y-tế đều phải làm gì?
32. Nếu có khuyết-điểm trong nền y-tế, thì ông Tổng-Trưởng khuyên báo chí làm gì?
33. Hầu cải tiến và ái thiện nền y-tế các cấp lãnh-đạo phải làm gì?
34. Kết-luận buổi diễn thuyết ấy, ông Tổng-Trưởng nói rằng muốn tiến được thì phải có việc gì?

LESSON TWENTY-ONE

I. TIN TỨC CHÍNH-TRỊ

CHƯƠNG-TRÌNH HOẠT-ĐỘNG CỦA THỦ TƯỚNG TRẦN VAN HUONG

Sài-Gòn 29-5.- Ngỏ lời cùng đồng bào trước đài tiếng nói Việt-Nam tối 28-5, Thủ-Tướng Trần-Van-Huong đã giải thích các lý-do khiến ông ra chấp chánh, đồng thời Thủ-Tướng cũng đã phác họa đại-cương chương trình hoạt động của tân chính-phủ. 5

Trước hết, Thủ-Tướng Trần-Van-Huong nhắc lại lúc ra ứng cử Tổng-Thống, ông có nói, nếu thất cử ông sẽ "trở về đọc sách, trồng hoa". Vì vậy sau đó, ông đã từ chối lời mời của Tổng-Thống Nguyễn-Van-Thiệu trong chức-vụ Thủ-Tướng. Nhưng nay vì tình thế cực-kỳ nghiêm-trọng, ông nhận lời mời của Tổng-thống Thiệu, để hy-sinh quăng đời còn lại của ông mà đứng ra góp phần cứu vãn tình thế. Tân Thủ-Tướng tuyên bố là ông quyết "thí thân già" của ông để đảm nhận nhiệm-vụ quan-trọng mà Tổng-Thống Thiệu đã giao phó giữa lúc đất nước ở trong tình trạng bị xâm lang, phân-hóa, và bất công tham nhũng đầy dẫy. 10 15

Nói về hoạt động của tân chính-phủ, Thủ-Tướng trần-Van-Huong cho biết là ông không đưa ra một chương-trình đồ-sộ với những ước vọng hào huyền, mà trong giai-đoạn thứ nhất hiện nay ông chỉ giới hạn trong bốn mục tiêu cấp thiết phù-hạp với tình-hình thực tại, gồm có: 20

1.- Tái-lập uy-quyền quốc-gia để bảo vệ nền dân-chủ pháp-trị.

2.- Tận diệt tham nhũng để lấy lại niềm tin đã mất trong dân-chúng. 25

LESSON 21

3.- Ổn định mau lẹ tình-trạng sinh-sống của đồng-bào, nhất là đối với đồng bào nạn nhân chiến-cuộc.

4.- Tạo thế chủ-động trong việc thực-hiện hòa-bình

CHÍNH-QUYỀN VÀ LỰC-LƯỢNG DÂN TỘC VIỆT

30

Dù bằng những lời lẽ che đậy khéo léo và tế-nhị đến đâu đi nữa, các ký-giả cũng biết được rằng Lực-Lượng Dân-Tộc Việt muốn là một tổ-chức chính-trị đối lập với chính-quyền. Chỉ tiếc rằng chính Lực-Lượng Dân-Tộc Việt không nói toạc ra câu đó để cho người ta khỏi phải suy-luận phỏng đoán, trong khi sự tuyên bố dứt khoát lập trường rất cần thiết cho một chính đảng và trong khi mọi sự ước đoán về chính đảng mới thành lập đều được coi là có hại cho chính đảng đó.

35

Chúng tôi cũng ngạc nhiên, như Lực-Lượng Dân-Tộc Việt đã phàn nàn, là Lực-Lượng đối lập này không được cơ-quan thông tin của chính-quyền, đài phát thanh và vô-tuyến, dành cho một sự chú-trọng công-bằng và thỏa đáng như họ đã dành cho một vai tổ-chức chính trị khác mới ra đời.

40

Chắc có một số người cũng phải thắc mắc về thái độ trên kia của chính-quyền khi mà mới đây, trong cuộc gặp gỡ đại-diện các đảng phái tại dinh độc-lập, Tổng-thống Nguyễn-Van-Thiệu đã thành tâm mong muốn được thấy sự ra đời của một đảng đối lập hợp-hiến để chấm dứt cái thời kỳ hỗn loạn chính-trị vừa qua.

45

Nếu Lực-Lượng Dân-Tộc Việt là một đảng đối lập hợp-hiến thì giấc mộng của Trung-tướng Thiệu quả đã được thực-hiện phần nào, và do đó cần được chính-quyền hỗ-trợ ít nhất bằng các phương-tiện thông-tin tuyên-truyền. Và nếu Lực-Lượng Dân-Tộc Việt hoạt-động không hợp-hiến, thì tại sao chính-quyền không theo đúng hiến-pháp mà xử-sự với họ?

50

Chúng tôi nhận thấy rằng từ trong giai-đoạn chuyên-tiếp các giải-pháp quân-sự qua các giải-pháp chính-trị để giải-quyết

55

vấn đề chiến-tranh Việt-Nam, đã có những cố gắng tốt đẹp để tập-hợp các lực-lượng đồng quan-điểm với chính-quyền và đối lập với chính-quyền.

Trên bình-diện xây dựng dân-chủ lâu dài, mọi lực-lượng 60 chính-trị đều phải được đối xử đồng đều, trừ khi chính-phủ hiện-hữu phải dựa vào một lực lượng này để mà đối phó với một lực lượng khác.

II. VOCABULARY

hành-động	to act, actions or deeds	hy-sinh	to sacrifice (one-self), a sacrifice
ngó lời	to speak, say a few words	quãng đời	a period or time
đài	a tower, monument, or radio station	cứu-vãn	to save or rescue (a situation)
tiếng nói	language, tongue, or voice	quyết	to decide or determine, to be determined
đài Tiếng-Nói Việt-Nam	the Voice of Vietnam	thí thân	to sacrifice one's life
chấp chính/chánh	to assume governmental position or power	đảm-nhận	to assume (a duty), or accept (a responsibility)
phác-họa	to sketch or outline	giao phó	to entrust or assign
đại-cương	to be general, an outline	xâm lang	to invade, an invasion, or aggression
ứng-cử	to be a candidate, to run for office	phân-hóa	to disintegrate, divisiveness
thất-cử	to fail to be elected	bất công	to be unjust, unjustly, injustice
từ chối	to refuse or decline	tham nhũng	to be corrupt and graft-ridden
cực-kỳ	extremely, exceedingly, very	đầy đầy	to be full to the brim, or full of
nghiêm-trọng	to be grave or critical		

LESSON 21

đồ-sộ	to be impressive, imposing, or vast	ký-giả	a newsman or correspondent
ước-vọng	wishes, desires, or promises	đối lập	to stand in opposition, an opposing force
hào-huyền	to be empty or idle (of talk or promises)	tiếc	to feel sorry, regret
giới-hạn	to limit or restrict, a limit or restriction	toạc	to be ripped or torn, (to speak) openly or frankly
mục tiêu	objective, goal, or purpose	câu	a phrase, expression, sentence, saying, or proposition
cấp-thiết	to be urgent or pressing	suy-luận	to think, reason, or consider
phù hợp/hợp	to be in keeping (với: with)	phỏng đoán	to guess or conjecture
thực-tại	to be real or true, reality	dứt-khoát	to be unambiguous or clear-cut
tái-lập	to reestablish	lập-trường	position, viewpoint, editorial stand/view
uy-quyền	authority or power	chính đảng	a political party
pháp-trị	the rule of law	ước đoán	to speculate or make predictions
tận diệt	to destroy completely	hại	to harm, to murder
niềm tin	confidence or faith	có hại	to be harmful
ổn-định	to be stable, to stabilize, or settle	ngạc-nhiên	to be surprised or astonished
chiến cuộc	the war situation	phàn-nàn	to complain or grumble (about something)
tạo thế	to create, make, or formulate	phát thanh	to broadcast
chủ-động	to be active, principal, or main	vô-tuyến	wireless or radio telegraphy
dù/dẫu	even though, although		
lời lẽ	words or reasoning		
che đậy	to cover up		
khéo léo	to be skillful or clever		
tế-nhị	to be subtle or delicate		

LESSON 21

công bằng to be just or equitable
 thỏa đáng to be satisfactory, proper or appropriate
 ra đời to be born, to appear, to be published
 thắc mắc to be worried or anxious
 thái-độ an attitude, manner or mental state
 gặp gỡ an unexpected meeting, to encounter suddenly
 thành tâm to be sincere
 hợp hiến to be constitutional or legally sanctioned
 chấm dứt to bring to an end, terminate or break-off
 hỗn loạn disorder, confusion, or chaos
 giấc mộng a dream
 hỗ-trợ to help one another, mutual aid
 tuyên-truyền to propagandize, propaganda
 hiến-pháp a constitution or charter

xử-sự to conduct oneself, to act or behave
 chuyển tiếp to make a transition, a transition, transitional
 giải-pháp a solution to a problem
 tập hợp to gather together, to concentrate or assemble
 đồng to be equal, mutual similar, or the same
 quan-điểm a point of view or position
 bình-diện level, stage, or point (in a discussion or process)
 đối-xử to behave toward, to treat
 trừ except for, unless
 hiện-hữu to be presently existing, present, or on hand
 dựa to lean on or rely on
 đối phó to face, deal with, or cope with

LESSON 21

III. GRAMMAR NOTES

12. This use of the conjunction 'mà' serves as a resumption of the purpose function of the preceding clause, governed by 'để', and must be translated either as purpose or result in connection with 'để' and the entire preceding clause.

15. In this sentence the element 'mà' functions as a relative particle, making a dependent relative clause of everything which follows it. This clause modifies the main substantive element 'nhiệm vụ', and may be translated as 'the important mission which...'

20. This use of 'mà' is disjunctive and functions like 'nhưng', which could easily be substituted for it in this sentence.

31. The element 'bằng' functions here as the main predicate, and is used in the sense of its basic meaning, 'to make use of or employ'. The surrounding frame 'dù... đi nữa', has been previously described as an emphatic form of the conditional 'even though...' which functions with the following 'cũng' as a resumption of the conditional nature of the construction. This construction is best translated as 'Even though they... (the press) is still aware that...'

32. The phrase 'Lực-Lượng Dân-Tộc Việt' is the name of a political party which was being formed in Vietnam at the time this commentary was written.

54. As a resumptive conjunction, the element 'mà' is best translated here as either a resultative 'and thus to...' or as an equivalent to 'để: in order to'. In the latter sense, the resumptive function could be accomplished by either 'để' or the combination 'để mà', all three are essentially equal (see line 60 below).

IV. QUESTIONS

1. Khi chấp chính chức-vụ Thủ-Tướng, ông Trần-Van-Hương tuyên bố về việc gì?
2. Trong khi ra ứng cử Tổng-Thống Thủ-Tướng Hương đã nói rằng nếu ông thất cử thì ông sẽ làm gì?
3. Ông Hương đã nhân lời mời ra làm gì?
4. Tại sao Thủ-Tướng đổi ý mà chấp nhận lời mời của Tổng-Thống Thiệu?
5. Tân Thủ-Tướng giải thích các lý-do quyết 'thí thân gia' như thế nào?
6. Thủ-Tướng đã nói là ông ra chấp chính vì nước đang bị nạn gì?
7. Để phác-hoạ đại cương hoạt động của tân chính-phủ, ông cho biết về chương-trình gì?
8. Trong giai đoạn thứ nhất, thì Thủ-Tướng sẽ giới hạn chương trình trong bốn mục tiêu gì?
9. Để bảo vệ nền dân chủ pháp-trị, Thủ-Tướng định tái lập gì?
10. Để lấy lại niềm tin của dân chúng, Thủ-Tướng định tận diệt nạn gì?
11. Tân Thủ-Tướng sẽ ôn-định mau lẹ tình-trạng sinh-sống của ai?
12. Trong việc thực-hiện hoà-bình Thủ-Tướng sẽ cố gắng về việc gì?
13. Lực-Lượng Dân-Tộc Việt muốn tổ-chức một chính đảng như thế nào?
14. Tại sao các Ký-giả muốn Lực-Lượng Dân-Tộc Việt nói ra lập-trường của họ?

LESSON 21

15. Lực-Lượng dân tộc Việt đã phản nản về gì?
16. Một chính đảng ở Việt-Nam có thể dùng cơ-quan gì của chính phủ để tuyên truyền?
17. Chính phủ Việt-Nam đã bao giờ cho một tổ chức chính trị dùng các cơ quan của chính phủ để tuyên truyền chưa?
18. Trong một buổi gặp gỡ tại dinh Độc-lập, Tổng Thống Thiệu đã mong được thấy sự gì xảy ra?
19. Nếu có một đảng đối lập hợp hiến, thì Tổng-Thống Thiệu cho rằng sẽ chấm dứt được tình hình gì?
20. Nếu Lực-Lượng Dân-Tộc Việt là một đảng đối-lập hợp-hiến thì chính phủ hiện hữu nên hỗ-trợ như thế nào?
21. Nếu hoạt động của Lực-Lượng Dân-Tộc Việt không hợp-hiến thì chính-phủ hiện-hữu nên làm gì?
22. Trong giai đoạn chuyển tiếp từ giải pháp quân-sự qua giải pháp chính-trị đã có những cố gắng nào để tập hợp chính quyền?
23. Chính-phủ Việt-Nam có đối xử đồng đều giữa Lực-Lượng Dân-Tộc Việt với các đảng chính-trị khác không?
24. Trên bình diện dân chủ lâu dài, chính phủ nên đối xử với các lực-lượng chính-trị như thế nào?

LESSON TWENTY-TWO

I. BÌNH-LUẬN VỀ THỜI-CUỘC

KHÔNG THỂ LÀM THAY ĐỔI TÌNH-THẾ

Trừ phi có sự biến-chuyển bất ngờ trong lập-trường cố-hữu của Hoa-Kỳ hay Bắc-Việt, tình hình miền Nam Việt-Nam hiển-nhiên đang đi đến một cuộc đụng-độ gay-go bằng vũ-lực.

Người ta có cảm-tưởng rằng vấn-đề Việt-Nam chỉ có thể ra 5
khỏi chỗ bế tắc hiện nay, sau khi Bắc-Việt đã tuyệt hết mọi
hy-vọng dùng áp-lực quân-sự để chiếm lợi thế chính-trị
trong cuộc nghị-hòa.

Sau cuộc hội nghị Mỹ-Việt ở Honolulu, Bắc-Việt đã có 10
phản-ứng trên địa hạt chính-trị và tuyên truyền, gọi nôm na
là "đánh võ mồm". Còn về mặt quân-sự tình hình vẫn ở mức
độ bình-thường và đợt tấn công thứ ba mà người ta dự-liệu
vào cuối tháng bảy đã không xảy ra.

Phản-ứng chính-trị của Bắc-Việt đã tạo thành một chiến- 15
dịch đả-kích dữ-dội. Tại Ba-Lê, Nguyễn Thành-Lê, phát ngôn
nhân phái đoàn Bắc-Việt đã mở nhiều cuộc họp báo để tố-cáo
trước du-luận những lời tuyên-bố của Tổng-thống Johnson và
Ngoại-trưởng Dean Rusk mà Bắc-Việt cho là có tính cách gây
hấn. Chẳng hạn việc Tổng-thống Johnson cảnh cáo sẽ "áp 20
dụng những biện-pháp quân-sự mới" nếu lực-lượng Mỹ ở Việt-Nam
lâm-nguy, đã bị Nguyễn Thành-Lê tố cáo là Mỹ đang chuẩn-bị
leo thang chiến-tranh.

Thật ra Mỹ không leo thang chiến tranh mà chỉ chuẩn bị
để đối phó với một cuộc tấn công sắp tới của Bắc-Việt. Các

LESSON 22

nguồn tin quân-sự Mỹ cho rằng quân-đội Việt-cộng đã chuẩn-bị 25
xong lực-lượng và vũ-khí, nên cuộc tấn công đại quy-mô sẽ diễn
ra trong tuần này, hoặc trung tuần tháng tám, hay trễ lắm là
đầu tháng chín.

CHÚNG TÔI PHẢN ĐỐI VIỆC LIÊN LẠC VỚI QUỐC-HỘI BẮC-VIỆT

Bốn mươi dân-biểu Việt-Nam Cộng-Hoa vừa ra một bản kiến- 30
nghị yêu cầu ông Chủ-Tịch Hạ-Nghị-Viện đề-cử ra một phái-đoàn
thiện-chí với nhiệm-vụ 'liên lạc với Quốc-Hội Bắc-Việt để tìm
khả năng một cuộc thương thuyết trực-tiếp giữa hai miền Nam Bắc
nhằm mục đích tái-lập hoà-bình tại Việt-Nam'. Đây là một ý-kiến
mới lạ, chúng tỏ thiện-chí của các dân-biểu nói trên muốn tìm 35
kiếm một giải-pháp hòa-bình cho Việt-Nam qua đường lối của hai
quốc-hội Việt-Nam.

Bản kiến-nghị nói trên tuy có chúng tỏ thiện-chí của một
số dân-biểu, nhưng lại chứa đựng một lầm lẫn to lớn có hại
cho uy-tín của quốc-hội Việt-Nam. Đề nghị liên lạc giữa quốc- 40
hội miền Nam và quốc-hội miền Bắc tức là các dân-biểu ký tên
trong bản kiến-nghị đã mặc nhiên công-nhận rằng quốc-hội miền
Bắc cũng có một giá-trị đại-diện dân-chúng như quốc-hội miền
Nam hiện nay. Nhưng sự thực thì quốc-hội miền Bắc chỉ là một
tổ-chức bù nhìn đã có từ lâu đời, không được bầu lại, hay nếu 45
có được bầu lại thì chỉ do sự chỉ định của đảng Cộng-Sản chứ
không phải do sự bỏ phiếu của toàn dân.

Cái quốc-hội này sở dĩ phải được tồn tại cho đến ngày nay
là do chính-quyền Hà-Nội muốn đánh lừa dư-luận thế-giới rằng
tại miền Bắc cũng có một hình thức dân-chủ, cũng có một quốc- 50
hội, cũng có một hiến-pháp như tại bất cứ một quốc-gia dân-
chủ nào trên thế-giới, như quốc-gia chúng ta tại miền Nam.

Nay đề-nghị một sự liên-lạc giữa hai quốc-hội tức là
vô tình các dân-biểu nói trên đã nâng cao giá-trị của quốc-
hội miền Bắc và hạ giá-trị của quốc-hội miền Nam xuống ngang 55

hàng với cái gọi là quốc-hội của miền Bắc. Đành rằng mọi cuộc tìm kiếm liên-lạc để đi tới hòa-bình đều đáng khuyến-khích nhưng liên-lạc theo tinh-thần bản kiến-nghị nói trên là một sự nhục mạ cho quốc-hội Việt-Nam và cho cả dân-chúng Việt-Nam mà các ông dân-biểu là đại-diện hợp pháp, hợp hiến. 60

II. VOCABULARY

trừ phi	unless	phản ứng	to react, a reaction
biến chuyển	to change or develop, a development	địa hạt	a field, domain, realm, or sphere
bất ngờ	to be unexpected	nôm na	to be colloquial, to speak plainly
cố hữu	to be natural or innate, an old friend	đánh võ	to box, wrestle, or struggle
hiển nhiên	to be evident, obvious, flagrant, or manifest	mồm	a mouth
đụng độ	to collide with or clash, a collision	mức độ	a degree, level, extent, or standard
gay go	to be tense or fierce (of a situation)	bình thường	to be normal, routine, or ordinary
vũ lực/võ lực	force or violence, military force	dự-liệu	to predict, forecast, or foresee
cảm tưởng	an impression, notion, or imprint	tạo thành	to create
bế tắc	to be obstructed or deadlocked	chiến dịch	theater of war, a campaign or operation
tuyệt	to be cut off	đả kích	to attack or criticize
áp-lực	a pressure or force	dữ-dội	to be violent (fighting), to be tremendous (noise)
lợi thế	an advantageous position or positive influence		
nghị hòa	to hold peace talks		

LESSON 22

tố cáo	to denounce, accuse, or charge	đường lối	a policy or procedure
du-luận	public opinion	chứa	to contain, take in, harbor, accomodate, or keep
gây hấn	to incite wars or provoke hostilities	đựng	to contain or hold
cảnh cáo	to warn	lầm lẫn	to be mistaken
biện-pháp	a method, means, measure, or procedure	đề-nghị	to suggest, propose, or move, a sugges- tion or motion
lâm nguy	to be in danger	mặc nhiên	to be calm or indifferent
leo thang	to escalate, an escalation	công nhận	to recognize or grant
vũ-khí/võ-khí	weapons or armaments	sự-thực	the truth
trễ	to be late	bù nhìn	a scarecrow or puppet
phản đối	to be opposed to or to object to	lâu đời	to be old or durable
quốc-hội	a national assembly, congress or parliament	bầu	to elect or vote
dân-biêu	a parliamentary deputy or representative	chỉ định	to designate, appoint, or assign
bản	a document, copy, edi- tion (classifier for statements, treaties, plays, etc.)	bỏ phiếu	to cast a vote
kiến nghị	a motion, resolution, or petition	sở dĩ	the reason why...
hạ nghị viện	the lower house, the House of Representatives	tồn tại	to exist or survive
trực tiếp	to be direct or immediate	đánh lừa	to decieve or dupe
mới lạ	to be new or novel	hình thức	a form, formality
chúng tỏ	to demonstrate or prove	vô tình	to be indifferent or unintended
		nâng	to pick up, raise, or support
		nâng cao	to raise or elevate
		ngang hàng	to be equal to, the equal of
		đành rành	though, although

đáng	to deserve, merit, or	nhục mạ	to insult or
	be worthy of		revile

III. GRAMMAR NOTES

10. The phrase 'gọi nôm na là' is the equivalent of the English expression 'what is called colloquially...' and serves to introduce the following expression.

26. The phrase 'cuộc tấn công đại quy-mô' is usually used to translate the American military term for 'a major offensive'.

31. The compound 'đề-cử: to nominate' is followed here by the element 'ra', which need not be translated into English, but which functions here as a resultative complement to 'đề-cử'. Such complements often follow verbs which involve either the transfer or issuance of information or material.

36. The phrase 'qua đường lối' refers to the process of preceeding by means of policies or procedures, and may be loosely translated as 'through the actions (of)'.

49. The element 'do' functions in this sentence in the sense of 'because' rather than in the role of a marker of a passive attribution. In constructions like this, the element 'vì' is virtually interchangeable.

56. The use of the classifier 'cái' before the verbal expression 'gọi là...' serves to form a substantive phrase which includes the remainder of the sentence, and which may be translated as 'that which is called...'.

LESSON 22

IV. QUESTIONS

1. Theo bài bình-luận này nếu Hoa-Kỳ hay Bắc-Việt không biến chuyên lập-trường cố hữu của họ thì chuyện gì sẽ xảy ra?
2. Bây giờ trong cuộc nghị-hòa, phái đoàn Bắc-Việt cố chiếm lợi thế gì?
3. Sau khi Bắc-Việt đã tuyệt hết sự dùng áp lực quân-sự để giải quyết vấn đề Việt-Nam thì sao?
4. Sau cuộc hội nghị Mỹ-Việt ở Honolulu Bắc-Việt đã hành-động như thế nào?
5. Trong khi quân đội Mỹ chờ đợi cuộc tấn công thứ ba của địch ở miền Nam, tình hình quân sự ở miền Nam vẫn như thế nào?
6. Phản ứng trên địa hạt chính-trị của Bắc-Việt đã tạo ra chiến dịch gì ở Ba-Lê?
7. Ông Nguyễn Thành-Lê mở nhiều cuộc họp báo để làm gì về những lời tuyên bố của nước Mỹ?
8. Phái đoàn Bắc-Việt ở Ba-Lê cho là những tuyên bố của Mỹ có tính cách gì?
9. Tại sao Tổng-Thống Johnson cảnh cáo sẽ dùng những biện pháp quân-sự mới?
10. Khi nào thì Tổng-Thống Johnson cho rằng những biện pháp đó sẽ phải dùng?
11. Phát-ngôn-viên của phái-đoàn Bắc-Việt đã tố cáo rằng Hoa-Kỳ đang chuẩn bị làm gì?
12. Theo các nguồn tin quân-sự Mỹ thì quân đội Việt-Cộng đã chuẩn bị như thế nào?
13. Cũng theo nguồn tin quân-sự Mỹ thì khi nào cuộc tấn công đại quy-mô sẽ diễn ra?

LESSON 22

14. Những ai mới ra một bản kiến nghị cho liên lạc giữa miền Bắc và miền Nam?
15. Bản kiến nghị ấy đã yêu cầu ông Chủ-Tịch Hạ-Nghị-Viện làm gì?
16. Nhiệm vụ của phái đoàn thiện-chí mà các ông dân-biểu đã yêu cầu là liên lạc với Quốc-Hội Bắc-Việt để làm gì?
17. Bài bình-luận này thấy ý-kiến của các ông dân-biểu chúng tỏ là các ông muốn gì?
18. Những dân-biểu nói trên muốn tìm kiếm một giải-pháp hòa-bình cho Việt-Nam như thế nào?
19. Tại sao bài bình-luận này cho là bản kiến nghị ấy có hại cho quốc hội miền Nam?
20. Nếu có sự liên lạc giữa hai quốc hội Nam Bắc thì du-luận thế giới sẽ công nhận gì?
21. Theo bài bình-luận này nếu quốc-hội miền Bắc được bầu lại thì sẽ do ai chỉ định?
22. Tại sao quốc hội miền Bắc tồn tại đến ngày nay?
23. Đề nghị một sự liên lạc giữa hai quốc hội Việt-Nam sẽ có ảnh-hưởng gì về giá-trị của hai quốc-hội?
24. Theo như bài bình-luận này thì họ có muốn khuyến khích nhiều việc tìm kiếm, liên lạc để đi tới nền hòa-bình hay không?
25. Sự liên lạc theo tinh thần bản kiến nghị nói trên đối với dân chúng và quốc-hội miền Nam thì như thế nào?

LESSON TWENTY-THREE

I. TRÍCH LỜI CỦA MAO CHỦ TỊCH

A. ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN

Mỗi đảng viên cộng sản phải có tấm lòng trong trắng, trung thành, tích cực, coi lợi ích cách mạng là sinh mệnh thứ nhất, lấy lợi ích cá nhân phục tùng lợi ích cách mạng; 5
bất kỳ lúc nào và ở đâu, cũng giữ vững nguyên tắc đúng đắn, đấu tranh không mệt mỏi với tất cả những tư tưởng và hành vi sai lầm, đề cửng cố sinh hoạt tập thể của Đảng, củng cố mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng; phải quan tâm đến Đảng và quần chúng nhiều hơn quan tâm đến cá nhân mình; quan tâm 10
đến người khác nhiều hơn quan tâm đến bản thân mình. Có như thế, mới xứng đáng là một đảng viên cộng sản.

.....

Người cộng sản cần phải luôn luôn sẵn sàng kiên trì chân lý, vì chân lý nào cũng đều phù hợp với lợi ích của nhân dân; người cộng sản cần phải luôn luôn sẵn sàng sửa chữa sai lầm, 15
vì sai lầm nào cũng đều không phù hợp với lợi ích của nhân dân.

.....

Bất cứ trong vấn đề gì, đảng viên cộng sản chúng ta nhất định phải kết hợp với quần chúng. Nếu đảng viên chúng ta 20
cứ suốt đời ngồi ở trong phòng mà không ra ngoài, không dám mua dãi gió, không tiếp xúc với đời, thì những đảng viên như vậy có lợi gì cho nhân dân Trung-Quốc không? Không có lợi gì cả. Chúng ta không cần những người đảng viên như vậy. Đảng viên cộng sản chúng ta phải dám mua dãi gió, phải tiếp xúc với 25

LESSON 23

đời; mưa gió ấy là bão táp đấu tranh của quần chúng, việc đời 25
ấy là việc đời đấu tranh lớn lao của quần chúng.

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

Để giành hòa bình thế giới lâu dài, chúng ta cần phải
phát triển hơn nữa sự hợp tác hữu nghị với các nước anh em
trong phe xã hội chủ nghĩa, đồng thời tăng cường đoàn kết với 30
tất cả các nước yêu chuộng hòa bình. Chúng ta cần phải tranh
thủ đạt quan hệ ngoại giao bình thường với tất cả các nước
muốn chung sống hoà bình với chúng ta, trên cơ sở tôn trọng
chủ quyền lãnh thổ của nhau và bình đẳng có lợi cho cả đôi bên.
Chúng ta cũng cần phải tích cực ủng hộ phong trào giành giải 35
phóng và độc lập dân tộc của các nước châu Á, châu Phi, và
châu Mỹ La-Tinh, cũng như phong-trào hòa bình và cuộc đấu
tranh chính nghĩa của tất cả các nước trên thế giới.

.....

Hiện nay, ở các nước trên thế giới người ta đều đang bàn
tán có thể xây ra chiến tranh thế giới lần thứ ba hay không? 40
Về vấn đề này, chúng ta cũng phải có sự chuẩn bị về tinh thần
cũng cần phải có sự phân tích. Chúng ta kiên quyết giữ vững
hòa bình, chống chiến tranh. Nếu đế quốc nhất định gây chiến
chúng ta cũng không nên sợ. Thái độ của chúng ta đối với vấn
đề này cũng như đối với tất cả 'những vụ rối loạn': một là 45
phản đối, hai là không sợ. Sau chiến tranh thế giới lần thứ
nhất đã đẻ ra một nước Liên-xô với 200 triệu dân. Sau chiến
tranh thế giới lần thứ hai đã đẻ ra một phe xã-hội chủ nghĩa
với 900 triệu dân. Nếu bọn đế quốc nhất định phát động chiến
tranh thế giới lần thứ ba thì có thể đoán chắc rằng, kết quả 50
nhất định sẽ có không biết bao nhiêu trăm triệu người nữa
chuyển sang phía chủ nghĩa xã hội, địa hạt của đế quốc còn lại
sẽ chẳng là bao nữa và cũng có thể là toàn bộ chế độ đế quốc
sẽ tan vỡ.

LESSON 23

II. VOCABULARY

trích	to pick, pick out, extract, or excerpt	mối	a liaison or connection (classi- fier for feelings or relationships)
trích lời	selected quota- tions (or sayings)	liên hệ	to be related, a relationship
tâm lòng	the heart or physical essence	quần chúng	the masses
trong trắng	to be pure or clean	bản thân	person, personal
trung thành	to be loyal	xứng đáng	to be worthy, to merit or deserve
lợi ích	a benefit or advantage	sẵn sàng	to be prepared, to be at the point of...
sinh mệnh	human life or existence	kiên trì	to hold fast or maintain
phục tùng/tòng	to yield or submit to, to obey	chân lý	the truth or reality
vững	to be stable or firm, to remain in power	kết hợp	to unite
đúng đắn	to be correct, exact, or proper	suốt	to go through, through- out, all....long
đấu tranh	to struggle, fight or compare	suốt đời	all the time, throughout life
mệt mỏi	to be tired or worn out	dầm mưa	to work, walk, or stay out in the rain
tư tưởng	a thought or concept	dãi	to be open or exposed
hành vi	behavior or actions	dãi gió	to be exposed to the wind
sai lầm	to be mistaken, a mistake or error	bão táp	a storm, typhoon, or hurricane
củng cố	to strengthen or consolidate	lớn lao	to be large, exten- sive or grandiose
tập thể	to be collective, collective action	giành/dành	to set aside or preserve

LESSON 23

hữu-nghị	to be friendly, friendship	kiên quyết	to be determined
phe	faction, side, or sect	đế quốc	empire, imperialist 'the imperialists'
chủ-nghĩa	a doctrine or an ideology, ...-ism	vụ	season, period, affair, (classifier for certain actions and affairs)
yêu chuộng	to love or be fond of	rối loạn	to be troubled or disorderly
tranh thủ	to strive for..., to endeavor to...	đẻ	to be born, to give birth to
quan hệ	relations, a relation- ship, to be important	Liên-xô	The Soviet Union
tôn trọng	to respect or honor	bọn	a small group of people (derogatory)
chủ quyền	to be sovereign, sovereignty	phát động	to begin, wage, or promulgate
lãnh thổ	territory	đoán	to guess, predict, or assume
lợi	to be profitable, an advantage or profit	chuyên	to move, transmit, transport, hand over
ủng hộ	to support	toàn bộ	the whole...
phong trào	a movement (liter- rary or social)	chế độ	system or regime
giải phóng	to liberate, liberation	tan vỡ	to be broken up
chính nghĩa	a righteous cause		
bàn tán	to discuss and argue, to debate		
phân tích	to analyze		

III. GRAMMAR NOTES

1. For the remaining lessons of this text, the use of hyphens will follow the conventions employed in North Vietnamese publications. In general only proper names are hyphenated, as well as a small number of technical terms and words which are clearly regarded as Chinese or foreign loan words. While this represents the ideal usage, its application is not always consistent, but it is clear that this style employs far fewer hyphens than the arbitrary usage of the traditional system or the system currently used in the South.

5. While most of this paragraph is punctuated as one continuous sentence, its structure is actually a series of independent clauses which have 'đảng viên cộng sản' as an understood subject. This kind of structure, where the concept of 'sentence' is rather loose and the concatenation of multiple clauses (often grammatically independent but topically related), is quite typical of communist texts and North Vietnamese technical writing.

8. The element 'mỗi' functions in this sentence as a classifier for the abstract noun which follows it. This element is often used in this way with nouns for feelings, tensions, emotions, and relationships.

21. While the element 'suốt' is essentially verbal, often having the meaning 'to go through', it also functions in compounds like the one above which are either adverbial (as time expressions) or substantive. Typical examples are:

suốt ngày	all day long	thấu suốt	to penetrate
suốt năm	all year long	trong suốt	to be transparent

LESSON 23

34. The element 'cù' functions in combination with the element 'nhau' to form a compound whose function is essentially verbal, but which never occurs as an independent predicate. As in this sentence, the combination usually functions as either an adjectival or adverbial modifier, with the general meaning of 'mutual, in common, mutually'.

LESSON TWENTY-FOUR

I. ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ ĐỀ QUỐC KHỦNG BỐ

A. GIAI CẤP VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP (Mao Trạch Đông)

Ai là kẻ thù của chúng ta? Ai là bạn của chúng ta? Đó là vấn đề quan trọng bậc nhất của cách mạng. Tất cả những cuộc đấu tranh cách mạng trước kia ở Trung-quốc đều thua được rất ít kết quả, nguyên nhân cơ bản là vì không đoàn kết được những người bạn thực sự để đánh kẻ thù thực sự. Đảng cách mạng là người dẫn đường cho quần chúng. Trong các cuộc cách mạng, chưa bao giờ có đảng cách mạng nào dẫn lầm đường mà cách mạng lại không thất bại. Muốn đảm bảo chắc chắn cho cách mạng của chúng ta không lầm đường lạc lối và nhất định thành công, thì chúng ta không thể không chú ý tới việc đoàn kết những người bạn thực sự của chúng ta để đánh kẻ thù thực sự. Muốn phân biệt được bạn thù thực sự, chúng ta phải có sự phân tích khái quát về địa vị kinh tế của các giai cấp trong xã hội Trung-quốc và thái độ của các giai cấp ấy đối với cách mạng.

.....

Cuộc đấu tranh để phân thắng bại về hình thái và ý thức giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ở nước ta còn phải qua một thời gian khá dài mới giải quyết được. Đó là vì ảnh hưởng của giai cấp tư bản và của trí thức xuất thân trong xã hội cũ cũng như hình thái ý thức giai cấp vẫn còn tồn tại lâu dài ở nước ta. Nếu không nhận thức đầy đủ hoặc hoàn toàn không nhận thức được tình hình đó thì sẽ mắc sai lầm hết sức nghiêm trọng, sẽ lo là đấu tranh tư tưởng cần thiết.

LESSON 24

B. ĐẢNG CÔNG SẢN VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP (HỒ CHÍ MINH)

Giai cấp vô sản Đông-Dương tuy còn trẻ tuổi và ít ỏi, nhưng đã chỉ huy được nông-dân và những hạng nghèo nàn trong thành-thị, đảng cộng-sản cứ cương quyết tranh-đấu để cho vô sản giai-cấp lãnh vai hướng đạo đó; vì chỉ được như thế thì phe cách-mạng tức vô sản, nông-dân và các hạng nghèo nàn trong thành-thị mới chiến thắng mỗi phe phản cách-mạng, tức là đế-quốc phong-kiến, địa-chủ, quan làng và tư-bản quốc-gia cái lương gian trá. 30

Tuy đế-quốc thắng tay chém giết, tuy chịu tình cảnh bí mật, nhưng đảng cộng sản cũng đào tạo được toàn thể cách-mạng của mình. Ban đầu thì đảng chỉ gồm có mấy nhóm đồng-chí lẻ tẻ, mà đến sau trở thành một đảng cương quyết của vô sản giai-cấp liên lạc với quần-chúng, tổ chức quần-chúng và tự mình làm đội tiên-phong cho hàng triệu lao-động, giắt họ lên con đường tranh-đấu giải phóng để thiết lập chính quyền của vô sản và nông-dân. 35 40

Hai nam cách-mạng sôi nổi, con đường tiến bộ của đảng ta đã khá dài, vai lãnh đạo của đảng ta trọng; bởi thế cho nên đế-quốc biết rằng đảng cộng sản là địch nhân lợi hại nhất của chúng, rằng phải phá hoại đảng cộng-sản thì mới phá hoại được phong trào cách mạng. Vì vậy mà đế-quốc tập-trung đại-lực của nó để ngăn trở làn sóng cách-mạng và trước hết là quyết trừ giết đảng cộng-sản cầm đầu của chúng ta. Mặt trận Đông-Dương tang lên gấp mấy; quân đội Lê-Dương đồn đóng khắp nơi, hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị giam cầm tẩn kháo trong ngục thất, bị dày chùng thân, bị rơi đầu trên máy chém. Dân có thị oai thì đế quốc bán giết ném bom. Địch nhân lại còn sai lũ chó săn chen vào hàng ngũ của chúng ta để trở lại phá hoại, bao nhiêu là xóm làng bị đốt phá, toàn Đông-Dương ngày nay chỉ là một chiến địa đầy rẫy xương máu của công-nông-binh. 45 50 55

II. VOCABULARY

Mao Trạch-Đông	Mao Tse Tung	nhận thức	to realize
kẻ thù	an enemy or adver- sary	mắc	to be caught in, to hang on a peg
bậc	step, rung, grade, level, or category	lơ là	to be indifferent
bậc nhất	the first level, highest priority	vô sản	to be propertyless or proletarian
thu	to collect, gather, or attract	tranh đấu = đấu tranh	to struggle
nguyên nhân	a cause or factor	lãnh vai	to assume a role
cơ bản	to be fundamental or elementary	hướng đạo	a guide
dẫn đường	to show the way	nổi	to have the strength or ability, to be able to
thất bại	to lose or fail, a failure	phong kiến	to be feudal or feudalistic
đảm bảo	to guarantee, a guarantee	địa chủ	a landowner
lạc	to be lost, go astray	quan làng	officials, officialdom
thành công	to succeed	cải lương	to reform or improve
khai quát	to generalize	gian trá	to be false or crooked, cheating
địa vị	social status or position	thắng tay	to act or punish severely
hình thái	shape or form	chém	to cut or chop off, to behead
tư bản	to be capitalistic, capital, capitalism	tình cảnh	situation, plight or conditions
tư sản	private property	bí mật	to be secret or mysterious
giai cấp tư sản	bourgeoisie or landed classes		
trí thức	intellect, intel- lectual		
xuất thân	to begin as, origins		

LESSON 24

ban đầu	at the beginning	khắp nơi	everywhere
đồng-chí	comrade (political)	giam cầm	to detain or imprison
lẻ tẻ	to be scattered or sporadic	tấn khảo	to interrogate or examine
trở thành	to become	ngục thất	a jail or prison
tự mình	oneself	chung thân	all one's life, life imprisonment
tiên-phong	the vanguard, pioneers, or shock troops	rơi	to let fall or drop
đội tiên-phong	the advance party or vanguard	máy chém	the guillotine
giát/dắt	to lead by the hand, to tow or guide	thị oai	to demonstrate or display force
sôi nổi	to be lively or exciting	ném	to throw, hurl, or cast
bởi	because of, by, on account of	bom	a bomb, an apple
lợi hại	to be dangerous or vital, pro and con	sai	to send, commission, command or order
tập-trung	to concentrate, gather or centralize	lũ	a gang, band, horde or crowd
đại-lực	military strength or armaments	chó săn	a hunting dog or police dog
làn sóng	a wave	chen	to creep into, jostle, force one's way (into)
trừ giệt/điệt	to eradicate	trở tài	to shoot forth or promulgate
cảm dũng	to be brave or courageous	đốt	to burn, light, or set fire to
mật thám	a spy, investiga- tor, or policeman	chiến địa	a battlefield
đồn đóng	to station or assign (troops)	xương	a bone, bones and skeletons
khắp	to be all over or throughout	máu	blood
		công-nông-binh	workers, peasants and soldiers

III. GRAMMAR NOTES

9. The element 'mà' functions here as a disjunction, which is somewhat more emphatic than the usual sense of but. The emphasis comes partly from the use of the element 'lại' in the following phrase, and partly from the fact that the conditions expressed in that phrase call for a more adversative interpretation of the disjunction. In most cases where 'mà' is used as an adversative conjunction, it can best be translated as 'and yet' or 'and still'.

10. Note the use of the double negative construction in this sentence. The use of this type of construction is quite common in emphatic situations and where exhortation to conforming action is desired. The translation to English may either be a strong affirmative 'we cannot avoid' or, in the spirit of the Vietnamese, a strong negative 'we cannot but...' or 'we cannot not...'. .

32. The element 'nôi' functions in the same way as 'được' when it occurs as a post-verbal complement. This type of construction is much less common than the use of 'được' in the spoken language, but may occur often in written style.

44. In this sentence the element 'trọng', which has essentially the same meaning and function as the stative verbal 'nặng', serves as the main predicate of an independent clause. As with 'nặng', this element may also be extended in meaning from 'heavy' to include 'serious, severe, important', when it serves as the main predicate.

46. The element 'chúng' is often used in third person indirect reference 'they', in a derogatory sense, in place of the full form 'chúng nó'.

LESSON TWENTY-FIVE

I. DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

A. ĐẾ-QUỐC CHỦ NGHĨA BÓC LỘT CÔNG-NÔNG THUỘC-ĐỊA (Hồ Chí Minh)

Ngày nay, các chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng. Trong cuộc đại chiến thứ nhất, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng. Vừa rồi, người ta đã đem lính người bản 10 xứ bao vây lính Pháp ở miền Ruya, và phái lính pháo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công.

Ngoài việc dùng các thuộc địa về mặt quân sự như vậy, chủ nghĩa tư bản còn sử dụng các thuộc địa để bóc lột về mặt kinh tế một cách khôn ngoan nữa. Người ta thường thấy rằng những 15 vùng nào ở Pháp và những nghề nào đó mà tiên công bị hạ xuống, thì trước đó thế nào cũng có việc tang thêm nhân công thuộc địa. Người bản xứ đã được dùng để phá các cuộc bãi công. Hiện nay chủ nghĩa tư bản dùng một thuộc địa này làm công cụ để bóc lột một thuộc địa khác, đó là trường hợp Đông-Dương và Thái-Bình- 20 Dương.

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông-Dương và Thái-Bình-Dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn; những cuộc 25 xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi.

LESSON 25

B. LÊ-NIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA (Hồ Chí Minh)

"Lê-nin đã mất!" Tin này cho mọi người như sét đánh ngang tai truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng chưa có thể biết rõ Lê-nin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân Việt-Nam đến người dân san bán trong các rừng Đa-hô-mây, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xam có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tư quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lê-nin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước.

Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân nước mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn 'ru-mi', của tất cả bọn 'ru-mi': toàn quyền, công sứ, v. v... Và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lĩnh cụ thể.

Lúc đầu họ tưởng là trên đời không thể có một người như thế và cương lĩnh như thế được. Nhưng về sau họ được biết tin, tuy lờ mờ, về Đảng cộng-sản, về tổ chức gọi là Quốc-Tế Cộng-sản đang đấu tranh vì những người bị bóc lột, vì tất cả những người bị bóc lột, trong đó có cả họ nữa, họ biết rằng chính Lê-nin là một người lãnh đạo tổ chức này.

Và chỉ như thế cũng đủ để cho những người đó tuy van hóa kém cỏi nhưng là những người có thiện chí và biết ơn, hết lòng tôn kính Lê-nin. Họ coi Lê-nin là người giải phóng cho họ. Lê-nin đã mất rồi thì chúng ta biết làm thế nào? Liệu có những

LESSON 25

người dũng cảm và rộng lượng như Lê-nin để không quản thời gian và sức lực chăm lo đến sự nghiệp giải phóng của chúng ta không? 60 Đó là những điều mà quần chúng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa ban khoan tự hỏi.

Còn chúng tôi, chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh chị của chúng tôi. Song 65 chúng tôi tin tưởng rằng Quốc-tế công-sản và các chi bộ của nó, trong đó có các chi bộ ở các nước thuộc địa, sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã can dặn chúng ta, đó chẳng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng 70 ta đối với Người hay sao?

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã-hội.

Lê-nin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. 75

II. VOCABULARY

bóc lột	to rob or exploit	bản xứ	local or native
thuộc địa	a colony, colonial	Ruya	the Ruhr Valley of Germany
trình độ	level, standard, degree, or extent	phái	to send, dispatch, or appoint
hoàn bị	to be complete or perfect, to complete	pháo thủ	artillerymen
da	skin, hide, or leather	dẹp	to put away, arrange, or put in order
da trắng	to be white-skinned	đi dẹp	to put aside, clear away
chinh phục	to subdue or conquer	bãi công	to go on strike
đại chiến	a great war or a world war	sử dụng	to employ or use
lính	soldiers		

LESSON 25

khôn ngoan	to be clever, wise, or prudent	đánh đuổi	to rout or chase away
tiền công	salary or wages	quản lý	to manage, a manager
nhân công	manpower, human labor	toàn quyền	full powers, or supreme leaders/ governor
công cụ	a tool or instrument	đũng cảm	to be brave or courageous
nguy	to be dangerous, or hazardous	ngưỡng mộ	to admire
vận mệnh	destiny or fate	sâu sắc	to be profound
điên cuồng	to be mad or insane	nhiệt tình	warm affection
xung đột	to clash or conflict	vĩ đại	to be great or impos- ing
sét	a thunderbolt	thoát khỏi	to escape from
ngang tai	to be disagreeable (to the ears)	ách	a yoke, calamity, or disaster
sét đánh ngang tai	to strike like a thunderbolt	áp bức	to oppress
bình nguyên	plains or lowlands	ru-mi	Arabic word for foreigners
phì nhiêu	to be fertile or rich (of land)	vạch	to draw a line, to reveal or uncover
cánh	(classifier of fields)	cương lĩnh	platform, policy, program (for a party)
xanh tươi	to be verdant or luxuriant	tưởng	to think or imagine
da đen	to be black-skinned	lờ mờ	to be vague or unclear
da vàng	to be yellow-skinned	chính	exactly, just, or precisely
thực dân	to colonize, coloni- alist, colonialism	kém cỏi	to be weak
bung bít	to hide, cover up, conceal	biết ơn	to be grateful, or thankful
ngu dốt	to be stupid	tôn kính	to respect, honor, or venerate
chỗ dựa	a support, foundation, keystone, or basis		
chủ yếu	to be essential or important, principal		
thầm	to speak in a whisper		

LESSON 25

liệu	to suppose, guess, or reflect upon	chia sẻ	to share or divide up
rộng lượng	to be generous or tolerant	song	but, however
quản	to mind or be bothered by (something)	chi bộ	a party cell
không quản	not to mind a difficulty	giáo huấn	to educate, indoctrinate, or reeducate
chăm lo	to look after or care for	vi	(classifier for persons of high status)
sự-nghiệp	task, undertaking, or career	lãnh tụ	a leader
băn khoăn	to be worried, or unable to decide	can dặn	to remind or advise about
tự hỏi	to ask oneself or wonder about	tỏ	to express, reveal, or declare
vô cùng	to be endless	tình	feelings, sentiments
đau đớn	to be painful or sorrowful	yêu mến	to love or be fond of
tôn thất	to lose; a loss, casualty or damage	sao	a star (classifier is 'ngôi')
đền bù	to pay back or make up	bất diệt	to be immortal or everlasting
		mãi	forever, eternally

LESSON 25

HẾT GIỜ RỒI

GLOSSARY

A

ách a yoke, calamity, or disaster XXV
 an-khang to be in good health XIII
 an-tâm to be contented or reassured, to have peace of mind XVII
 an-úi to comfort XX
 ảnh photograph I
 ảnh-hưởng to influence XVIII
 ao a pond X
 áp-bức to oppress XXV
 áp-dụng to apply or use (a method) XVI
 áp-lực a pressure or force XXII

A

an khớp to be well fitted or adapted
 an mặn to eat a meat diet, a normal balanced meal XVII

Â

âm-lịch lunar calendar, Chinese calendar VIII

âm to be humid or damp III
 Ấn-Độ India XII
 ấp a hamlet XIV

B

bà con relatives or relations IX
 bạc silver or money IX
 bài text, lesson, or script (classifier for texts) XII
 bãi biển beach, sea-shore VII
 bãi công to go on strike XXV
 ban committee, board, commission, department XIII
 ban đầu at the beginning XXIV
 ban đêm night time IX
 bán to be half-, hemi-, semi-XVII
 bàn to discuss or deliberate XVIII
 bàn tán to discuss and argue, to comment excitedly XXIII
 bàn thờ an altar or shrine IX
 bản document, copy, edition (classifier for statements, treaties, plays, etc) XXII
 bản thân person, personal XXIII
 bản xứ local or native XXV

GLOSSARY

- bạn bè friends IX
 bang giao international relations XV
 bánh a wheel XX
 bao la to be huge, immense VII
 bao vây to surround or encircle XIV
 báo a panther VII
 báo chí newspapers and magazines, the press XX
 báo tin to report, inform, announce VI
 bảo-tàng-viện museum I
 bảo trợ to protect or safeguard XVIII
 bảo vệ to guard, defend, or preserve XIV
 bão táp a storm, typhoon, or hurricane XXIII
 ban khoăn to be worried, unable to decide XXV
 bắn to shoot or fire XIV
 bắt buộc to force, compel, coerce IV
 bắt tay to shake hands XII
 bậc step, rung, grade, category XXIV
 bậc nhất the first level, highest priority XXIV
 bất công to be unjust, unjustly XXI
 bất diệt to be immortal or everlasting XXV
 bất kỳ any, whoever, whatever, whenever, to be unexpected, unintended XV
 bất ngờ to be unexpected XXII
 bất ổn to be unsettled or unstable XX
 bất thường to be unusual or extraordinary XIX
 bầu to elect or vote XXII
 bầu lại to run for election XXII
 bày to display or set out IX
 bế tắc to be obstructed or deadlocked XXII
 bệnh nhân patient/convalescent XVII
 bệnh-viện a medical clinic XIV
 bí mật to be secret or mysterious XXIV
 biên to jot down, make a note II
 biến chuyển to change or develop, a change or development XXII
 biến cố an event or occurrence XIII
 biển the sea or ocean VII
 biện pháp a method, measure, means, or procedure XXII

GLOSSARY

- biết đâu perhaps, who knows!
V
- biết ơn to be grateful or
thoughtful XXV
- bình-an to be well, safe,
peaceful VI
- bình dân the common people,
to be popular or democrat-
ic XVII
- bình diện level, stage or
point (in a discussion or a
process) XXI
- bình đẳng to be equal or on
the same level, equality
XX
- bình luận to comment, a
commentary or editorial
XII
- bình nguyên plains or low-
lands XXV
- bình thường to be normal,
ordinary, or routine XXII
- bình-trị peaceful rule XIV
- bó to tie in a bundle, a
bundle or bunch X
- bò rừng a wild ox VII
- bỏ phiếu to cast a vote,
a vote XXII
- bỏ thư to mail a letter VI
- bóc lột to rob or exploit
XXV
- bom a bomb, an apple XXIV
- bón to fertilize X
- bọn a small group of people
(derogatory) XXIII
- bổ nhiệm to appoint or assign
XIII
- bổ túc to complement or
supplement XX
- bộ-trưởng minister or secre-
tary (of a governmental
bureau) XII
- bờ biển sea-coast, sea-shore
III
- bởi because of, by, on
account of XXIV
- bù nhìn a scarecrow or puppet
XXII
- buộc to tie or fasten X
- buổi lễ a ceremony XIX
- bừa to harrow X
- bừa ruộng to harrow a field
X
- bức (classifier for paintings,
walls, letters, hangings etc.)
- bung bít to hide, cover up,
conceal XXV
- C
- ca nhạc music and singing
XVI
- cách manner, way, fashion
V

GLOSSARY

cách-mạng	to revolutionize, a revolution, revolutionary	XX	cánh	(classifier for fields)	XXV
cải-chính	to deny, rectify	XV	cánh	landscape, view, scenery, conditions or situation	I
cải lương	to improve or reform, reformed Vietnamese opera	I	cảnh cáo	to warn	XXII
cải thiện	to improve or ameliorate (in making changes)	XX	cạnh tranh	to compete, competition	V
cải tiến	to improve or advance (in making progress)	XIX	cao nguyên	uplands or highlands	III
cải tổ	to reorganize or reshuffle	XX	cát	sand	VII
cảm dũng	to be brave or courageous	XXIV	can	flat, apartment, compartment	XVI
cảm thấy	to feel or be affected by	VI	can bản	the basis or foundation, to be basic or fundamental	XX
cảm tưởng	an impression, imprint or notion	XXII	can cú	to base upon, foundation, base	XV
can	to intervene, break up a fight	I	can dặn	to remind or advise about	XXV
can dự	to be involved in, to interfere with	XV	cát may	to tailor clothes, a tailor shop	XVII
cán bộ	cadre	XVIII	cầm	to take hold of or retain	XII
càng	to do increasingly, all the more	I	cầm đầu	to lead	XII
càng...càng...	the more... the more	I	cầm quyền	to hold controlling power	XIII
canh-nông	agriculture	XII	cân	to weigh or weight	IV
canh-tân	to modernize	XVII	cần thiết	necessary	XIII
			cấp	level, rank, degree, grade or stratum, (classifier for ranking persons)	XX
			cấp-thiết	to be urgent or pressing	XXI

GLOSSARY

cấp thủy	water supply	XVI	cố gắng	to strive or make an effort	XVI
cấp tốc	to be swift or urgent, to proceed quickly	XVII	cố hữu	to be natural or innate, an old friend	XXII
câu	a phrase, expression, sentence, saying, or proposition	XXI	cố vấn	an advisor or counselor	XIV
câu-lạc-bộ	a social club or social organization	XV	cô	to be old or ancient	XVI
cầu	a bridge	I	cô động	to campaign or propagandize	XX
cầu chúc	to wish or congratulate	XIII	cô-kính	to be ancient	VII
cây	a plant or tree (classifier for stick-like objects)	IX	công	to be public or common	XI
cấy lúa	to transplant rice	X	công	efforts or work	XVIII
cày	to plow	X	công bằng	to be just or equitable, fairly, justly	XXI
cày ruộng	to plow a field	X	công cụ	a tool or instrument	XXV
có chân	to be a member of	XII	công chính/chánh	public works	XVI
có chân trong	to belong to...	XII	công chức	civil servant, government employee	XVIII
cỏ	weeds, herbs, grasses	X	công dân	a citizen	XVIII
cỏ dại	weeds, wild grasses	X	Công-Giáo	Catholic (the doctrine of communalism)	VIII
coi	to look at, to regard or consider as	III	công-nông-binh	workers, peasants, and soldiers	XXIV
cô-nhi	an orphan	XVIII	công, nhận	to recognize or grant	XXII
cô-nhi-viện	an orphanage	XVIII	công tác	work, task, job, assignment	XVI
cố-định	to be fixed, firm stationary or permanent	XX	công tư	public and private	XVII

GLOSSARY

công-ty a company, firm, or corporation V
 công việc a task, job, or work XIII
 cộng-hòa a republic, republican XIII
 cộng-sản communism, communist XV
 cơ bản to be fundamental or elementary 24
 cơ-hội an opportunity VII
 cơ-khí machinery, mechanical XVII
 cơ-quan agency, foundation, organization XIV
 cơ-sở an installation, facility, or establishment, a basis or foundation XVIII
 cơ-sở xã-hội social institutions, social services XVIII
 cơn an outburst, a fit, a gust (of wind), a squall (of wind or rain) III
 cụ thể to be tangible or concrete XVI
 cung cấp to supply or provide XI
 cúng to offer sacrifice to IX
 củng cố to strengthen/consolidate XXIII
 cuộc (classifier for games, parties, meetings, activities, etc.) a situation, office, or position XIII
 cuối the end of... VIII
 cư to dwell, reside, or live XIV
 cử to appoint or send XIII
 cử-hành to celebrate or perform XIII
 cửa hàng a shop I
 cực-kỳ extremely, exceedingly, very XXI
 cương lĩnh platform, policy, program (for a party) XXV
 cương quyết to be determined, with resolution XX
 cứu-trợ to help, aid, or assist XVIII
 cứu-vãn to save or rescue (a situation) XXI
 cựu old, the former... XV
 Cựu-Kim-Sơn San Francisco VI
 cựu-quân-nhân veterans (former servicemen) XVII
 CH
 chàm the Champa nation VII
 chạm đích to hit a target XIV

GLOSSARY

chạm súng to engage or skirmish with, an engagement XIV
 chay to fast, diet or restrict intake XVII
 chăm lo to look after or care for XXV
 chẳng hạn for instance, for example VI
 chấm dứt to bring to an end, terminate or break off XXI
 chân lý truth or reality XXIII
 chấp chính/chánh to assume governmental position or authority XXI
 chấp nhận to accept, admit or approve XIII
 chấp thuận to approve XIX
 che đậy to cover XXI
 chém to cut or chop off, to behead, execute XXIV
 chen to creep in, jostle, or force ones way (into) XXIV
 chế độ system or regime XXIII
 chết to die, to be dead XIV
 chi bộ a party cell XXV
 chi-tiết details XIII
 chỉ định to designate, appoint or assign XXII
 chỉ huy to command or control, the commander XX
 chia to divide, separate, distribute III
 chia rẽ to divide or separate, division or separation XV
 chia sẻ to share or divide up XXV
 chiếm to occupy, displace, take up XVI
 chiến cuộc the war situation XXI
 chiến dịch theater of war, campaign, or operation XXII
 chiến địa a battlefield XXIV
 chiến-sự war, warfare XIV
 chiến thắng to be victorious, in battle XV
 chiến thuật tactics, tactical (tactical zone) XIV
 chiến-tranh war, warfare, hostilities XIX
 chiếu bóng to show movies I
 chín to become ripe X
 chinh phục to subdue or conquer XXV
 chính exactly, just, precisely XXV
 chính to be principal, main or chief VIII
 chính đảng a political party XXI
 chính nghĩa a righteous cause XXIII

GLOSSARY

chính quyền	political power, political authorities/powers XIV	chủ động	to be active, principal or main XXI
chính sách	official policy, government policy XVII	chủ nghĩa	a doctrine or ideology, ...-ism XXIII
chính thức	to be official or formal XIII	chủ quyền	to be sovereign, sovereignty XXIII
chính-trị	politics, political XI	chủ tịch	chairman of a committee or president of an assembly XIII
cho rằng	to think that, to believe that V	chủ tọa	to preside over (a meeting or ceremony) XVIII
chó săn	a hunting dog or police dog XXIV	chủ yếu	to be essential or important XXV
chóng	to be fast, rapid, quick VII	chuẩn-bị	to prepare or get ready XVIII
chót	to be last in a series, lowest ranking	chuẩn-tướng	a one-star general, sub-brigadier XV
chót vót	to be very tall, lofty VII	chúc	to wish, congratulate or celebrate IX
chỗ dựa	a support, foundation, keystone, or basis XXV	chung	to be common to or mutual III
chỗ	a place, or location VI	chung thân	all one's life, a life XXIV
chống	to oppose or resist XII	chuột	a rat or mouse IX
chống công	anti-communist XV	chụp	to spring upon and seize suddenly I
chở	to transport XIX	chút	a little bit IX
chu đáo	to be thorough or well executed XVIII	chuông	a bell IX
chú-trọng	to pay attention to XI	chuyên	to concentrate/specialize in/on XI
chú-ý	to pay attention XVI	chuyên khoa	specialized courses XI

GLOSSARY

chuyên viên	an expert or specialist XVI	da trắng	to be white-skinned XXV
chuyến	a trip, flight, voyage or journey IV	da vàng	to be yellow-skinned XXV
chuyển	to move, change over, transmit, transport, or hand over XXIII	dạ-lữ-viện	an inn, guest house (very cheap), overnight quarters XVII
chuyển giao	to hand over or entrust (an office or authority) XIX	dài hạn	long range (of programs or policies) XX
chuyển tiếp	to make a transition, a transition, transitional XXI	dãi	to be open or exposed XXIII
chứa	to contain, take in, accommodate, harbor or keep XXII	dãi gió	to be open to the wind, exposed to the wind XXIII
chữa	to cure or care for, to repair, fix or mend XXV XXVIII	dán	to paste VI
chức vụ	a function or duty XIII	danh sách	a list of names, a roster or role XVIII
chửi	to insult, call names I	danh-từ	noun, substantive term, terminology XV
chứng tỏ	to demonstrate or prove XXII	dành	to set aside, reserve, or save XV
chương-trình	a plan or program XIV	dạo	to wander or take a stroll I
		dạy	to instruct or advise II
		dầm mưa	to work, walk, or stay out in the rain XXIII
		dân biểu	a parliamentary deputy or representative XXII
	D	dân-cư	population, inhabitants XVI
da	skin, hide, or leather XXV	dân chủ	to be democratic, democracy XII
da đen	to be black-skinned XXV		

GLOSSARY

- dân chúng the people or
native population VI
- dân-quốc a republic XIII
- dân-sự civilian, civil XX
- dân tộc the people (as a
nation), national policy
XX
- dần dần little by little
XII
- dẫn to lead, guide, conduct
to quote or cite XVI
- dẫn đường to show the way
XXIV
- dẫu sao (dù sao) at any rate,
anyway XVIII
- dạy nghề to teach a trade or
profession XVII
- dè dặt to be cautious or
reserved IX
- đẹp to put away, arrange, or
put in order XXV
- đi đẹp to set aside, clear
away XXV
- diễn to perform, relate or
explicate I
- diện-tích area, extent,
coverage XVI
- do to be done (caused by...
to be due to..., because
of...) VII
- đọc length or height ≠ width
(ngang) lengthwise or along
VI
- đồi dào to be plentiful or
abundant XX
- du-học to study abroad XI
- dù (dẫu) even though, although
XXI
- đục-anh to bring up children
XVIII
- đũng cảm to be brave or coura-
geous XXV
- dụng cụ tools, equipment II
- duy-trì to maintain or preserve
XV
- duyên to be situated along...,
the shore or bank XIX
- duyên hạ to be located along
the lower part of a river
XIX
- duyên-hải the sea-coast XVI
- du-luận public opinion XXII
- đũ-dội to be violent (of fight-
ing), to be tremendous (of
noise) XXII
- dự to participate in or attend
XII
- dự-lễ to participate in a
ceremony XV
- dự-liệu to predict, forecast,
or foresee XXII
- dự-trù to provide for, put into
effect XIV
- dự-trữ to stock up, save up,
or accumulate XVI
- dựa to lean or rely on (vào) XXI

GLOSSARY

dựng	to erect, raise, or put up	IX	đám	a crowd or group	X
dương-gian	the physical world	IX	đảm bảo	to guarantee, a guarantee	XXIV
dương lịch	the solar calendar, Western calendar	VIII	đảm nhận	to assume (a duty), or accept (a responsibility)	XXI
dứt khoát	to be unambiguous or clear-cut	XXI	đạn dược	ammunition	XIV
Đ			đáng	to deserve, merit, or be worthy of	XXII
đa số	a majority	VIII	đảng	clique, band, political party	XII
đả kích	to attack or criticize	XXII	đảng phái	clique, faction, or party	XV
đai-lực	strength or armaments	XXIV	đánh	to hit or strike, to fight	I
đài	a tower, monument, observatory, or radio station	XXI	đánh đuổi	to rout or chase away	XXV
đại	to be big or large	XIV	đánh lừa	to deceive or dupe	XXII
đại biểu	to represent, a delegate or representative	XIII	đánh võ	to box, wrestle, or struggle	XXII
đại-cương	to be general, an outline	XXI	đành răng	though, although	XXII
đại-chiến	a great war or world war	XXV	đào	to dig	XVI
đại-diện	to represent, a representative or delegate	XII	đào tạo	to train or form	XVII
đại-hội	a congress, convention or general assembly	XIII	đảo chính	a coup d'etat	XV
đại-tướng	lieutenant general (VN four star)	XV	đạo	a doctrine, religion, or ethical system	
			đạo-luật	a legislative bill	XIX

GLOSSARY

đáp to board (a ship, train, plane) IV	đề cập to mention, put forth, or touch upon XX
đau đớn to be painful or sorrowful	đề nghị to suggest, propose or move, a suggestion or motion XXII
đau ruột thừa appendicitis II	đệ- ordinalizing prefix (VN numbers) XI
đặc-biệt typical or special I	đêm night time III
đặc tính special characteristic III	đền a temple XVI
đắng to be bitter II	đền bù to pay back or make up for XXV
đặt to put, place, or set VI	địa chỉ address II
đập to thresh grain X	địa chủ a landowner or landlord XXIV
đất earth, soil, land X	địa điểm a point or location, a site XIV
đất nước country, nation, or native country XX	địa hạt a field, domain, realm, or sphere XXII
đấu tranh to struggle, compete or fight XXIII	địa-phương local, locality, local region XIII
đầu tiên the first or initial instance VI	địa-vị social status or position XXIV
đầy to be full, filled, all over the place IX	địch the enemy XIV
đầy đầy to be full to the brim or full of XXI	điểm a dot, point, detail, or feature XX
đẻ to be born, to give birth to XXIII	điên cuồng to be mad or insane XXV
đèn lamp, candle, lantern IX	điện ảnh movies, cinematography XVI
đèo a mountain pass VII	điện thoại telephone II
đế quốc empire, imperialist 'the imperialists'	điện vạ a telegram XIII
	điều hành to manage, function, or administer XVII

GLOSSARY

điều khoản	terms, conditions, provisions, stipulations	XIX	đối-xử	to behave toward, to treat	XXI
điều trị	to give or receive medical treatment	XIV	đối với	with respect to, concerning	VI
đính-chính	to deny, to rectify or correct (the public record)	XV	đồn đại	to spread a rumor	XV
đình	communal hall in traditional Vietnamese village		đồn đóng	to be stationed or assigned (troops)	XXIV
định cư	to settle refugees		đông đủ	to be complete, full	IX
đoán	to guess, predict, or assume	XXIII	đông đúc	to be dense (of population)	XVII
đoàn	troupe, flock or detachment section of an organization	I	đồng	to be equal, common, similar, the same	XIV
đoàn-kết	to unite, unity, union	XV	đồng-bào	compatriots, countrymen	XIV
đô-thành	a city or prefecture	XVII	đồng chí	(political) comrade or compatriot	XXIV
đô-thị	a city	XX	đồng thời	at the same time	XIX
đồ sộ	to be impressive, imposing or vast	XXI	đốt	an inch	X
độ	degrees (of angle or temperature)		đốt	to burn, light, or set fire to	XXIV
độc-lập	to be independent, independence	XV	đột nhập	to break into	XIV
đối đãi	to behave toward	IX	đời-sống	existence, life, livelihood	VI
đối lập	to stand in opposition, an opposing force	XXI	đơn giản	to be simple or uncomplicated	XIX
đối phó	to face, deal or cope (with)	XXI	đợt	a wave, stage, or segment	XVIII
			đúng đắn	to be correct, exact	XXIII

GLOSSARY

đụng độ to collide with or
clash, an engagement
or collision XXII
đựng to contain or hold
XXII
đương to be in the process
of XIII
đường lối a policy or proce-
dure XXII
đường tiếp-tế supply or
communication routes
XV
đường xá roads IV

E

ép buộc to force or compel
XIX

G

gánh to carry on poles X
gạt bỏ to cross out or
eliminate XX
gàu a scoop or pail for water
X
gay go to be tense or fierce
(of a situation) XXII
gặp gỡ an unexpected meeting,
to encounter XXI
gặt to reap or harvest X
gấp to be urgent, pressing
XVII

gây to bring about or cause
XIV
gây hấn to incite wars. pro-
voke hostilities XXII
ghé to stop by VI
ghi to record or register
XIX
ghi danh to register one's
name XIII
gói package IV
góp phần to do one's share
XIII
gồm to total up, to include
comprise, consist of XV
guồng máy machinery or appa-
ratus XX
gửi to send, forward, remit
(people also), to entrust,
leave in someone's care I

GI

Gia-Tô Catholic VIII
gia-quyển family, relatives,
dependents XIII
giai-đoạn a period, phase,
or stage XVIII
giải-pháp a solution to a
problem XXI
giải-phóng to liberate, liber-
ation XXIII
giải-quyết to solve (a problem)
XV

GLOSSARY

giải-thích	to explain or interpret	XX	giát/đạo	to lead by the hand, to tow or guide	XXIV
giám cầm	to detain or imprison	XXIV	giấc mộng	a dream	XXI
giảm sút	to decline	XX	gieo	to sow (seeds)	X
gian hàng	stall, stand, exhibit booth	XVI	giếng	a well	XVI
gian trá	to be false or crooked, cheating	XXIV	giết	to kill	XIV
giản-dị	to be simple or easy	XII	gió mùa	the monsoons	III
giang cảng	a river port	XIX	gió-nồm	the South Wind	III
Giáng-Sinh	Christmas	VIII	giọt	a drop (of water or blood)	III
giành/dành	to reserve or pre-serve	XXIII	giới	circles, realm, borders	XIII
giao	to entrust to or deliver to	XX	giới hạn	to limit or restrict, a limit or limitation	XXI
giao phó	to entrust or assign	XXI	giúp ích	to be of service to, of use	XX
giao tế	public relations	XX	giữ chức	to assume an office, position, or title	XIII
giao thông	rail or road communication and transportation	XVI	giật mìn	to explode a mine by hand, detonation	XIV
giao thừa	New Year's Eve (the hour between years)	IX			
giao-thương	trade, commerce, or communication	XIX	H		
giao-tranh	to fight, go into battle or engagement	XVIII	hạ	to lower, bring down, to land	V
giao-chức	a teacher	XX	hạ-lưu	the downstream area	XIX
giao-dục	education	XI	hạ-nghị-viện	the lower house the House of Representatives	XXII
giao-huấn	to educate, indoctrinate, or reeducate	XXV	hạ tầng	lower echelon or stratum	XIX
			Hạ-Uy-Di	Hawaii	VI

GLOSSARY

hài lòng	to be happy, satisfied, content	II	hãy	to be sure to, ought to	XIII
hại	to harm, to murder	XXI	hắn	(after a verb) completely or thoroughly	II
hàn	to heal (a wound), to weld or solder, to fill a tooth	II	hầm mỏ	mines and quarries	XVI
hạn	to limit or restrict, a limit or deadline	XIII	hầu	in order to	XVIII
hàng	a line or series of... each and every...	XI	hẹn	to promise or agree, an appointment or ultimatum	II
hàng-không	to fly, aviation, airline	V	hệ-thống	system	XI
hàng-ngũ	ranks, lines	XV	hết sức	to be exhausted or to exhaust one's efforts	XVIII
hãng	a company or firm	V	hiến-pháp	a constitution or legal charter	XXI
hạng	category, class or rank	XIX	hiển-nhiên	to be evident, obvious, flagrant, or manifest	XXII
hành-động	to act, actions or deeds	XXI	hiện	to appear, become visible, to seem that	II
hành-khách	a passenger	V	hiện diện	to be present	XV
hành-nghề	to practice a profession	XX	hiện-hữu	to be presently existing, present, on hand	XXI
hành-quân	an operation or military action	XIV	hiện nay	at the present time	II
hành-vi	behavior or action	XXIII	hiệu-nghiệm	to be effective or efficient	II
hạnh-phúc	happiness	XIII	hiệu-quả	an effect or result	XX
hào-huynh	to be empty or idle (of talk)	XXI	hình	form, shape, image	IX
hát	to sing or give a theatrical performance	I	hình-thái	shape or form	XXIV
hay	to know, be aware of	XII			
hay tin	to know, to be informed (from news sources)	XIV			

GLOSSARY

hình thức	a form, formality	hợp báo	a news conference
XXII		XX	
Hoa-Kỳ	America, American	hồ	a lake XVI
XV		hồ	a tiger VII
hoa quả	flowers and fruits	hỗ-trợ	to help one another, mutual aid, XXI
IX		hội chợ	a fair or exposition (trade) XVI
hòa-bình	Peace XV	hội-đồng	a board, council, assembly or meeting XV
hoạch-định	to draw up, draft, or delineate XVIII	hội họp	to convene or meet together V
hoan nghênh	to welcome XVI	hội-nghị	to confer or meet, a conference or meeting XII
hoàn bị	to be complete or perfect, to complete or perfect XXV	hội thảo	drafting session, consultative conference XVI
hoàn cảnh	environment, milieu, or context XX	hội-viên	member (of an assembly, conference or society) XV
hoàn toàn	completely, perfectly XVI	hỗn loạn	disorder, confusion, chaos XXI
hoang-vu	wild, overgrown, uncultivated VII	hợp hiến	to be constitu- tional/legal XXI
hoạt-động	to be active, activity or operations XIV	hợp tác	to cooperate XV
hoặc	either...or... XIII	huấn-nghệ	technical/vocational training XVII
học bổng	a scholarship XI	hùng vĩ	to be great or impos- ing VII
học hành	to study and practice XVIII	hu-hại	to be spoiled or damaged XVIII
học trò	a pupil or student XI	hương	incense sticks IX
học viên	a student (partic- ularly adults) XVII		
hông	to enjoy, to receive I		
hòng	to expect or hope XV		

GLOSSARY

- Hương-Cảng Hong-Kong XV
 hướng to be directed toward,
 direction or way XIV
 hướng dẫn to guide or lead
 XIX
 hướng đạo a guide XXIV
 hướng-nghiệp to be directed
 toward a profession, pro-
 fessional orientation
 XVII
 hướng-ứng to respond to or
 answer to XVIII
 hữu-ích to be useful XV
 hữu-nghị to be friendly,
 friendship XXIII
 hữu quyền to be in power, the
 authorities XIII
 hy-sinh to sacrifice (oneself)
 a sacrifice XXI
 hy-vọng to hope IX
- K
- kẻ (classifier for individ-
 uals), the one who... XV
 kẻ thù an enemy or adversary
 XXIV
 kém cỏi to be weak XXV
 kéo nhau to go together to
 a place IX
 kế a means of..., a scheme
 for... XVII
 kết hợp to unite XXIII
- kết luận to conclude, the
 conclusion XX
 kết-quả outcome or results
 XIV
 kết-thúc to end XV
 kí-lô a kilogram IV
 kiêm to cumulate (functions),
 concurrently holding (the
 office) of... XV
 kiểm to look for or seek
 XIII,
 kiên quyết to be determined,
 with determination XXIII
 kiên-trì to hold fast or
 maintain XXIII
 kiến nghị motion, resolution
 or petition XXII
 kiến-trúc architecture XVI
 kiết dysentery II
 kiểu lộ bridges and roads
 XIX
 kinh a large canal (larger
 than 'rạch') XVI
 kinh-nghiệm to experience,
 to be experienced,
 experience XX
 kinh-tế economics XI
 kịp to be or act in time
 VI
 ký to sign XIX
 ký giả a newsmen or corres-
 pondent XXI
 ký-kết to conclude or sign
 XIX

GLOSSARY

ký ninh	quinine	II	khan	to be scarce or rare	
kỳ	a fixed period, issue,			XIX	
	number session	II	khánh tiết	festival or enter-	
kỷ-niệm	to commemorate, re-			tainment	XX
	membrance, a souvenir	VII	khảo sát	to examine or inves-	
kỹ-nghệ	industry, industrial			tigate	XVII
	XVI		khắp	to be all over or	
kỹ-thuật	technique, technical,			throughout	XXIV
	technology	XVI	khéo léo	to be skillful or	
				clever	XXI
			kiến	to cause or bring about	
			khóa-học	Science (as a subject)	
				XI	
khả năng	to be able or capa-		khóa	session, term, class,	
	ble, ability, capability			ceremony, to lock, a lock	
	XVIII			XVI	
khả quan	to be good, favorable,		khoáng chất	minerals	XVI
	or satisfactory	XVIII	khom lưng	to bend over or	
khác biệt	differences or			stoop	X
	distinctions	XV	khô	to be dry	III
khách hàng	a customer	IX	khối	mass, block, volume,	
khai giảng	to open or begin			bulk	XVI
	(a school or course)	XIII	khôn ngoan	to be clever,	
khai mạc	to open or begin			wise, or prudent	XXV
	(a conference or meeting)		không những	not only...	
	XIII			(followed later by 'mà	
khai phóng	to emancipate or			còn: but also')	XVII
	set free	XX	khởi nhóm	to begin, to hold	
khai tạm	to open temporarily			sessions	XVIII
	XVII		khū	region, zone, area	III
khai trương	to open up (a		khuyến-trương	to enlarge,	
	business or meeting)	XVII		develop, or expand	XVIII
khái quát	to generalize	XXIV			

GLOSSARY

- khủng bố to terrorize, the
terror XIV
- khuôn khổ framework, shape
and size XIV
- khuyến cáo to advise or
inform XVIII
- khuyến khích to encourage or
stimulate XX
- khuyết điểm a shortcoming
or defect XX
- khuyh hướng a tendency, to
accord with XIX
- L
- lạ to be strange or unusual
VII
- lạc to be lost, go astray
XXJV
- lạch a canal or waterway X
- lại conversely, on the con-
trary, to act contrary to
expectations V
- lan rộng to spread out or
expand XVII
- làn sóng a wave XXIV
- làng a village or commune
VII
- lánh/tránh to flee, escape
avoid XIV
- lãnh đạo to lead, leadership
XIII
- lãnh-sự consul (diplomatic
rank) XVI
- lãnh tụ a leader XXV
- lãnh thổ territory XXIII
- lãnh vai to assume a role,
to receive a part or status
- lao công labor or work XX
- lao-động to toil or labor,
a laborer or worker XII
- lạy to greet, pray or bow low
IX
- lang royal tomb I
- lang tâm imperial tomb I
- lang Ông Le-Van-Duyet's tomb
I
- lâm nguy to be in danger
XXII
- lâm thời to be provisional
or temporary XIII
- lầm lẫn to be mistaken XXII
- lẫn to be mixed together,
confused, mixed up XI
- lấp to fill in (a hole) XIV
- lập-trường position, view-
point, standpoint, editorial
point of view XXI
- lâu đời to be old or durable
XXII
- lẻ tẻ to be scattered or
sporadic XXIV
- leo thang to escalate, escala-
tion XXII
- lễ lối a manner method or
procedure XX
- lễ a feast or festival VIII

GLOSSARY

liềm	a scythe or sickle	X	lộc	prosperity	IX
Liên-Á	Pan Asian	XII	lối	path, way, manner, style	
liên hệ	to be related, a relationship	XXIII		XVI	
Liên-Hiệp-Quốc	the U.N.	XIII	lỗi	approximately, about	XIX
liên lạc	to have contact, connection or liaison		lơ là	to be indifferent	XXIV
	a contact	XVIII	lờ mờ	to be vague or unclear	XXV
liên tiếp	to be continuing in succession. continuously	XIV	lời lẽ	words or reasoning	XXI
liên tôn	interdenominational, inter-faith	XV	lợi	to be profitable or advantageous, an advantage or profit	XXIII
Liên-Xô	the Soviet Union	XXIII	lợi hại	to be dangerous or vital. advantages and disadvantages	XXIV
liền	to act immediately	XIV	lợi ích	a benefit or advantage	XXIII
liệt	to throw or cast	XIV	lợi thể	an advantageous position, gainful influence	XXII
liệu	to suppose, guess, or reflect upon	XXV	lợi tức	income or revenue	XVII
linh	soldiers	XXV	lớn lao	to be large. considerable or grandiose	XXIII
loan-truyền	to make known, communicate, spread about	XV	lũ	a gang, band, horde, or crowd	XXIV
lọc	to filter, purify, screen or strain	XVI	lúa	the rice plant	X
long-trọng	to be festive and solemn. to be formal	VIII	Lục-Tỉnh	the six original provinces of South Vietnam	V
lỗ hổng	opening, hole, or cavity	XIV			
lộ thiên	to be in the open air	XVI			

GLOSSARY

lục-quân	the Army	XIV	mãi	forever, eternally	XXV
lụt	to flood or inundate. a flood	XVIII	mảnh	fragments, torn or broken pieces (for strips or cloth)	
lữ-khách	a traveler	XIV	Mao-Trạch-Đông	Mao Tse-Tung	XXIV
lực-lượng	strength, force, military forces	XIV	mau lệ	to be quick or rapid	XV
lượm	to pick up or collect. a handful or bunch	X	máu	blood	XXIV
lương thực	food supplies or subsistence rations	XIV	may	to sew, make clothes	XVII
lượng	capacity or quantity	XVI	máy ảnh	camera	I
lưu-tâm	to pay attention to	XII	máy chém	the guillotine	XXIV
lưu-thông	to communicate, movement of commerce, traffic	XIV	mắc	to be caught in, to hang on a peg	XXIV
lưu-vong	to travel about, to go in exile	XV	mặc cảm	a complex	XX
lưu-vực	valley or basin	XIX	mặc nhiên	to be calm or indifferent	XXII
lưu-ý	to pay attention to, to call attention to	XVIII	mạn	to be salty, to be hearty of feeling	XVI
lựu-đạn	a grenade	XIV	mặt khác	on the other hand, at the same time	XIV
ly-do	reasons	XV	mặt trăng	the moon	VIII
			mặt trời	the sun	VIII
			mâm	a food tray	IX
			mất	to consume, waste, to be lost or destroyed, to die	XIV
			mất tích	to be missing	XIV
			mật thám	a spy, investigator, or policeman	XXIV
ma quỷ	ghosts and devils	IX	mẫu	Vietnamese acre, 3,600 meters	XVI
mạ	rice seedlings	X			

M

GLOSSARY

mẫu ta	Vietnamese acre	XVI	mức độ	a degree, level, standard or extent	XXII
mẫu tây	hectare	XVI	mừng	to wish or celebrate	IX
mê tin	to be superstitious	IX	mừng tuôi	wish Happy New Year	IX
mềm	to be soft or pliable	III	mỹ-thuật	fine arts, art, aesthetics	XVI
mệt	to be tired	II			
mệt mỏi	to be tired or worn out	XXIII			
Miến-Điện	Burma	XII			N
mỏ	mine or quarry	XVI			
mọc	to grow	X	nai	a deer	VII
mong	to expect, desire, hope that	II	Nam-Dương	Indonesia	XII
mồ côi	to be orphaned	XVIII	nam nữ	male and female	XVII
mô	to cut open, dissect, operate on	II	nạn	difficulty, danger, disaster, or misfortune	XII
mối	a liaison, or connection (classifier for feelings or relationships)		nạn mù chữ	illiteracy	XII
mồm	a mouth	XXII	nạn nhân	a victim of a disas- ter or tragedy	XVIII
mồng	prefix for 1st ten days of the month	VIII	này	(time or occasion) just past	XII
đang	to develop	XIX	nằm	to lie down or recline	II
mới lạ	to be new or novel	XXII	nâng	to pick up, raise, or support	XXII
mù chữ	to be illiterate	XII	nâng cao	to raise or elevate	XXII
mùa màng	the harvest season or the cultivation season	III	ném	to throw, hurl, or cast	XXIV
mục đích	goal or objective	XV	nền	foundation or background (classifier for political, economic, or cultural institutions)	XV
mục tiêu	objective, goal, or purpose	XXI			

GLOSSARY

- nền móng a foundation XX
 nêu a New Year's pole IX
 nêu to bring up (a subject),
 to display ostentatiously
 XX
 niềm tin confidence or faith
 XXI
 nóng to be impatient, quick
 tempered XII
 nóng lòng impatient or an-
 xious XII
 nổ to explode, burst, or
 rupture XIV
 nỗ lực to strive, endeavors
 XIX
 nổi to have the strength or
 ability, to be able to...
 XXIV
 nổi tiếng to be famous VII
 nổi a bad situation V
 nỗi phiền muộn a sad experi-
 ence IX
 nội các a governmental
 cabinet XII
 nôm na to be colloquial, to
 speak plainly XXII
 nông dân peasant, farmer
 III
 nông thôn village or country-
 side XX
 nồng nhiệt to be warm, ardent
 or intense XIII
 nơi a place or location VI
 núi a mountain VII
 nuôi dưỡng to nurture or care
 for XVIII
 nước a country VI
 nước nhà home country XX
 NG
 ngạc nhiên to be surprised
 or astonished XXI
 ngài he, they (3rd person,
 high status) XII
 ngang hàng to be equal, the
 equal of... XXII
 ngang tai to be disagreeable
 (to the ear) XXV
 ngắm to view, behold, gaze at
 to take aim at I
 ngăn trở to hinder, hamper,
 prevent XVIII
 ngân khoản amount, allotment
 or allocation XIX
 nghị hòa to hold peace talks
 XXII
 nghị-sĩ a senator XIII
 nghiêm trọng to be grave or
 critical XXI
 nghiên cứu to do research,
 investigate, study XVI
 ngỏ lời to speak, say a few
 words (cùng: to) XXI
 ngõ hầu in order to... XVII
 ngoại giao foreign relations
 XIII

GLOSSARY

ngoại trưởng	foreign minister	nhà giữ trẻ	a child care center
XVIII			XVII
ngoạn mục	to be beautiful	nhấc	to lift or raise, to bring up (a subject)
VII			XX
ngọt	to be sweet tasting	nhằm	to occur on, to aim at
XVI			VIII
ngôi	status, rank, position (classifier for stars, graves, temples, hills)	nhầm	to be mistaken
XVI			IV
ngu dốt	to be stupid	nhân	to take advantage of...
XXV			VII, on the occasion of...
ngũ niên	five year (plan)		XIX
XIX		nhân cơ hội	to take advantage of the opportunity
ngục thất	a jail or prison		VII
XXIV		nhân dịp	on the occasion of
nguồn	source, origin, or cause		XIX
XVIII		nhân bản	humanism
nguy	to be dangerous, hazardous		XX
XXV		nhân công	manpower, human labor
nguyên nhân	a cause or factor		XXV
XXIV		nhân dân	the people (of a country)
nguyên tắc	a principle or primary rule/cause		XV
XX		nhân loại	mankind
ngừa	to prevent		XX
II		nhân vật	official figures or personages
ngược lại	on the contrary, vice versa, conversely		XV
XX		nhân-viên	an employee or member, personnel
ngưỡng mộ	to admire		XII
XXV		nhấn	to press on, to urge, to stress
NH			XV
nhà sở	directorates and offices	nhấn mạnh	to emphasize
XV			
		nhận	to receive, accept, take in
			XVII
		nhận định	to formulate (correctly)
			XX
		nhận lời	to accept or agree to
			XII

GLOSSARY

nhận thức	to realize	XXIV	
nhận xét	to examine, observe, or look at carefully	XX	ô
nhập cảng	to import	XIX	
nhập học	to enter school	XIII	PH
nhất định	to decide definitely	VIII	phá
nhì-đồng	a young child, children	XVIII	to destroy or demolish
nhìn	to look at, stare at	I	IV
nhiệm vụ	responsibility or mission	XVII	phá-hoại
nhiệt tình	warm affection	XXV	to destroy, sabotage, to be destructive
nhiệt liệt	warmly, enthusiastically (of ovation or welcome)	XVI	phá-hủy
nhóm	a group, to gather unite, or meet	XX	to destroy
nhóm họp	to attend a meeting or session	XV	phác-họa
nhô	to pull out, uproot, to pluck or extract	II	to sketch or outline
nhỡ	to miss (a plane or boat) in case that, just in case	II	XXI
nhục mạ	to insult or revile	XXII	phải
			to send, dispatch, or appoint
			XXV
			phái đoàn
			a mission or delega- tion
			XII
			phạm vi
			sphere, region, domain, or competence
			XVII
			phản nản
			to complain or grumble (about)
			XXI
			phản đối
			to be opposed to or to object to
			XXII
			phản ứng
			to react, a reaction
			XXII
			pháo thủ
			artillerymen
			XXV
			pháp trị
			the rule of law
			XXI
			phát
			to distribute, to emit, to start, break out, to become...
			XVII

GLOSSARY

- phát động to begin, to wage,
to promulgate XXIII
- phát ngôn to speak (official-
ly), to deliver a speech
XVIII
- phát-ngôn-viên a spokesman
XVIII
- phát thanh to broadcast
XXI
- phát-triển to develop or
expand XIX
- phân manure, fertilizer X
- phân hóa to disintegrate
devisiveness XXI
- phân khoa a faculty or sub-
division of a university
XIII
- phân phối to distribute XVIII
- phân tích to analyze XXIII
- phần tử an element or faction
XV
- Phật-Giáo Buddhism XV
- Phật-Tử Buddhist XV
- phe faction, side, or sect
XXIII
- phi-cơ airplane VIII
- phi-trường airfield VI
- phì nhiêu to be fertile or
rich (land) XXV
- phía direction, way, side
XIV
- phiên họp a meeting or session
of conference XII
- phiền muộn sad or troublesome
IX
- phim films or motion pictures,
photographic film I
- phó- vice-...., deputy...,
assistant... XV
- phong bì an envelope VI
- phong cảnh landscape, view,
scenery VI
- phong kiến to be feudal or
feudalistic XXIV
- phong trào a movement (liter-
ary or social) XXIII
- phòng ngừa to prevent XX
- phòng thuốc pharmacy XVII
- phòng đoán to guess or con-
jecture XXI
- phổ biến to make generally
known, popularize XIV
- phổ thông to be general, uni-
versal, popular or common
XI
- phu-nhân Mrs., wife (of an
official) XV
- phù-cường to be a prosperous
and powerful nation XIII
- phù-hạp/hợp to be in keeping
(với: with) XXI
- phủ thủ-tướng the Prime Min-
ister, office of the Prime
Minister XIX
- phụ cận to be neighboring
XIV

GLOSSARY

- phụ huynh father and elder
brother XX
- phụ-nữ a woman. women
(in the generic sense)
XVII
- phụ trách take charge of,
assume responsibility
XVI
- phúc good luck, happiness
IX
- phục-kích to ambush, to
lay an ambush XIV
- phục tùng/túng to submit to,
yield to or obey XXIII
- phùn to be misty or drizzle
III
- phụng-sự to serve or contri-
bute services XIX
- phương pháp method or way
XII
- phương tiện means, way, or
method XVIII
- Q
- quà snacks, presents or gifts
XX
- quan điểm a point of view,
or position XXI
- quan hệ relations, a rela-
tionship, to be important
XXIII
- quan lang mandarin, official,
officer XXIV
- quan-niệm concept, conception
or viewpoint XX
- quan tâm to be concerned with
(đón, tới) XVII
- quan-trọng to be important
VIII
- quán Inn, restaurant, store,
office, hall, house, (orig-
inally 'hut') XVII
- quản cơm xã-hội a social wel-
fare commissary XVII
- quản to mind or be bothered
XXV
- quản lý to manage, a manager or
overseer XXV
- quãng đời a period of time
XXI
- quặng an ore deposit XVI
- quặng sắt an iron ore deposit
XVI
- quân đoàn an army corps XIII
- quân đội the army or the troops
XIV
- quân lực armed forces XIII
- quân nhân serviceman XVII
- quân sự military affairs,
military XV
- quần chúng the masses XXIII
- quận a county or district XX
- quận-ly a district capitol
XIV

GLOSSARY

S

sạch sẽ	to be clean and neat	XVII	sinh-hoạt xã-hội	social processes	XVIII
sai	to send, commission, command, o. order	XXIV	sinh-mệnh	human life	XXIII
sai lầm	to be mistaken, a mistake	XXIII	sinh nhai	to make a living	XVII
sản phẩm	products	XIX	sinh-nhật	a birthday (Christmas)	VIII
sản xuất	to produce	VII	so	to compare, to be compared (với) with	V
sáng	to be bright, well-lighted	IX	soạn thảo	to draft (a document)	XX
sao	a star (ngôi classifier)	XXV	song	but, however	XXV
săn bắn	to hunt, hunting	VII	số phận	fate or destiny	XVIII
sẵn sàng	to be prepared, to be at the point of...	XXIII	sôi nổi	to be lively or exciting	XVI
sắt	iron	XVI	sông	a river	XVI
sân	a courtyard, field or compound	IX	sơ qua	to be sketchy	VII
sâu	1. worm/decay of fruit or teeth II 2. deep or profound, deep sunk	XVI	sở	an office, bureau, service, or department	XVII
sâu sắc	to be profound	XXV	sở dĩ	the reason why...	XXII
sét	a thunderbolt	XXV	sở tại	local (people or authorities)	XVI
sĩ-quan	an officer	XIV	sở thú	the zoo	I
sinh-hoạt	to live or be alive, life or existence (the activities of living)	XVIII	sợ	to be afraid	XII
			sum họp	to gather together (a family), to be united	IX
			súng	a rifle	XIV
			súng, cá nhân	an individual weapon	XIV
			suốt	to go through, throughout, all...long...	XXIII

GLOSSARY

suốt đời all the time,
throughout life, con-
stantly XXIII
suy luận to think, reason, or
consider XXI
sử dụng to employ or use
XXV
sự- affair, event, matter
(classifier: nominalized
vervals) XIV
sự-nghiệp task, undertaking,
or career XXV
sự-thực the truth XXII
sửa to repair, fix, mend,
arrange, correct, change
XVII
sửa chữa to make repairs
XVII
sửa sang to alter or im-
prove, alterations XVIII
sữa đặc condensed milk
XIX
sức khỏe health, healthy
XVII
sướng to be happy or gay, to
be enjoyable X

T

tả to describe, express, or
write VI
tai mắt notable person
XII

tái re- (as a prefix)
XVIII
tái hoạt động to be re-acti-
vated XVIII
tái lập to reestablish XXI
tài chánh/chính finances
XIX
tài nguyên resources XX
tạm to be provisional, tem-
porarily XIV
tan to dissolve or melt,
to disperse or disintegrate
II
tan vỡ to be broken up XXIII
Táo-Quân the Kitchen God IX
tạo thành to create XXII
tạo thể to create, make or
formulate XXI
tát to drain or scoop (water)
X
tắm to bathe VII
tang cường to strengthen or
reinforce XX
tấc a decimeter X
tâm lý psychology, psycho-
logical XX
tấm lòng the heart or physical
essence XXIII
tân to be new, recent, to be
virgin XIII
tân-sinh new life XIV
tấn a metric ton XVI

GLOSSARY

tấn công	to attack	XV	tịch thu	to confiscate or seize	XIV
tấn khảo	to interrogate or examine	XXIV	tiếc	to feel sorry, regret	XXI
tận diệt	to destroy com- pletely	XXI	tiệc	a banquet or dinner	XII
tận mắt	with one's own eyes	VI	tiên phong	the vanguard, pioneers or shock troops	XXIV
tầng trên	the upper floor	XIII	tiến	to move forward, advance, progress	II
tập-hợp	to gather together, to concentrate	XXI	tiến bộ	to make progress	XVI
tập quán	a habit	XX	tiến hành	to carry out (duties or work)	XVI
tập thể	to be collective, collective	XXIII	tiến-hóa	to develop gradually, evolution	XX
tập trung	to concentrate, gather together, or cen- tralize	XXIV	tiền công	salary or wages	XXV
tâu	to report (to the king)	IV	tiễn	to see (someone) off, to say goodbye to	IX
tàu bay	airplane	IV	tiện thể	for convenience sake, while we are on the subject	II
tàu hỏa	train	IV	tiếng chung	a common term, the usual expression	VIII
tàu thủy	boat	IV	tiếng nói	language, tongue, voice	XXI
tem	a stamp (tax or postage)	IV	tiếp đón	to receive, greet, or meet	XVIII
tế-nhị	to be subtle or deli- cate	XXI	tiếp kiến	to receive or wel- come (a high official)	XIII
tết	a feast or festival	III			
Tết Nguyên-Đán	New Year's festival	III			
ti	a little bit, to be tiny	III			
tích cực	to be active or positive	XIII			

GLOSSARY

tiếp nhận	to accept, receive, or admit	XVIII	tinh-cách	character or nature	XII
tiếp tế	to supply (food or munitions), logistical support	XVIII	tình	feelings, sentiments	XXV
tiếp tục	to continue or proceed	XVIII	tình cảnh	situation, plight, or conditions	XXIV
tiếp viện	reinforcements	XIV	tình-hình	the situation or conditions	
tiếp xúc	to make contact	XIII	tình nguyện	to volunteer or be willing, voluntary	XVIII
tiêu trường	an outlet	XIX	tình thế	a condition or situation	XV
tiêu-công-nghệ	handicrafts	VII	tình-trạng	conditions, situ- ation, state of affairs	XIX
tiêu khu	sub-sector	XIV	tỉnh-ly	a county seat, pro- vince capital or chief town	XVI
tiêu liên	a submachine gun	XIV	tỉnh-trưởng	Province Chief	XV
tin	to trust, believe, have confidence in	IV	tỏ	to express, reveal, or declare	XXV
tin-đồn	a rumor	XV	tỏ-y	to make known an inten- tion or opinion	XIII
Tin-Lành	the Gospel, Protes- tant	VIII	toa	a railroad car	V
tin-túc	news	XII	tòa tỉnh-trưởng	Office of the Provincial Governor	XVIII
tin-tưởng	to trust or have confidence in	XX	toạc	to be ripped or torn, (to speak) openly, frankly	XXI
tín	to believe	VIII	toan-học	Mathematics	XI
tín-đồ	a follower or believer	VIII			
tín-nhiệm	to have confidence or trust, confidence/trust	XIII			
tinh-thần	morale or spirit	XVIII			

GLOSSARY

toàn	the whole...	XIII	tốt đẹp	to be fine or good	
toàn quốc	national	XIII		IX	
toàn bộ	the whole...	XXIII	tốt nghiệp	to graduate	XVII
toàn quyền	full powers,		tú-tài	baccalaureate, high	
	Governor-General, supreme			school diploma	XI
	leaders	XXV	tuần-tự	to be in order, or	
tố cáo	to denounce, accuse,			sequence	XIX
	or charge	XXII	tung	to throw or fling, to	
tổ chức	to organize, an or-			spread (news)	XV
	ganization	XV	tuồng(vở)	a play, a film or	
tổ tiên	ancestors, fore-			appearance	I
	fathers	IX	tuổi tác	to be very old	XX
tôn giáo	religion or faith		tuy-nhiên	however	III
	XV		tùy	to depend on...	VII
tôn kính	to respect, honor,		tuyên bố	to announce, declare,	
	or venerate	XXV		or state	XV
tôn trọng	to respect or		tuyên truyền	to propagandize,	
	honor	XXIII		propoganda	XXI
tốn	to be costly (time, money,		tuyệt	to be cut off	XXII
	effort)	I	tu	to be private or personal	
tồn tại	to exist or survive			XI	
	XXII		tu bản	to be capitalistic,	
tôn thất	to lose, a loss,			capital, capitalism	XXIV
	casualty or damage	XXV	tu-cách	aptitude, qualifica-	
tổng-cộng	the grand total			tions	XVIII
	XIX		tu-lệnh	to command, commander	
tổng-quat	a general view			XIII	
	XVIII		tu sản	private property	XXIV
tổng số	total number	XVII	tu tưởng	a thought or concept,	
tổng-thống	President	XIX		to think	XXIII
tổng-trưởng	Minister or Secre-		từ chối	to refuse or decline	
	tary of...	XV		XXI	

GLOSSARY

từ chức	to resign	XIII	thác nước	a waterfall	VII
từ thiện	to be benevolent or charitable	XIV	thái-độ	an attitude, manner or air	XXI
tử tế	to be kind, decent, careful	IX	tham-dự	to take part in	XVI
tử thương	to die of a wound	XIV	tham gia	to participate in	XII
tự-do	to be free, freedom	XV	tham-mưu-trưởng	Chief of Staff	XIII
tự hỏi	to ask oneself or wonder about	XXV	tham nhũng	to be corrupt and graft-ridden	XXI
tự mình	oneself, (to do some- thing) oneself	XXIV	thanh lọc	to purge, purify	XV
tùng	quantity or amount, in groups of...	X	thanh-niên	youth, the youth, young men	XVI
tương đối	to be relative, mutually corresponding	XX	thanh nữ	young girls	XVI
tương lai	to be in the future, the future	IX	thanh-tra	to inspect, an inspector	XVIII
tương tự	to be similar to (each other)	III	thành	to become...	X
tướng lĩnh	the commander	XV	thành công	to succeed, success	XXIV
tưởng	to think or imagine	XXV	thành kiến	a prejudice or preconceived notion	XX
tượng trưng	to symbolize or represent	IX	thành lập	to form or set up, to establish	XII
ty công-chánh	Bureau of Public Works	XIV	thành phần	a component, con- stituent, the composition of	XV
ty	billion	XVI	thành tâm	to be sincere	XXI
			tháp	a tower	VII
			thay mặt	to represent or act on behalf of	IX
tha thu	to forgive or pardon	XX	thắc mắc	to be worried or anxious	XXI

TH

GLOSSARY

tham dò	to inquire, investigate, examine	XVI	thi hành	to carry out	XVIII
thăng tay	to act or punish severely	XXIV	thi nhau	to compete or race, participate in a contest	V
thăng thân	to be upright, or righteous	XX	thí sinh	a degree candidate	XI
thắp	to light up (lamp, candle)	IX	thí thân	to sacrifice one's life	XXI
thăm	to speak in a whisper	XXV	thị oai	to demonstrate or display force	XXIV
thất bại	to lose or fail, failure	XXIV	thị-trường	the economic market, markets in general	XIX
thất cử	to fail to be elected	XXI	thị-trưởng	Mayor	XV
thất lạc	to be lost or missing	XIV	thị-xã	cities and townships	XVIII
thật	to be real or true, truly, really	II	Thiên-Chúa	Christian	VIII
thầy bói	a fortune teller	IX	thiên-nhiên	Nature, to be natural	VII
theo kịp	to be in accord (with)	XX	thiện-chí	good will	XVIII
thế giới	the world	XII	thiếp	a card	XII
thê theo	to take into consideration, to be in accord with	XIX	thiếp mời	an invitation	XII
thê văn	literary form or style	XII	thiết	to care for, have interest in	XV
thết đãi	to entertain	XII	thiết lập	to set up or establish	XV
thi	to take an examination, an exam, contest, competition	XI	thiết thực	to be realistic or practical	XVIII
thi cử	examinations	XX	thiếu nợ	to owe debts	IX
			thiếu tướng	brigadier general	XIII
			thiểu số	a minority	VIII
			thỉnh-thoảng	from time to time, now and then	III

GLOSSARY

- thọ long life IX
- thỏa đáng to be satisfactory,
appropriate, fitting or
proper XXI
- thỏa-hiệp to agree, an agree-
ment XIX
- thỏa thuận to agree or
consent XII
- thỏa-ước an agreement XIX
- thoát khỏi to escape from
XXV
- thổi to blow (of wind), to
play (a wind instrument),
to cook (food) III
- thông pine trees VII
- thông cảm to understand XX
- thông cáo a bulletin or an-
nouncement XIII
- thông tin to inform, informa-
tion XVI
- thông thạo to be expert or
knowledgeable XIII
- thống kê statistics XIX
- thờ tự to worship XV
- thợ-thuyền workers XII
- thời gian a period of time
XIV
- thời tiết the weather or
climate III
- thu-hẹp to restrict, limit,
or make narrow in scope
XVII
- thu to collect, gather XXIV
- thu-hút to attract or bring
in V
- thú-vật animals VII
- thú-vị the be pleasant, in-
teresting VI
- thủ-công-nghệ handicraft
industries XVII
- thủ-đô capitol city XX
- thủ-quỹ cashier or treasurer
XIX
- thủ-tục a procedure XX
- thủ-tướng prime minister
XII
- thuật (lại) to relate, narrate,
or report VI
- thuốc mê an anesthetic II
- thuộc to belong to XIII
- thuộc địa a colony, colonial
XXV
- thủy-cục water bureau XVI
- thủy-vận water transportation
XIX
- thuyết trình to present a
report or give a paper XV
- thư a letter IV
- thừa to avail oneself of
(an opportunity) IX
- thừa to be left over, super-
fluous, to have in excess
V
- thực dân to colonize, colo-
nialist, colonialism XXV

GLOSSARY

- thực-hiện to realize, fulfill, or achieve XVIII
 thực-phẩm foodstuffs, provisions XIX
 thực-phẩm Phung-Su Hòa-Bình the Food for Peace Program XIX
 thực tại to be real or true, reality XXI
 thương cảng a commercial port XIX
 thương gia a businessman or trader XIX
 thương mại commerce, commercial XIX
 thương thuyết to negotiate XII
 thường xuyên to be permanent or regular XX
 thượng on, above, upper, supreme, to go up VII
 Thượng-Đế the heavens, God IX
 Thượng-Hội-Đồng the upper house of the legislature XIII
 Thượng-Tọa Bonze, Reverend, Venerable XV
- TR
- trái to be contrary to, to be the reverse of VIII
 tranh đấu/đấu tranh to struggle XXIV
 tranh thủ to strive for..., to strive to... XXIII
 tránh to avoid or flee from XIV
 trao đổi to exchange XII
 trào lưu a current of thought, an intellectual trend XX
 trắc-nghiệm to test/experiment XVII
 trâu a water buffalo X
 tre bamboo IX
 treo to hang, suspend or display IX
 trễ to be late XXII
 trị-giá to be worth XVI
 trí-thức intellect, intellectual XXIV
 trích to pick, pick out, extract, or excerpt XXIII
 trích lời selected sayings (quotes) XXIII
 triển lãm exhibit, exhibition XVI
 triết lý philosophy XI
 triết học philosophy XI
 triệu tập to call (a meeting) to convene (an assembly) XIX
 trình to report XIX
 trình bày to display, present. or make a presentation XV

GLOSSARY

trình diễn	to present or perform	XVI	trù liệu	to plan	XIX
trình độ	level. standard, degree, or extent	XXV	trụ sở	headquarters, main office	XIV
trong	to be pure, clear	VII	trung bình	average, on the average	III
trong sạch	to be pure/clean	XV	Trung-Phần	Central Vietnam	III
trong trắng	to be pure or clean	XXIII	trung-tá	Lt. Colonel	XV
trọng	to be heavy, serious or severe	XXV	trung-tâm	the center, central, an activity center	XVII
trọng tâm	the center of gravity, a focal point	XVIII	trung-thành	to be loyal	XXIII
trở tài	to show off, to display talent	XXIV	trung-tướng	major general	XIII
trông nom	to look after, oversee, supervise	XVII	trúng	to hit, be hit by, to be on target	XIV
trồng	to grow or cultivate	X	truy-kích	to pursue and attack	XIV
trở nên	to become or turn out to be	XVIII	truyền tin	communication	XIV
trở ngại	an obstacle	XIV	trừ giết/diệt	to eradicate	XXIV
trở thành	to become	XXIV	trừ	except for, unless	XXI
trở xuống	to proceed downward	XVII	trừ phi	unless	XXII
trợ cấp	to give aid to or subsidize	XIV	trữ	to save, keep aside, hoard	XVI
trú	to take shelter, to dwell, to live, to stop or stay over	XIV	trục tiếp	to be direct or immediate	XXII
trú khu	living quarters	XVII	trường hợp	circumstances or conditions	XIII
trú ngụ	to dwell or reside	XVII	trưởng-ty	section chief, or bureau chief	XVIII
			trượt	to fail an exam	XI

GLOSSARY

U

ủng-hộ to support XXIII
 uy-quyền authority or power
 XXI
 uy-tin/thể prestige XX
 ủy-ban committee/commission
 ủy-lạo to comfort or offer
 support, to console XIV

Ư

ứng-cử to be a candidate,
 to run for office XXI
 ước-chúng approximately
 XVI
 ước-đoán to speculate or
 make predictions XXI
 ước-lượng to estimate XVI
 ước-vọng wishes, desires or
 promises XXI
 ưu-tú to be brilliant or
 outstanding XI

V

vá to mend, do needlework
 XVII
 vạch to draw a line, to re-
 veal or uncover XXV
 vai role, part, position or
 rank XXV
 vai trò role or part XX
 vái to greet or pay respects
 to IX

vãn hồi to return, restore,
 or save a situation XX
 văn hóa culture or education,
 cultural/educational XII
 vắng to be absent, missing,
 away XII
 vấn đáp questions and answers
 XI
 vấn đề a problem, subject,
 topic or question XII
 vận mệnh destiny or fate
 XXV
 vận tải to transport, transpor-
 tation XIX
 vất vả to work hard, toil,
 to be laborious X
 vé a ticket or coupon I
 vĩ đại to be great or imposing
 XXV
 vị (classifier for persons of
 high status)
 viên tablet, pill II
 viên chức an official XIV
 viện classifier for institu-
 tions, houses or great halls
 I
 viện trợ to assist or aid,
 assistance XV
 viếng to pay a visit, to pay
 respects XV
 viếng thăm to pay a visit
 XV
 Việt-Cộng Vietnamese Communists
 XIV

GLOSSARY

- Việt-Kiểu Vietnamese national, resident in a foreign country XVI
- vô cùng to be endless XXV
- vô-khí/vũ khí weapons or armaments XXII
- vô sản to be propertyless or proletarian XXIV
- vô-sự to be unoccupied, to be all right XIV
- vô-tình to be indifferent or unintentional XXII
- vô-tuyến wireless, radio telegraphy XXI
- vội to be hasty, urgent, pressing IV
- vội vàng to be in a hurry VI
- vũ lực/võ lực force or violence, force of arms XXII
- vụ season, period, business, duty, affair (classifier for certain actions and affairs) XXIII
- vừa...vừa... both... and... ... at the same time I
- vững to be stable or firm, to remain in power XXIII
- X
- xa lạ to be unfamiliar or strange VI
- xa lộ a major road or highway XIX
- xa xôi to be far away or distant XX
- xã a village or commune XIV
- xã-hội society, social, socialist, social welfare XII
- xanh tươi to be verdant or luxuriant XXV
- xâm lang to invade, an invasion XXI
- xâm lược to invade XV
- xâm nhập to enter, infiltrate XVI
- xây to build, construct, erect XVI
- xây/xây ra to take place VI
- xét to consider, pass judgment on, or examine XVIII
- xếp to set, arrange, or put in order XIX
- xóm hamlet, village, neighborhood XVII
- xốp to be loose or spongy X
- xua đuổi to drive away or chase out IX
- xuất to advance (money), to go out, issue forth, pass out (classifier for a meal or ration) XVII

GLOSSARY

xuất cảng	to export	XIX	yêu cầu	to request, to	
xuất ngoại	to go abroad	XIX	urge		XV
xuất thân	to begin as,		yêu chuộng	to love or be	
origins		XXIV	fond of		XXIII
xúc tiến	to promote or push		yêu mến	to love or be fond	
forward		XIX	of		XXV
xung đột	to clash or conflict		yêu nước	to be patriotic	
		XXV			XVII
xung quanh	all around	I			
xuyên	to go through, trans-				
		XVI			
xử dụng	to make use of				
		XIX			
xử-sự	to conduct oneself,				
	to act or behave	XXI			
xứng đáng	to be worthy, merit,				
	or deserve	XXIII			
xương	a bone, bones and				
	skeletons	XXIV			

Y

ý-kiến	opinion or viewpoint	
		XX
y-sĩ	a physician	XX
y-tế	public health, medicine	
		XX
ý-nghĩa	meaning or significance	
		IX
ý-thức	to conceive of, a con-	
	cept, consciousness	XX
yên-lòng	to be assured or	
	unworried	